

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
VIỆN QUAN HỆ QUỐC TẾ

GIÁO TRÌNH

LỊCH SỬ PHONG TRÀO CỘNG SẢN
VÀ CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

HỆ CỬ NHÂN CHÍNH TRỊ



NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

**HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
VIỆN QUAN HỆ QUỐC TẾ**

GIÁO TRÌNH

**LỊCH SỬ PHONG TRÀO CỘNG SẢN
VÀ CÔNG NHÂN QUỐC TẾ**

HỆ CỦ NHÂN CHÍNH TRỊ

**NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
Hà Nội - 2005**

Chủ biên
ThS Nguyễn Xuân Phách

Tập thể tác giả

ThS Nguyễn Xuân Phách	<i>Chương 1, 11</i>
TS Nguyễn Thế Lực	<i>Chương 2, 9</i>
TS Vũ Quang Vinh	<i>Chương 3, 7</i>
ThS Trần Huy Thường	<i>Chương 4</i>
ThS Nguyễn Danh Quỳnh	<i>Chương 5</i>
ThS Phạm Thị Phúc	<i>Chương 6</i>
ThS Hà Văn Thẩm	<i>Chương 8</i>
TS Nguyễn Viết Thảo	<i>Chương 10</i>

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản	7
Chương 1: Đổi tượng và phương pháp nghiên cứu môn	
Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân	
quốc tế	9
I. Vị trí môn học	9
II. Đổi tượng và phương pháp nghiên cứu	12
III. Kết cấu nội dung	16
Chương 2: Phong trào công nhân từ khởi đầu đến	
Công xã Pari	21
I. Giai cấp vô sản hiện đại và phong trào đấu tranh của	
nó trong thời kỳ đầu	21
II. Phong trào công nhân từ khi có chủ nghĩa Mác đến	
Công xã Pari	29
Chương 3: Hội Liên hiệp công nhân quốc tế - Quốc tế I	
(1864-1876)	45
I. Sự ra đời của Quốc tế I	45
II. Hoạt động của Quốc tế I	50
III. Quốc tế I giải tán và ý nghĩa của nó	58
Chương 4: Quốc tế II - Quốc tế Xã hội chủ nghĩa	61
I. Hoàn cảnh ra đời của Quốc tế II	61
II. Hoạt động của Quốc tế II qua các kỳ đại hội	68
III. Sự phâ săn của Quốc tế II	81
Chương 5: Phong trào công nhân quốc tế từ sau Công	
xã Pari đến năm 1917	87
I. Phong trào công nhân cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX	87
II. Sự ra đời và phát triển của các đảng xã hội chủ nghĩa	
của giai cấp công nhân	99
Chương 6: Phong trào công nhân từ sau Cách mạng Tháng	
Mười Nga đến Chiến tranh thế giới thứ hai	109
I. Cách mạng Tháng Mười - bước ngoặt vĩ đại trong lịch	
sử loài người và trong phong trào công nhân quốc tế	109

II. Phong trào công nhân sau Cách mạng Tháng Mười	111
III. Phong trào công nhân trước Chiến tranh thế giới thứ hai	122
Chương 7: Quốc tế III - Quốc tế Cộng sản (1919-1943).....	127
I. Sự thành lập Quốc tế III	127
II. Hoạt động của Quốc tế III qua các kỳ đại hội	130
III. Quốc tế Cộng sản tự giải tán	138
Chương 8: Cương lĩnh chung của phong trào cộng sản.....	143
I. Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa năm 1957	144
II. Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân năm 1960	147
III. Hội nghị đại biểu các đảng cộng sản và công nhân năm 1969	154
Chương 9: Trào lưu xã hội dân chủ quốc tế.....	161
I. Nguồn gốc, lịch sử phát triển của trào lưu xã hội dân chủ.....	161
II. Bản chất của chủ nghĩa xã hội dân chủ.....	167
III. Mối quan hệ giữa những người cộng sản và xã hội - dân chủ.....	172
Chương 10: Phong trào cộng sản quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.....	177
I. Quá trình vận động của phong trào cộng sản quốc tế từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến cuối năm 1991	177
II. Quá trình phục hồi, củng cố và phát triển của phong trào cộng sản quốc tế từ đầu thập niên 90 đến nay.....	186
Chương 11: Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế	203
I. Sự xuất hiện chủ nghĩa cơ hội	203
II. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế	210

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là một môn khoa học nghiên cứu quá trình hình thành, phát triển của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và chính đảng của nó.

Được sự chỉ đạo của Hội đồng chỉ đạo biên soạn giáo khoa, giáo trình của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Quan hệ quốc tế, dưới sự chủ biên của ThS Nguyễn Xuân Phách, đã biên soạn tập giáo trình *Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*. Tập giáo trình gồm 11 chương, phản ánh một cách tương đối đầy đủ, có hệ thống về lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; từ đó cung cấp cho học viên những nội dung trọng yếu, những tri thức về các sự kiện quan trọng, điển hình của phong trào công nhân từ khi xuất hiện chính đảng đầu tiên của mình đến nay.

Nhằm tiếp tục đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập của cán bộ, giáo viên và học viên hệ cử nhân lý luận chính trị thuộc hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị đã tiến hành tái bản tập giáo trình này.

Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là môn học chứa đựng trong nó nhiều nội dung, sự kiện phức tạp, nhạy cảm, thường xuyên biến đổi; đòi hỏi phải liên tục bổ sung, cập nhật tư duy và thực tiễn mới. Rất mong nhận được những ý kiến góp ý quý báu của bạn đọc để tập giáo trình được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau.

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Chương 1

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN LỊCH SỬ PHONG TRÀO CỘNG SẢN VÀ CỘNG NHÂN QUỐC TẾ

I. VỊ TRÍ MÔN HỌC

Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là một môn khoa học nghiên cứu lịch sử hình thành, phát triển của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và chính đảng của nó.

Việc xác định giai cấp công nhân và đảng vô sản là đối tượng nghiên cứu chủ yếu của môn học, đã khẳng định lịch sử phong trào công nhân là một bộ phận quan trọng của lịch sử thế giới nói chung, trong đó giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo, người đi tiên phong trong đấu tranh cách mạng, là “*trái tim của thế giới*”, là giai cấp “*có tính chủ động lịch sử vĩ đại*”.

Từ khi chính đảng của giai cấp công nhân ra đời, thì nghiên cứu lịch sử phong trào công nhân không thể không phân tích vai trò, vị trí của những người cộng sản và mối quan hệ của các đảng cộng sản.

Vì vậy, nghiên cứu lịch sử phát triển của giai cấp công nhân và toàn bộ phong trào công nhân quốc tế, nghiên cứu vai

trò lãnh đạo của các đảng cộng sản trong việc thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân chiếm vị trí quan trọng trong toàn bộ môn học.

Lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là một trong những nguồn trí tuệ của Đảng, là kho tàng kinh nghiệm phong phú của thế giới. Những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, vừa là nhà tổ chức, tổng kết phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, vừa là người lãnh đạo của đảng cộng sản nghiêm túc tiếp thu những kinh nghiệm đấu tranh ấy để xây dựng chiến lược, sách lược đấu tranh của giai cấp công nhân chống giai cấp tư sản.

Ph. Ăngghen nói: “Để tránh rơi vào không tưởng, chủ nghĩa xã hội phải xuất phát từ miếng đất hiện thực”. Đó chính là phong trào công nhân.

Đối với các đảng cộng sản, lịch sử phong trào công nhân là một thực tế sinh động, bổ sung kinh nghiệm và làm phong phú thêm những quy luật đã được tổng kết của học thuyết Mác. Lê nin nói, một Đảng lãnh đạo phải “già dặn về chính trị”. Sự già dặn về chính trị của một Đảng do nhiều yếu tố tạo thành, nhưng sự khảo nghiệm về trí tuệ, lý luận và kinh nghiệm từ phong trào công nhân là một yếu tố có tầm quan trọng hàng đầu.

Do vậy, việc nhận thức đầy đủ về lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế góp phần làm giàu trí tuệ, kinh nghiệm lãnh đạo của đảng cộng sản trong cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân.

Lênin nói, đối với những người công nhân giác ngộ, không có nhiệm vụ nào quan trọng hơn là nhận thức được phong trào của mình, thực chất của phong trào đó, những mục tiêu và nhiệm vụ, những điều kiện và hình thức thực tế của phong trào.

Đối với các đảng cộng sản, việc nhận thức đầy đủ lịch sử phong trào công nhân quốc tế còn có ý nghĩa trực tiếp góp phần giáo dục chính trị cấp bách. Những dữ kiện, những bài học trong lịch sử giúp những người cộng sản hiểu được quá khứ, nhận thức được hiện tại, từ đó làm giàu thêm tri thức để dự đoán tương lai. Những tri thức ấy là cơ sở giúp những người cộng sản định ra được đường lối, chiến lược, sách lược đúng trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân nhằm cài tạo xã hội, xoá bỏ chế độ bóc lột và xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Chính những bài học, kinh nghiệm trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đã góp phần bổ sung lý luận, làm phong phú thêm những nguyên lý lý luận của chủ nghĩa Mác. Với ý nghĩa ấy, lịch sử phong trào công nhân là cơ sở thực tiễn của chủ nghĩa Mác; mặt khác, chủ nghĩa Mác - với tư cách là khoa học và cách mạng - lại là điều kiện để đưa phong trào công nhân từ tự phát đến tự giác. Do vậy, những người cộng sản phải nghiên cứu phong trào công nhân một cách nghiêm túc.

Đặc biệt trong tình hình hiện nay, khi mà phong trào cộng sản đang từng bước hồi phục sau thời kỳ khủng hoảng, chủ nghĩa xã hội ở vào một tình trạng thoái trào tạm thời, thì việc nghiên cứu một cách nghiêm túc lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế giúp chúng ta củng cố được niềm tin, nâng cao bản lĩnh và lập trường cách mạng, chống những biểu

hiện dao động, hoài nghi về lý tưởng đối với chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Về ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, V.I. Lê nin đã khẳng định: chủ nghĩa Mác xuất phát từ chỗ cần phải nghiên cứu toàn bộ kinh nghiệm quốc tế vô cùng phong phú của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và bảo đảm làm sao để những “công nhân giác ngộ... hiểu được tầm quan trọng của phong trào công nhân và nhận thức chính xác phong trào đó”⁽¹⁾.

Chặng đường mà lịch sử phong trào công nhân quốc tế đã trải qua và những kinh nghiệm đấu tranh của nó qua các thời kỳ là một thực tế vô cùng phong phú; là những tri thức khoa học quý báu đối với giai cấp công nhân và các đảng cộng sản trong cuộc đấu tranh giai cấp không chỉ trong quá khứ, mà cả hiện nay và trong tương lai để đi tới thắng lợi hoàn toàn trong việc thực hiện sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng môn học

C. Mác, Ph. Ăngghen - những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, đã đi từ nghiên cứu sự hình thành, phát triển của giai cấp công nhân quốc tế về vai trò, vị trí của giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng thế giới, về những hình thức tổ chức và phương pháp hoạt động để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử thế giới của mình, để tổng kết phong trào công nhân quốc tế.

⁽¹⁾ V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M. 1980, t.25, tr.264.

Việc nghiên cứu lịch sử phong trào công nhân quốc tế được bắt nguồn từ thời kỳ mạnh nha của giai cấp công nhân - thời kỳ công trường thủ công đến giai cấp vô sản đại công nghiệp.

Theo C. Mác, nghiên cứu một phong trào, trước hết phải biết giai cấp nào là động lực chủ yếu của lịch sử và quyết định tiến trình lịch sử ấy. Mác khẳng định, giai cấp công nhân hiện đại “*có tính chủ động lịch sử vĩ đại*”, có vai trò quyết định tiến trình cách mạng trong cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng nhân loại. Cùng với giai cấp công nhân, các đảng cộng sản đã trở thành chủ thể chính của lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Những quy luật mà môn lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế nghiên cứu là những *quy luật lịch sử - chính trị của phong trào từ khi xuất hiện chủ nghĩa Mác và chính đảng của giai cấp vô sản - đảng cộng sản*.

V.I. Lênin cho rằng, đó là những “*nguyên lý khoa học chính trị*”, những “*chiến lược, sách lược chính trị*”, những “*kinh nghiệm chính trị*” đã được tổng kết qua các thời kỳ lịch sử.

Những quy luật ấy bao gồm:

- Quy luật đấu tranh từ tự phát đến tự giác của giai cấp vô sản.
- Quy luật đấu tranh của giai cấp vô sản để giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng nhân loại.
- Quy luật về sự xuất hiện chính đảng của giai cấp công nhân và quyền lãnh đạo của đảng cộng sản.
- Quy luật tổ chức nhà nước của giai cấp công nhân.
- Quy luật đoàn kết thống nhất phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

- Quy luật đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại hữu và “tả” khuynh v.v..

Cùng với những quy luật trên, hệ thống phạm trù của môn học được thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau. Có những phạm trù xuyên suốt toàn bộ lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, nhưng cũng có những phạm trù chỉ tồn tại trong một thời kỳ nhất định như khi giai cấp công nhân chưa giành được chính quyền, hoặc thời kỳ giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp cầm quyền.

Hệ thống phạm trù của môn học được khái quát qua mỗi thời kỳ bao gồm:

- Những phạm trù xuyên suốt lịch sử phong trào là: giai cấp công nhân quốc tế; phong trào công nhân quốc tế; đảng cộng sản, phong trào cộng sản quốc tế, phong trào công đoàn, chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, chủ nghĩa cải lương, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại v.v..

- Những phạm trù chỉ tồn tại khi giai cấp công nhân chưa giành được chính quyền là: biếu tình, bãi công, đấu tranh công khai, đấu tranh bí mật, đấu tranh hợp pháp, bất hợp pháp, đấu tranh nghị trường, đấu tranh kinh tế, đấu tranh chính trị, bãi công kinh tế, bãi công chính trị, tổng bãi công, khởi nghĩa vũ trang, tổng khởi nghĩa v.v..

- Những phạm trù xuất hiện gắn liền thời kỳ giai cấp công nhân đã giành được chính quyền là: chuyên chính vô sản, xã hội - xã hội chủ nghĩa, hệ thống xã hội chủ nghĩa, hợp tác xã hội chủ nghĩa, hợp tác và đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình, chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa v.v..

2. Phương pháp nghiên cứu

Cũng như các môn khoa học khác, phương pháp chung nhất nghiên cứu lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là phương pháp luận mácxit - phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

C. Mác, Ph. Ăngghen đã đặt nền móng cho việc nghiên cứu phong trào công nhân qua các tác phẩm như *Đấu tranh giai cấp ở Pháp*, *Lịch sử Đồng minh những người cộng sản* của C. Mác và *Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh* của Ph. Ăngghen.

Khi nghiên cứu phong trào công nhân, các nhà sáng lập học thuyết Mác, ngay từ đầu, đã không tách rời lịch sử với lý luận, cũng như không bao giờ tách lý luận ra khỏi lịch sử của phong trào.

Ngoài cơ sở lý luận, phương pháp luận nói chung của chủ nghĩa Mác-Lênin, phương pháp đặc thù của môn học là sự thống nhất giữa lịch sử và lôgic.

Từ hệ thống hoá phong trào theo phương pháp lịch sử, nhưng không phải dàn trải, kể lể lịch sử, mà phương pháp hệ thống hoá đã dựng lại những vấn đề cốt lõi của lịch sử, những dữ liệu của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế một cách lôgic.

Ngoài ra còn phải thực hiện các phương pháp hỗ trợ trong việc nghiên cứu phong trào cộng sản và công nhân quốc tế như phương pháp thống kê, so sánh, đặc biệt là phương pháp dự báo. Nghiên cứu lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế không chỉ dừng ở sự tổng kết lịch sử, mà còn từ những sự kiện, những bài học kinh nghiệm ấy để nâng cao tầm nhìn

chiến lược, đưa ra được những dự báo cho tương lai. Những kinh nghiệm của C. Mác, Ph. Ăngghen, trong các tác phẩm đã nêu trên, đặc biệt trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, cho thấy, hai ông đã nêu điển hình về phương pháp dự báo đối với phong trào.

V.I. Lê nin đã nói: “Trong vấn đề thuộc về khoa học xã hội, phương pháp chắc chắn nhất và cần thiết nhất để thực sự có được thói quen xem xét vấn đề đó một cách đúng đắn và để không lạc hướng trong rất nhiều chi tiết, hoặc trong rất nhiều ý kiến đối lập nhau, điều quan trọng nhất của một sự nghiên cứu khoa học là không nên quên mối liên hệ lịch sử căn bản; là xem xét mỗi vấn đề theo quan điểm sau đây: một hiện tượng nhất định đã xuất hiện trong lịch sử như thế nào, hiện tượng đó đã trải qua những giai đoạn chủ yếu nào, và đứng trên quan điểm của sự phát triển đó để xem xét hiện nay nó đã trở thành như thế nào?”⁽¹⁾.

Với tư duy ấy, khi nghiên cứu thời đại, giai đoạn đương thời của phong trào cộng sản, Lê nin chỉ rõ: chúng ta không thể biết những phong trào lịch sử cá biệt của một thời đại nào đó sẽ phát triển nhanh chóng đến mức nào và sẽ đạt kết quả như thế nào. Nhưng chúng ta có thể biết và chúng ta biết giai cấp nào ở trung tâm của thời đại này hay thời đại khác và xác định nội dung căn bản, phương hướng phát triển chính của thời đại ấy.

III. KẾT CẤU NỘI DUNG

Nội dung môn học Lịch sử phong trào cộng sản và công

⁽¹⁾ V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M. 1980, t.39, tr.77-78.

hân quốc tế được kết cấu tương đối có hệ thống, kết hợp giữa ch sử và lôgic qua các thời kỳ.

- Thời kỳ khởi đầu của phong trào công nhân. Việc nghiên cứu lịch sử phong trào công nhân thời kỳ khởi đầu là tiền đề để đi sâu phân tích sự phát triển sau này của phong trào công nhân. Vì vậy, thời kỳ này, về lịch sử, đã đề cập sự xuất hiện của giai cấp vô sản hiện đại và những phong trào đấu tranh độc lập đầu tiên của nó. Về lý luận, đi sâu phân tích quy luật đấu tranh từ tự phát đến tự giác của giai cấp công nhân và những điều kiện của sự chuyển biến về chất của phong trào công nhân, đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân, chuẩn bị bước vào giai đoạn mới để hoàn thành sứ mệnh lịch sử thế giới của mình.

- Thời kỳ phong trào cộng sản, công nhân gắn liền với các tổ chức quốc tế như Quốc tế I, Quốc tế II và Quốc tế III. Phân tích lịch sử ra đời, phát triển của các quốc tế và vai trò lịch sử của nó đối với phong trào công nhân quốc tế để rút ra ý nghĩa lịch sử của các quốc tế, đặc biệt là Quốc tế III - Quốc tế Cộng sản.

- Thời kỳ phong trào cộng sản, công nhân gắn với các hình thức hoạt động của Hội nghị đại biểu của các đảng cộng sản và công nhân quốc tế 1957, 1960, 1969. Sự diễn biến của phong trào công nhân, vai trò của các đảng cộng sản, công nhân trong thời kỳ này. Ý nghĩa của Cương lĩnh chung đối với phong trào cộng sản quốc tế. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm để củng cố tình đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân.

- Thời kỳ hiện nay của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đặc biệt từ sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông

Âu và Liên Xô, nội dung môn học đã đề cập: những diễn biến của các đảng cộng sản, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; vai trò của các lực lượng cánh tả và các đảng cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa; thực trạng của phong trào cộng sản quốc tế hiện nay; những bài học về công cuộc đổi mới, cải cách của đảng cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa; những biểu hiện của các lực lượng cánh tả, các đảng cộng sản trong việc củng cố, khôi phục sự đoàn kết phong trào, chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa chống cộng, bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, bảo vệ chủ nghĩa xã hội hiện thực; triển vọng và xu hướng phát triển của phong trào.

Những nội dung trên, được thể hiện qua hệ thống chuyên đề như:

- Phong trào công nhân quốc tế từ khởi đầu đến Công xã Pari;
- Phong trào công nhân quốc tế từ sau Công xã Pari đến Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917;
- Phong trào công nhân sau Cách mạng Tháng Mười Nga đến Chiến tranh thế giới thứ hai;
- Ba quốc tế (Quốc tế I, Quốc tế II, Quốc tế III);
- Cương lĩnh chung của phong trào cộng sản;
- Phong trào cộng sản quốc tế trong giai đoạn hiện nay;
- Về trào lưu xã hội dân chủ hiện đại;
- Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại hữu và “tà” khuynh.

Tóm lại, nghiên cứu phong trào cộng sản và công nhân quốc tế là sự phân tích, tìm tòi chặng đường lịch sử đấu tranh của giai cấp công nhân để cải tạo xã hội, xây dựng một thế

giới mới, thế giới không còn chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Trong cuộc đấu tranh ấy, có lúc thành công nhưng cũng có thất bại. Song, điều có thể kết luận là sự tiến bộ của nhân loại hôm nay, những thành quả hôm nay, chắc chắn đã có sự đóng góp không nhỏ của giai cấp công nhân, các đảng cộng sản, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Vì vậy, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đã và vẫn là động lực cơ bản của những cuộc cải tạo xã hội, đưa các dân tộc tiến tới xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân.

Chương 2

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN TỪ KHỜI ĐẦU ĐẾN CÔNG XÃ PARI

I. GIAI CẤP VÔ SẢN HIỆN ĐẠI VÀ PHONG TRÀO ĐẦU TRANH CỦA NÓ TRONG THỜI KỲ ĐẦU

1. Sự hình thành giai cấp vô sản hiện đại

Giai cấp vô sản ra đời là một quá trình lịch sử lâu dài, từ tầng lớp vô sản đầu tiên đến vô sản công trường thủ công và giai cấp vô sản hiện đại.

Vào thế kỷ XIV-XV, chế độ phong kiến suy yếu, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bắt đầu hình thành ở một số nước châu Âu làm xuất hiện lao động làm thuê tư bản chủ nghĩa.

Lịch sử đã ghi nhận tích lũy nguyên thủy tư bản chủ nghĩa tạo ra hai lớp người hoàn toàn đối lập nhau: một bên bao gồm những người giàu có, sở hữu tư liệu sản xuất, tư liệu sinh hoạt; còn bên kia gồm những người nghèo khổ chỉ sở hữu một tài sản duy nhất là sức lao động. Lớp người này từng bước bị tước đoạt hết tư liệu sản xuất, tư liệu sinh hoạt, trở thành người “tự do” bán sức lao động để kiếm sống. Đó chính là những người vô sản đầu tiên. Như vậy, tích lũy nguyên thủy tư bản chủ

nghĩa là cảnh nô lệ của công nhân, là sự tước đoạt tàn nhẫn đối với người lao động, là con đường chủ yếu, trực tiếp biến người lao động trong xã hội phong kiến thành công nhân làm thuê.

Từ cuối thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII, ở một số nước châu Âu đã có sự hình thành và phát triển kiểu tổ chức sản xuất công trường thủ công tư bản chủ nghĩa, do đó làm xuất hiện giai cấp vô sản công trường thủ công. Giai cấp này có đặc điểm bị phân tán, ngăn cách trong sản xuất, chưa có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Phần lớn công nhân còn mang nặng tư tưởng, tâm lý của người sản xuất nhỏ. Sự nô dịch của tư bản đối với người công nhân, đôi khi được che đậy bởi hiện tượng công nhân vẫn còn chút ít tư liệu sản xuất. Với đặc điểm trên, giai cấp vô sản công trường thủ công chưa trở thành một lực lượng ổn định, độc lập trong xã hội. Địa vị làm thuê của họ còn mang tính tạm bợ, nhất thời. Đó chưa phải là giai cấp vô sản hiện đại.

Cuộc cách mạng công nghiệp ở cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX tạo ra bước phát triển nhảy vọt trong đời sống kinh tế, chính trị - xã hội. Nó đánh dấu bước chuyển cản bàn của chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn đại công xưởng và giai cấp vô sản hiện đại ra đời.

Việc sử dụng máy móc vào sản xuất đã làm phá sản hàng loạt những người sản xuất nhỏ. Đa số tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công và nông dân bị nền đại công nghiệp đánh bại và bị đẩy vào hàng ngũ giai cấp vô sản. Do đó giai cấp vô sản nhanh chóng trở thành một lực lượng xã hội to lớn. Ph. Ăngghen, khi nghiên cứu giai cấp vô sản, đã nhận xét: Đại công nghiệp kéo người công nhân công trường thủ công ra khỏi những điều

kiện gia trưởng của họ; họ mất hết mọi tài sản cuối cùng của họ và chỉ khi đó họ mới trở thành người vô sản..., giai cấp vô sản là do cuộc cách mạng công nghiệp sinh ra.

Giai cấp vô sản hiện đại có sự thay đổi một cách căn bản về vai trò địa vị kinh tế, chính trị - xã hội. Họ hoàn toàn bị tước đoạt hết tư liệu sản xuất và chỉ có thể sống được bằng cách bán sức lao động làm thuê cho nhà tư bản. Họ là người chủ yếu làm ra của cải vật chất cho xã hội, nhưng lại phải sống trong cảnh nghèo khổ. Dưới tác động của nền đại công nghiệp, những người công nhân làm thuê mất hết khả năng quay về địa vị giai cấp cũ của mình. Từ địa vị làm thuê tạm bợ, nhất thời, họ trở thành người làm thuê suốt đời. Từ đây, giai cấp vô sản trở thành một lực lượng ổn định, độc lập trong xã hội, do đó giai cấp vô sản cũng có khả năng tiến hành những cuộc đấu tranh độc lập của mình.

Ph. Ăngghen, khi phân tích giai cấp vô sản ở thế kỷ XIX, đã chỉ ra có ba đội ngũ khác nhau: vô sản công nghiệp, vô sản hầm mỏ, vô sản nông nghiệp. Trình độ chính trị, tư tưởng, văn hoá của công nhân phản ánh mối quan hệ trực tiếp của họ với nền đại công nghiệp.

Nhận thức đúng đắn quá trình lịch sử hình thành giai cấp vô sản hiện đại đã bác bỏ những luận điệu xuyên tạc, phản động của các nhà tư tưởng tư sản cho rằng, giai cấp vô sản ra đời là do phân công lao động tự nhiên, nhằm bảo chữa và che đậy hành vi bóc lột tàn nhẫn của giai cấp tư sản.

2. Phong trào đấu tranh độc lập đầu tiên của giai cấp vô sản

Giai cấp vô sản đấu tranh chống giai cấp tư sản ngay từ

khi mới ra đời. Cuộc đấu tranh đó phát triển từ thấp đến cao, từ đấu tranh kinh tế đến đấu tranh chính trị, từ đấu tranh tự phát đến đấu tranh tự giác.

Vào cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, những cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp vô sản diễn ra sôi nổi và mang tính tất yếu khách quan. Nhiệm vụ chủ yếu của những cuộc đấu tranh này nhằm đòi tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện sống và làm việc, phản đối tình trạng lương thực, thực phẩm đắt đỏ, chống chế độ cúp phạt và những hành vi lừa gạt của chủ tư bản.

Do sự hạn chế là chưa nhận ra bản chất bóc lột của giai cấp tư sản, nên một thời kỳ dài, giai cấp vô sản đã tiến hành những cuộc đấu tranh hướng vào đập phá máy, đốt phá kho tàng, nhà xưởng, phản đối áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất v.v.. Trong bộ *Tư bản*, Mác đã nhận xét, cần phải có thời gian và kinh nghiệm để cho người công nhân phân biệt được máy móc với việc sử dụng máy móc theo kiểu tư bản chủ nghĩa, do đó mà chuyển sự tấn công vào tư liệu sản xuất vật chất sang việc tấn công vào các hình thái xã hội khai thác chúng.

Đến đầu thế kỷ XIX, phong trào bãi công, đình công diễn ra mạnh mẽ, đánh dấu giai đoạn phát triển mới của phong trào công nhân. Những cuộc đấu tranh này tạo ra điều kiện thuận lợi để giai cấp vô sản nâng cao trình độ giác ngộ giai cấp, nhận rõ sức mạnh của mình và sự cần thiết phải đoàn kết trong đấu tranh, nhận rõ kẻ thù của mình là giai cấp tư sản. Lênin đánh giá: “Bãi công dạy cho công nhân thấy rõ được đâu là sức mạnh của bọn chủ và đâu là sức mạnh của mình; nó tập cho công nhân có thói quen nghĩ đến tất cả bọn chủ, đến toàn bộ

giai cấp các nhà tư bản và đến toàn bộ giai cấp công nhân chứ không phải chỉ nghĩ đến chủ của mình và đến các đồng chí gần gũi nhất của mình”⁽¹⁾.

Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ngày một phát triển đã đòi hỏi và làm xuất hiện những tổ chức công nhân. Những tổ chức công nhân đầu tiên được thành lập là những hội như Hội Thợ bạn, Hội Hữu ái, các tổ chức nghiệp đoàn. Việc hình thành các tổ chức công nhân đầu tiên làm cho phong trào công nhân từ chỗ hành động phân tán, rời rạc, đến hoạt động có tổ chức. Nó góp phần quan trọng vào việc đoàn kết lực lượng phối hợp hoạt động của giai cấp công nhân.

“Liên đoàn những người làm mű” ở Anh được thành lập năm 1771 đã tập hợp nhiều câu lạc bộ công nhân của hàng chục thành phố trong cả nước. Năm 1775, Liên đoàn giành thắng lợi lớn trong cuộc đấu tranh đòi giới chủ phải tăng lương và chấp nhận yêu sách chi thuê người làm là các hội viên của Liên đoàn.

Ở Pari, năm 1819, có 45 hội tương tế, đến năm 1823 đã có 123 hội, năm 1826 tăng lên 184 hội với 17.000 hội viên. Các hội này hoạt động không chỉ vì mục đích hữu ái, tương trợ giúp đỡ nhau, mà còn lập ra những quỹ bãi công để ủng hộ phong trào đấu tranh chung của công nhân.

Với những bước phát triển trên, phong trào công nhân dần dần trở thành phong trào độc lập có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Những phong trào đấu tranh độc lập đầu tiên của giai cấp vô sản là: Khởi nghĩa Liông năm 1831 và 1834 ở Pháp;

⁽¹⁾ V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiết bô, M. 1974, t.4, tr.372.

Khởi nghĩa Xilêdi năm 1844 ở Đức; Phong trào Hiến chương ở Anh từ năm 1835 đến đầu những năm 50 của thế kỷ XIX.

Khởi nghĩa Liông 1831 và 1834

Cuộc khởi nghĩa của công nhân dệt thành phố Liông (Pháp) nổ ra ngày 21-11-1831 nhằm chống lại ách áp bức bóc lột nặng nề, mà trực tiếp là chống lại chủ trương hạ thấp lương của giới chủ tư bản. Ngay từ đầu, cuộc đấu tranh đã được công nhân, thợ thủ công trong nhiều ngành sản xuất khác ủng hộ và tham gia. Đây là cuộc đấu tranh độc lập và có quy mô lớn đầu tiên trong lịch sử giai cấp công nhân Pháp. Từ chỗ biểu tình tay không, công nhân đã sử dụng vũ khí để chiến đấu. Sau ba ngày giao chiến ác liệt, công nhân chiếm được toàn bộ thành phố. Họ đã lập ra Ủy ban công nhân để theo dõi và giám sát hoạt động của Thị trưởng. Mười ngày sau, chính quyền tư sản đã điều động những đơn vị quân đội ở các nơi khác về dập tắt phong trào.

Khởi nghĩa Liông bị thất bại vì lúc đó công nhân ở thành phố Liông chưa có một tổ chức thống nhất lãnh đạo, đồng thời họ không có được mối liên hệ với công nhân và nông dân ở các địa phương khác. Tuy nhiên, Khởi nghĩa Liông năm 1831 đã gây được ấn tượng sâu sắc trong giai cấp vô sản và lao động ở Pháp cũng như trên thế giới. Nó tạo ra bước ngoặt cản bàn trong quan niệm về sự phát triển lịch sử. Ăngghen đã nhận xét, cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản dần dần chiếm địa vị hàng đầu trong lịch sử các nước phát triển ở châu Âu.

Tháng 4-1834, công nhân dệt Liông lại đứng lên khởi

nghĩa. Lần này, họ đấu tranh với mục đích chính trị sâu sắc đòi thiết lập chế độ cộng hoà. Công nhân giương cao khẩu hiệu “Nền cộng hoà hay là chết”. Sau 6 ngày đấu tranh quyết liệt trên đường phố và vùng ngoại ô Liêng, cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp.

Khởi nghĩa Liêng năm 1834 đã gây tiếng vang rộng lớn. Nông dân vùng Ácbua đã nỗi dậy đấu tranh chiếm lĩnh được thành phố. Ở Pari, diễn ra nhiều trận chiến đấu ác liệt giữa những người lao động và giới chủ.

Khởi nghĩa Xilêdi ở Đức năm 1844

Vào giữa thế kỷ XIX, giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở Đức phải sống dưới hai tầng áp bức bóc lột của phong kiến và tư bản. Đời sống của họ trở nên vô cùng khó khăn. Do vậy, nhiều cuộc đấu tranh của công nhân diễn ra mạnh mẽ, mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của công nhân dệt vùng Xilêdi năm 1844. Hàng vạn công nhân ở Xilêdi được trang bị vũ khí đã tiến hành đập phá, đốt các kho tàng, nhà xưởng của nhiều chủ tư bản. Họ đánh bại các đơn vị quân đội, cảnh sát. Chỉ đến khi Chính phủ phái các đơn vị lớn của quân đội đến đàn áp, cuộc khởi nghĩa mới bị dập tắt.

Khởi nghĩa Xilêdi mở đầu cho phong trào công nhân có tính chất quần chúng rộng rãi ở Đức. Công nhân trên toàn nước Đức đã hưởng ứng bằng việc tổ chức hàng loạt các cuộc bãi công chống lại giới chủ.

Phong trào Hiến chương ở Anh (từ năm 1835 đến đầu những năm 50 thế kỷ XIX)

Năm 1835, giai cấp công nhân Anh tổ chức Phong trào

Hiến chương đòi cải cách chế độ tuyển cử và dân sinh. Phong trào nhanh chóng thu hút được đông đảo công nhân tham gia và trở thành phong trào vô sản đầu tiên mang tính chất quần chúng rộng rãi và có tổ chức. Dần dần phong trào có nhiều lực lượng xã hội khác cũng hưởng ứng.

Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Phong trào Hiến chương khai mạc ngày 4-2-1839, đã thông qua bản kiến nghị về cải cách quyền bầu cử. Đến đầu tháng 5-1839, có 1,28 triệu người ký vào bản kiến nghị, nhưng đã bị Quốc hội Anh bác bỏ. Phong trào đấu tranh của công nhân bùng lên mạnh mẽ.

Đến năm 1842, Phong trào Hiến chương lại đầy mạnh cuộc vận động, tổ chức lấy được 3,5 triệu chữ ký vào bản kiến nghị, nhưng cũng không đạt được kết quả. Nhiều cuộc đấu tranh mang tính chất chính trị liên tiếp nổ ra ở nhiều nơi. Ăngghen, khi phân tích Phong trào Hiến chương, đã nhận xét rằng: Phong trào Hiến chương, đó là toàn bộ giai cấp công nhân đứng dậy chống lại giai cấp tư sản, đặc biệt là tiến công vào chính quyền của giai cấp tư sản.

Vào năm 1847 và 1848, giai cấp công nhân Anh một lần nữa nổ dậy đấu tranh. Lần này, bản kiến nghị đòi cải cách quyền bầu cử với 5 triệu chữ ký vẫn bị Quốc hội tư sản bác bỏ.

Do không đạt được kết quả trong nhiều lần đưa kiến nghị, những người tham gia Phong trào Hiến chương tỏ ra thất vọng, từ đó làm nảy sinh những mâu thuẫn nội bộ và dần dần phong trào bị suy yếu. Vì vậy, đến đầu những năm 50, Phong trào Hiến chương bị tan rã.

Phong trào Hiến chương ở Anh không đạt được kết quả

bởi vì Phong trào chưa có một đảng vô sản chân chính lãnh đạo. Tuy vậy, Phong trào đã mở đầu và khích lệ cho sự phát triển tiếp theo của phong trào công nhân Anh và công nhân quốc tế. Nó đánh dấu bước chuyển biến rất quan trọng của giai cấp công nhân từ chỗ lệ thuộc vào giai cấp tư sản đến chỗ độc lập về chính trị và đối lập lại với giai cấp tư sản; từ chỗ chỉ biết đấu tranh kinh tế đến chỗ sử dụng đấu tranh chính trị, từ những hoạt động rời rạc, lẻ tẻ đến chỗ hành động có tổ chức thống nhất trong phạm vi toàn quốc. Lênin cho rằng đó là phong trào cách mạng vô sản to lớn đầu tiên, thật sự có tính chất quần chúng và có hình thức chính trị.

II. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN TỪ KHI CÓ CHỦ NGHĨA MÁC ĐẾN CÔNG XÃ PARI

1. Sự hình thành chủ nghĩa Mác - hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân

a. Mác, Ăngghen và quá trình sáng lập chủ nghĩa Mác

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, cuộc cách mạng công nghiệp đã hoàn thành ở Anh và đang diễn ra mạnh mẽ ở nhiều nước khác, làm cho lực lượng sản xuất có bước phát triển nhảy vọt. Giai cấp vô sản trở thành một lực lượng ổn định, độc lập trong xã hội. Phong trào công nhân chống giai cấp tư sản diễn ra gay gắt và đòi hỏi cần có một lý luận khoa học, cách mạng dẫn đường.

Trước khi chủ nghĩa Mác ra đời, đã từng xuất hiện nhiều trào lưu tư tưởng tiến bộ như Triết học cổ điển Đức, Kinh tế chính trị học Anh, Chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp v.v..

Đó là những tiền đề tư tưởng, lý luận để Mác và Ăngghen kế thừa, cải tạo và phát triển sáng tạo ra học thuyết của mình.

Đến đầu thế kỷ XIX, khoa học tự nhiên cũng đạt được thành tựu rực rỡ như lý thuyết về tế bào, quy luật bảo toàn và chuyển hoá năng lượng, học thuyết tiến hoá của Đácuyн v.v.. Đó là những cơ sở khoa học để Mác và Ăngghen xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng.

Với trí tuệ thiên tài và lập trường cách mạng kiên định, triệt để của mình, Mác và Ăngghen đã kế thừa và tận dụng những điều kiện khách quan trên để làm cuộc cách mạng vĩ đại trong lĩnh vực khoa học xã hội - sáng tạo ra chủ nghĩa Mác, một học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp vô sản. Lần đầu tiên trong lịch sử, Mác và Ăngghen nhận ra rằng, chính giai cấp vô sản là người tự giải phóng mình, đồng thời giải phóng cho toàn nhân loại.

Bằng thực tiễn đấu tranh cách mạng, Mác và Ăngghen đã có bước chuyển căn bản từ lập trường duy tâm, dân chủ cách mạng sang lập trường duy vật biện chứng và cộng sản chủ nghĩa. Mác và Ăngghen là những người cộng sản chân chính đầu tiên trong phong trào cộng sản quốc tế.

Các Mác (1818-1883), sinh ra ở thành phố Torevơ của vương quốc Phổ. Tốt nghiệp trung học, Mác vào học đại học ở Bon, sau đó chuyển sang học đại học ở Béclin. Năm 23 tuổi, Mác bảo vệ thành công luận án tiến sĩ triết học. Từ 1842, Mác bắt đầu hoạt động chính trị. Lúc đầu là cộng tác viên, sau đó Mác là chủ bút tờ báo Rênnari. Hoạt động báo chí giúp Mác có điều kiện tiếp xúc với thực tế đời sống kinh tế, chính trị và

cuộc đấu tranh của quần chúng lao động; đồng thời ảnh hưởng lớn đến sự phát triển thế giới quan và nhân sinh quan của Mác. Bài báo *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel* là mốc quan trọng đánh dấu bước chuyển của Mác sang thế giới quan duy vật biện chứng và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa. Mác đã phân tích một cách khoa học vai trò của giai cấp vô sản là người đại diện cho lý luận cách mạng và thực hiện lý luận đó trong cuộc sống. Từ quan niệm như vậy, cả cuộc đời của mình, Mác đã luôn luôn tìm cách khích lệ, cổ vũ phong trào công nhân, gắn lý luận của mình với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản.

Ph. Ăngghen (1820-1895), sinh ra ở thành phố Bácmen của vương quốc Phổ. Xuất thân từ một gia đình tư sản quý tộc và ngoan đạo, nhưng Ăngghen đã sớm đấu tranh kiên quyết chống lại ách áp bức bóc lột trong xã hội đương thời, chống lại những thành kiến tôn giáo. Nhờ những kết quả nghiên cứu lịch sử kinh tế, chính trị, xã hội ở nước Anh và trực tiếp thâm nhập tìm hiểu giai cấp công nhân, Ăngghen đã có bước chuyển sang thế giới quan duy vật và lập trường cộng sản. Điều đó thể hiện rõ nét trong tác phẩm của ông: *Tình cảnh của giai cấp lao động ở Anh*. Ăngghen là người đầu tiên nhận thấy rằng, giai cấp vô sản không phải chỉ là giai cấp đau khổ mà còn là giai cấp đứng lên đấu tranh không gì ngăn cản nổi cho sự giải phóng cuối cùng của nó. Với tác phẩm *Phác thảo phê phán Khoa Kinh tế chính trị* viết năm 1844, Ăngghen đã lên án chế độ tư hữu là cơ sở của toàn bộ chế độ tư bản và phê phán sâu sắc Khoa Kinh tế chính trị học ở Anh đương thời.

Với sự đồng quan điểm lý luận và chính trị, Mác và Ăngghen đã thiết lập quan hệ, cộng tác chặt chẽ với nhau. Mở đầu cho thời kỳ cộng tác, hai ông cùng nhau viết tác phẩm *Gia đình thần thánh...* vào năm 1844, nhằm phê phán các quan điểm duy tâm chủ quan về lịch sử, qua đó phát triển những quan điểm duy vật lịch sử của mình. Đặc biệt tác phẩm đã lý giải sâu sắc sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp vô sản và vai trò làm nên lịch sử của quần chúng nhân dân.

Năm 1845, C. Mác viết *Luận cương Phobach*, đánh dấu sự đoạn tuyệt của mình với chủ nghĩa duy vật siêu hình của Phobach.

Năm 1846, Mác và Ăngghen viết tác phẩm *Hệ tư tưởng Đức*. Tác phẩm đã phê phán tính chất phản động của “chủ nghĩa xã hội chân chính”, qua đó nêu ra những quan điểm cơ bản về triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Hai ông đã đặt cơ sở cho việc hình thành một học thuyết khoa học và cách mạng.

Tháng 2-1848, Mác và Ăngghen viết *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Đây là tác phẩm lý luận hoàn chỉnh, bao gồm cả ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. Tác phẩm này đánh dấu sự chín muồi ra đời chủ nghĩa Mác. Đồng thời, đây cũng là bản cương lĩnh chính trị đầu tiên của giai cấp công nhân.

Chủ nghĩa Mác ra đời là một cuộc cách mạng vĩ đại trong khoa học. Bằng sự kết hợp chặt chẽ tính khoa học sâu sắc với tính cách mạng triệt để, chủ nghĩa Mác nhanh chóng trở thành hệ tư tưởng chính trị của giai cấp vô sản. Nó mở ra khả năng

thực tế giải phóng giai cấp vô sản về tư tưởng, thúc đẩy phong trào công nhân phát triển. Lê nin đã đánh giá ý nghĩa to lớn của sự ra đời chủ nghĩa Mác: “Có thể vẫn tắt nêu công lao của Mác và Ăngghen đối với giai cấp công nhân như sau: hai ông đã dạy cho công nhân tự nhận thức được mình và có ý thức về mình, và đem khoa học thay thế cho mộng tưởng”⁽¹⁾.

b. Đồng minh những người cộng sản và cương lĩnh chính trị đầu tiên của giai cấp vô sản

Trên cơ sở quan niệm đúng đắn về vai trò hoạt động thực tiễn và sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản, Mác và Ăngghen đã tích cực tham gia phong trào công nhân như thành lập Hội Công nhân Đức ở Brúc xen; liên hệ với nhóm cách mạng trong Phong trào Hiến chương ở Anh; cao trào cách mạng 1848-1849 ở Pháp và Đức v.v.. Mong muốn của Mác và Ăngghen là thành lập đảng của giai cấp vô sản. Hai ông cho rằng, nếu giai cấp vô sản không thành lập được chính đảng của mình thì không thể hành động độc lập và tự giải phóng được mình.

Hoạt động nỗ lực của Mác và Ăngghen đã đưa đến việc cải tổ “Đồng minh những người chính nghĩa” thành “Đồng minh những người cộng sản” vào năm 1847. Khi thấy mọi điều kiện đã chín muồi, năm 1847, Mác và Ăngghen nhận lời tham gia “Đồng minh những người chính nghĩa”. Việc cải tổ “Đồng minh” được thực hiện tại Đại hội lần thứ nhất vào tháng 6-1847. Đại hội quyết định đổi tên là “Đồng minh những người cộng sản”; xây dựng một cơ quan báo chí; khai trừ những

⁽¹⁾ V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiền bộ, M, 1974, t.2, tr.5.

người theo Vâytolinh ra khỏi “Đồng minh” và thay khẩu hiệu “Tất cả mọi người đều là anh em!” bằng khẩu hiệu “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại”; quy định nguyên tắc làm việc và tổ chức trên tinh thần tập trung dân chủ.

“Đồng minh những người cộng sản” là tổ chức công nhân quốc tế đầu tiên lấy chủ nghĩa Mác làm ngọn cờ tư tưởng, đã mở ra quá trình kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân.

Đại hội II của “Đồng minh” họp ở Luân Đôn vào cuối tháng 11 năm 1847. Đại hội thông qua Điều lệ mới với những nội dung quan trọng như mục đích hoạt động của “Đồng minh” là lật đổ giai cấp tư sản, xoá bỏ xã hội tư bản, giành chính quyền về tay giai cấp vô sản, xây dựng xã hội mới không có tư hữu về tư liệu sản xuất, không có giai cấp; quy định nguyên tắc tổ chức tập trung dân chủ v.v..

Đại hội giao cho Mác và Ăngghen nhiệm vụ quan trọng là soạn thảo bản Tuyên ngôn thành lập “Đồng minh những người cộng sản”. Đó chính là tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* mà hai ông hoàn thành vào tháng 2-1848.

Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đã chỉ ra những nhiệm vụ chiến lược cơ bản của giai cấp công nhân, khẳng định sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân và nó chỉ có thể thực hiện được với điều kiện vô sản tất cả các nước liên hiệp lại và đồng thời giải phóng cho toàn nhân loại. Tuyên ngôn chỉ ra rằng, trong công cuộc đấu tranh để tự giải phóng, giai cấp vô sản phải lập ra chính đảng độc lập của mình và sử dụng con đường cách mạng bạo lực. Giai cấp vô sản trước hết phải tiêu diệt giai cấp tư sản

nước mình. Ở những nước chưa làm cách mạng dân chủ tư sản, những người cộng sản có trách nhiệm ủng hộ mọi phong trào cách mạng chống chế độ đương thời và tìm mọi cách liên minh với các lực lượng dân chủ tiến bộ. Trong quá trình liên minh, những người cộng sản phải giữ vững tính độc lập của mình. Cuối cùng bản Tuyên ngôn kêu gọi “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”.

Với những nội dung khoa học và cách mạng ấy, giai cấp vô sản toàn thế giới đã nghiên cứu *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, coi đó là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của mình.

2. Vai trò giai cấp vô sản trong cao trào cách mạng 1848-1849 ở châu Âu

Vào giữa những năm 40 của thế kỷ XIX, cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị diễn ra trầm trọng ở các nước tư bản chủ nghĩa. Đời sống công nhân và nhân dân lao động hết sức khó khăn. Mâu thuẫn giai cấp và các cuộc đấu tranh giai cấp ngày càng gay gắt, quyết liệt. Một số nước ở châu Âu còn tồn tại chế độ quân chủ chuyên chế, đất nước bị chia cắt đã cản trở sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa. Do đó, nhiệm vụ cách mạng dân chủ tư sản đặt ra hết sức cấp bách.

Việc thành lập “Đồng minh những người cộng sản” và sự ra đời tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là những sự kiện quan trọng đối với sự phát triển phong trào công nhân.

Những hoàn cảnh trên đã làm xuất hiện tình thế cách mạng ở châu Âu. Cao trào cách mạng bùng nổ, trong đó nổi bật và điển hình nhất là cuộc cách mạng ở Pháp và Đức.

a. Giai cấp vô sản Pháp trong Cách mạng 1848-1849

Cuộc Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1848 ở Pháp nhằm tiêu diệt chế độ quân chủ, thiết lập nền cộng hoà tư sản. Đặc điểm quan trọng là cuộc cách mạng nổ ra trong bối cảnh mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và tư sản phát triển gay gắt. Trong cuộc cách mạng này, giai cấp vô sản giữ vai trò quyết định.

Ngày 22-2-1848, quần chúng nhân dân Pari xuống đường đấu tranh đòi lật đổ chính quyền. Ngày 24-2, cuộc khởi nghĩa vũ trang của quần chúng giành thắng lợi. Chế độ quân chủ của Lui Philíp bị lật đổ. Chính phủ lâm thời được thành lập trong đó gồm đa số đại biểu của giai cấp tư sản. Trước áp lực của quần chúng, mà nòng cốt là giai cấp vô sản, nền cộng hoà được công bố thành lập, đưa ra khẩu hiệu tự do, bình đẳng, bác ái. Đến ngày 29-2, Ủy ban Lao động được thành lập do Lui Blang và Anbe - đại biểu của giai cấp công nhân - làm Chủ tịch. Ngày 2-3, Chính phủ buộc phải ra đạo luật giảm một giờ lao động trong ngày và cho xây dựng các công xưởng quốc gia để giải quyết việc làm cho công nhân.

Giai cấp tư sản đã dùng nhiều thủ đoạn chống lại phong trào công nhân. Chúng ban hành chính sách tăng thuế trực thu 45% đánh mạnh vào giai cấp nông dân, đã gây ra sự chia rẽ giữa công nhân và nông dân. Theo nhận xét của Mác về tâm trạng người nông dân Pháp thì nền cộng hoà đối với họ chỉ là món thuế 45% và nông dân coi giai cấp vô sản là kẻ lăng phí, đã ăn chơi hưởng lạc bằng mồ hôi nước mắt của mình.

Giai cấp vô sản Pháp tiếp tục cuộc đấu tranh. Nhiều cuộc

bãi công lớn nổ ra vào tháng 3 và 4-1848, song đều bị đàn áp và thất bại.

Tháng 5-1848, Quốc hội Lập hiến ra đời. Chính phủ mới được thành lập. Hai đại biểu công nhân bị gạt ra khỏi Chính phủ. Bộ Lao động bị giải thể. Giai cấp vô sản bắt đầu một thời kỳ đấu tranh mới. Quốc hội tư sản lăng mạ, khiêu khích công nhân, ra lệnh cấm hội họp, xoá bỏ công xưởng quốc gia, đánh đập xua đuổi công nhân về các tỉnh lẻ, hoặc cưỡng bức vào quân đội.

Trước tình hình đó, ngày 22-6-1848, công nhân dụng chiến lũy, thành lập nghĩa quân và tiến hành khởi nghĩa vũ trang. Họ đưa ra yêu sách đòi giải tán Quốc hội và thực hiện quyền tham gia lập pháp của nhân dân. Công nhân chiến đấu vô cùng anh dũng, song vì thiếu một chính đảng lãnh đạo nên cuộc khởi nghĩa thất bại. Các cuộc đấu tranh của lực lượng công nhân bị đàn áp dãm máu.

Đánh giá cuộc khởi nghĩa tháng Sáu của giai cấp vô sản, Mác coi đó là trận giao chiến lớn đầu tiên diễn ra giữa hai giai cấp đối lập trong xã hội hiện đại. Đó là cuộc đấu tranh để duy trì hoặc tiêu diệt chế độ tư sản. Việc bọn tư sản cộng hoà tàn sát công nhân trong cuộc khởi nghĩa tháng Sáu đã khẳng định rằng, chỉ có giai cấp vô sản mới có bản chất xã hội chủ nghĩa.

Ngày 13-5-1849, Quốc hội được bầu ra với thành phần đa số thuộc giai cấp tư sản (500 ghế). Lực lượng dân chủ tiêu tư sản được gần 200 ghế.

Ngày 13-6-1849, phái Núi (tiểu tư sản) tổ chức cuộc biểu tình lớn với sự tham gia của gần 3 vạn người. Đảng Trật tự

(Đảng tư sản cầm quyền) đã huy động quân đội đàn áp dã man. Giai cấp tiểu tư sản, do không có lập trường cách mạng kiên định triệt để, nên không đủ sức lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống giai cấp tư sản.

Khéo lợi dụng mâu thuẫn giữa các giai cấp trong xã hội Pháp, Lui Bonapacto đã mua chuộc được quân đội tiến hành đàn áp các đảng phái đối lập, tước vũ khí của đội vệ binh quốc gia, giải tán Quốc hội và ngày 2 tháng Chạp năm 1851 làm chính biến, lên ngôi hoàng đế.

b. Giai cấp vô sản Đức trong cách mạng 1848-1849

Tình thế cách mạng xuất hiện ở Đức. Giai cấp vô sản và các lực lượng dân chủ tiến bộ nổi dậy đấu tranh chống lại chế độ quân chủ chuyên chế.

Ngày 27-2-1848, ở Manhaim, nổ ra cuộc mít tinh lớn của công nhân, thợ thủ công, nhà buôn và trí thức. Họ đòi được vũ trang cho nhân dân, bảo đảm tự do báo chí và yêu cầu triệu tập nghị viện toàn Đức. Phong trào nhận được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân và lan sang các thành phố khác trong cả nước.

Tháng 3-1848, công nhân và thợ thủ công ở Muynkhen nổi dậy chiếm kho vũ khí và tự vũ trang. Nông dân đứng lên chống lại bọn phong kiến và giành được nhiều thắng lợi. Giai cấp tư sản tự do được mời ra nắm chính quyền. Chế độ kiểm duyệt bị bãi bỏ, quyền tự do hội họp được ban hành.

Như vậy, giai cấp vô sản Đức, cùng với các lực lượng dân chủ tiến bộ khác, là lực lượng chủ yếu đấu tranh giành thắng lợi, nhưng thành quả cách mạng lại rơi vào tay giai cấp tư sản. Điều đó chứng tỏ rằng, giai cấp vô sản Đức, mặc dù có tinh

thần cách mạng rất cao, nhưng vẫn còn ảo tưởng vào giai cấp tư sản, chưa nhận ra kẻ thù của giai cấp mình.

Ngày 3-3-1848, “Đồng minh những người cộng sản” tổ chức cuộc biểu tình ở Cölon với yêu sách đòi dân chủ, dân sinh. Phong trào công nhân dần dần phát triển mạnh ở Béclin và các thành phố khác. Ngày 17-3-1848, quân chúng ở Béclin đấu tranh đòi rút toàn bộ quân đội ra khỏi Thủ đô và vũ trang cho toàn dân, đòi xoá bỏ chính quyền phản động. Trước khi thế cách mạng sục sôi của quân chúng, ngày 18-3, Vua Phriđrich Vinhem IV phải ban bố đạo luật bãi bỏ chế độ kiểm duyệt, triệu tập Quốc hội liên hiệp vào ngày 2-4. Tuy nhiên, Vinhem IV đã không ra lệnh rút quân đội khỏi Thủ đô. Phẫn nộ trước điều đó, công nhân và nhân dân lao động đẩy mạnh cuộc đấu tranh của mình. Họ tự vũ trang và xây dựng chiến lũy chiến đấu anh dũng và đã chiếm được phần lớn thành phố Béclin. Ngày 19-3, Vua Phriđrich Vinhem IV đã chấp nhận yêu sách vũ trang cho công nhân thành thị, giải thể Chính phủ. Chính phủ mới được thành lập do giai cấp tư sản nắm quyền. Giai cấp tư sản đã phản bội cách mạng, cấu kết với bọn địa chủ phong kiến, sử dụng sức mạnh của chính quyền đàn áp phong trào cách mạng. Do vậy, ngày 14-6-1848, ở thủ đô Béclin đã diễn ra cuộc chiến đấu ác liệt giữa giai cấp vô sản và thợ thủ công với quân đội và cảnh sát của giai cấp tư sản. Thực tiễn này đã giúp cho giai cấp vô sản Đức không còn ảo tưởng vào giai cấp tư sản. Họ đã nhận ra kẻ thù của mình chính là giai cấp tư sản.

Tháng 2-1848, Vinhem IV làm chính biến, lật đổ nội các tư sản, lập chính phủ mới gồm toàn bộ bọn phong kiến phản

động. Giai cấp tư sản nhu nhược, bất lực và nhanh chóng bị đánh bại. Trước tình hình đó, giai cấp công nhân ở nhiều nơi đã nổi dậy đấu tranh. Điều đó đã khẳng định rằng chỉ có giai cấp vô sản mới có bản chất cách mạng triệt để.

c. *Những bài học kinh nghiệm của cách mạng 1848-1849*

Từ thực tiễn cách mạng 1848-1849 ở châu Âu, giai cấp vô sản rút ra những bài học kinh nghiệm cho mình.

Một là, thông qua đấu tranh cách mạng đã làm bộc lộ rõ nét bản chất chính trị của tất cả các giai cấp trong xã hội. Giai cấp vô sản mặc dù còn non yếu, song đã thể hiện rõ bản chất cách mạng triệt để. Giai cấp tư sản mất dần vai trò trong cách mạng dân chủ tư sản và thể hiện tính chất nửa vời, phản cách mạng. Trước những hành động độc tài, phản dân chủ của bọn vua chúa phong kiến, giai cấp tư sản tỏ ra nhu nhược, bất lực, nhưng đối với phong trào cách mạng của quần chúng thì lại hoảng sợ, thù ghét và đàn áp tàn bạo. Giai cấp tiểu tư sản và nông dân là những lực lượng to lớn và có tinh thần cách mạng cao, nhưng lập trường của họ luôn luôn dao động, thậm chí có lúc ủng hộ giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản.

Hai là, một trong những nguyên nhân thất bại của cách mạng là do giai cấp vô sản chưa xây dựng được sự liên minh với các lực lượng dân chủ tiến bộ, đặc biệt là giai cấp nông dân. Trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù giai cấp, Mác rút ra kết luận quan trọng: giai cấp vô sản phải liên minh với giai cấp nông dân thì cuộc cách mạng vô sản mới thực hiện được “bài đồng ca”, mà nếu không có được “bài đồng ca” này thì, trong

tất cả các quốc gia nông dân, “bài đơn ca” của cách mạng vô sản sẽ trở thành một “bài ca ai điểu”.

Ba là, trong đầu tranh cách mạng, giai cấp vô sản đã sáng tạo ra phương pháp cách mạng bạo lực. Họ đã kiên quyết dùng bạo lực cách mạng để chống lại các thế lực phản động.

Bốn là, cách mạng 1848-1849 tuy không phải là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhưng nó đã giác ngộ cho giai cấp vô sản, chuẩn bị cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong tương lai.

3. Công xã Pari 1871

Dưới ách thống trị của nền Đế chế II, nhân dân lao động Pháp vô cùng cực khổ và căm phẫn. Mâu thuẫn giai cấp và xã hội ngày một tăng lên. Chính quyền Pháp đã gây ra cuộc chiến tranh với Phổ (19-7-1870), hy vọng chiếm lại những vùng đất bị mất từ năm 1814 và làm suy yếu phong trào cách mạng ở trong nước. Tuy nhiên, cục diện cuộc chiến tranh đã diễn ra không theo ý muốn của chính quyền Pháp, mà ngược lại, nước Pháp có nguy cơ bị Phổ xâm lược. Thủ đô Pari bị quân Phổ bao vây. Vì vậy, nền cộng hoà và bảo vệ Tổ quốc trở thành nhiệm vụ cấp bách đối với nhân dân Pháp. Đế chế II tỏ ra bất lực, nhu nhược và là trở ngại trong cuộc đấu tranh chống quân xâm lược.

Ngày 4-9-1870, được tin quân Pháp thua trận ở Xêđăng, nhân dân nổi dậy làm cách mạng lật đổ nền thống trị của Đế chế II, tuyên bố thành lập chế độ cộng hoà. Chính phủ vệ quốc được thành lập và thực hiện nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Giai cấp vô sản Pari giữ vai trò nòng cốt trong cuộc đấu tranh. Trước áp lực mạnh mẽ của quân chúng, Chính phủ buộc

phái chấp nhận vũ trang cho nhân dân, thành lập 200 tiểu đoàn vệ binh bao gồm công nhân, thợ thủ công và viên chức, ngoài ra còn có 60 tiểu đoàn vệ binh quốc gia của giai cấp tư sản. Ủy ban Trung ương của các quận ở Pari được thành lập để lãnh đạo phong trào cách mạng.

Hoảng sợ trước sức mạnh của quân chúng, Chính phủ vệ quốc của giai cấp tư sản đã tìm cách chống lại nhân dân, cam tâm bán rẻ Tổ quốc cho quân Phổ để bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản Pháp. Ngày 28-1-1871, Chính phủ Pháp ký hiệp định đầu hàng quân Phổ và sau đó lập tức chuyển sang tấn công các lực lượng cách mạng. Chie ra lệnh giải tán đội vệ binh quốc gia của giai cấp vô sản. Trước tình hình ấy, Ủy ban Trung ương đội vệ binh ra lời kêu gọi quân chúng chống lại Chính phủ.

Ngày 18-3-1871, theo lệnh của Chie, 6.000 quân chính phủ tấn công đội vệ binh quốc gia của giai cấp vô sản ở đồi Môngmáctorơ nhằm chiếm đoạt 300 khẩu đại bác của quân cách mạng. Các chiến sĩ vệ binh chiến đấu anh dũng. Một bộ phận quân chính phủ đứng về phía cách mạng. Quân đội của Chie thiệt hại nặng nề và hoang mang dao động. Chớp lấy thời cơ, quân cách mạng tấn công vào Pari, chiếm giữ những vị trí quan trọng. Chính phủ tư sản rút chạy về Vécxây. Chiều ngày 18-3-1871, toàn bộ Pari thuộc về nhân dân. Cách mạng giành thắng lợi.

Ngày 26-3-1871, dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, nhân dân Pari tiến hành cuộc bầu cử Hội đồng Công xã. Lần đầu tiên, nhân dân được tự do lựa chọn người đại diện cho mình. Hội đồng Công xã gồm 86 ủy viên, trong đó có 17 đại biểu của giai cấp tư sản, 32 đại biểu của trí thức, 25 đại biểu của công nhân, còn lại là đại biểu của viên chức, thợ thủ công,

tiêu chủ v.v.. Khi Công xã thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, 17 đại biểu tư sản đã tự rút khỏi cơ quan công xã. Đại biểu của giai cấp công nhân là lực lượng then chốt giữ vai trò lãnh đạo Công xã.

Hội đồng Công xã là cơ quan quyền lực do nhân dân bầu ra. Nó hoạt động vì lợi ích của nhân dân. Hội đồng Công xã thực chất là một nhà nước của giai cấp vô sản. Nhiệm vụ cơ bản của Hội đồng Công xã là lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống quân xâm lược và giải phóng người lao động khỏi ách áp bức bóc lột.

Sắc lệnh đầu tiên của Công xã là hủy bỏ quân đội thường trực, tiến hành vũ trang cho toàn dân. Công xã tuyên bố bãi bỏ mọi chức vụ quan lại cũ, nhân dân bầu ra những đại biểu lãnh đạo của mình, tách nhà thờ và giáo hội ra khỏi Nhà nước, thực hiện chế độ giáo dục lành mạnh, chuyển giao các xí nghiệp không hoạt động hoặc vắng chủ cho các hội hợp tác của công nhân quản lý, điều hành sản xuất.

Mọi hoạt động của Công xã đều nhằm mang lại lợi ích cho nhân dân lao động. Đó là một nhà nước kiểu mới - nhà nước chuyên chính vô sản đầu tiên trong lịch sử.

Sau khi củng cố lực lượng, giai cấp tư sản Pháp mở các đợt tấn công chống lại cách mạng. Các chiến sĩ Công xã và nhân dân Pari chiến đấu anh dũng, nhưng cuối cùng đã bị thất bại vào ngày 28-5-1871. Công xã Pari tồn tại 72 ngày, nhưng sự nghiệp của nó còn sống mãi. Công xã Pari là tấm gương sáng của phong trào công nhân trong thế kỷ XIX, khích lệ mạnh mẽ phong trào xã hội chủ nghĩa ở châu Âu và giác ngộ cho giai cấp vô sản những nhiệm vụ cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Công xã Pari để lại những bài học kinh nghiệm quý giá sau đây:

Một là, sự nghiệp cách mạng đòi hỏi tất yếu, bức bách phải có một chính đảng vô sản lãnh đạo. Hoạt động của Công xã còn mang tính tự phát, thiếu chủ động và chưa có một chính đảng cách mạng lãnh đạo, do đó những thắng lợi giành được không triệt để và vững chắc.

Hai là, sự nghiệp cách mạng vô sản cần thiết và tất yếu phải thực hiện liên minh công nông. Công xã đã không làm được việc ấy vì nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Ba là, cách mạng vô sản phải quán triệt sâu sắc quan điểm cách mạng bạo lực và tư tưởng cách mạng tiến công. Công xã đã biết dựa vào sức mạnh của quần chúng, sử dụng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng. Tuy nhiên, Công xã đã không kiên quyết tiến công truy kích kẻ thù khi chúng đang hoang mang dao động. Công xã đã không thực hiện được nhiệm vụ tước đoạt kẻ đi tước đoạt, không quốc hữu hoá các ngân hàng của giai cấp tư sản. Lênin nhận xét: giai cấp vô sản nửa đường dừng lại quá ư đại lượng và ảo tưởng về một nền công lý tối cao, một nhiệm vụ dân tộc chung chung, do đó đã làm tiêu tan thành quả của Công xã. “Sự nghiệp của Công xã là sự nghiệp của cách mạng xã hội, sự nghiệp giải phóng hoàn toàn những người lao động về chính trị và kinh tế, là sự nghiệp của giai cấp vô sản toàn thế giới. Và theo ý nghĩa đó, sự nghiệp Công xã là bất diệt”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Tiền bộ, M, 1980, t.20, tr.261.

Chương 3

HỘI LIÊN HIỆP CÔNG NHÂN QUỐC TẾ I (1864-1876)

I. SỰ RA ĐỜI CỦA QUỐC TẾ I

1. Hoàn cảnh ra đời

Quốc tế I ra đời trên cơ sở của những yêu cầu thực tiễn cấp bách đặt ra trong phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế.

Thứ nhất, do sự phục hồi và phát triển của phong trào công nhân giữa thế kỷ XIX.

Cuộc cách mạng 1848-1849 thất bại, chính phủ phản động ở các nước châu Âu tiến hành khủng bố gắt gao, truy nã những chiến sĩ vô sản. Một số nhà lãnh đạo cách mạng vô sản bị tù đày, báo chí công nhân bị đóng cửa. Trong vụ án ở Khuê (Đức) năm 1852, giai cấp tư sản đã bịa đặt, vu cáo để kết tội những người cộng sản. Mấy tháng sau, “Đồng minh những người cộng sản” phải giải tán.

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1857-1859 bắt đầu từ Mỹ, sau đó lan sang Anh rồi mở rộng sang các nước châu Âu. Khủng hoảng kinh tế làm cho xã hội ở các nước châu Âu bị rối ren. Nạn thất

nghiệp, nghèo đói tràn lan. Tình trạng đó khiến phong trào công nhân có điều kiện phát triển. Công nhân Pháp bāi công buộc Chính phủ Napôlêông III phải hủy bỏ đạo luật Sapolie năm 1864. Cuộc đấu tranh đòi ngày làm việc 9 giờ của công nhân Anh năm 1858 góp phần thúc đẩy việc thành lập Hội đồng các công đoàn Luân Đôn, mặc dù hoạt động của nó vẫn chịu sự chi phối của chủ nghĩa nghiệp đoàn. Năm 1863, công nhân Đức thành lập Liên minh công nhân toàn Đức, chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Látxan và chủ nghĩa xã hội tiêu tư sản.

Trong thời kỳ này, tuy phong trào công nhân phát triển mạnh ở các nước châu Âu nhưng thiếu một sự chỉ đạo vững vàng; mặt khác, phong trào lại chịu ảnh hưởng của một số tư tưởng không tưởng, tư sản... Bài học kinh nghiệm của cách mạng 1848-1849 bước đầu giúp giai cấp công nhân thấy rõ sự phản bội của giai cấp tư sản, sự bãp bênh của giai cấp tiểu tư sản, song bản thân giai cấp công nhân chưa nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình.

Thứ hai, trước sự trưởng thành của phong trào công nhân về chính trị, tổ chức “Đồng minh những người cộng sản” (thành lập năm 1847) không đủ sức lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân nên đã tự giải tán vào năm 1852.

Thứ ba, những trào lưu tư tưởng đối lập với chủ nghĩa Mác cản trở sự thống nhất của phong trào công nhân, làm suy yếu phong trào. Đây cũng là một yếu tố góp phần thúc đẩy sự ra đời một tổ chức quốc tế làm trung tâm tập hợp lực lượng, giác ngộ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, lãnh đạo phong trào công nhân.

Thứ tư, là vai trò của C. Mác và Ph. Ăngghen. Hai ông theo dõi và tích cực tham gia phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân trong những ngày sục sôi cách mạng. Bị trục xuất khỏi Pháp tháng 6-1849, Mác đến Luân Đôn và năm 1850 Ăngghen đến Manxestor (Anh). Tháng 3-1850, chi hội của “Đồng minh những người cộng sản” ở các nước nhận được *Thư của Ban Chấp hành Trung ương* do Mác và Ăngghen viết. Trong thư, Mác và Ăngghen phân tích những sự kiện 1848-1849 ở Đức, vạch ra chiến lược, sách lược của Đảng vô sản trong cuộc cách mạng tương lai và nêu ra học thuyết cách mạng không ngừng mà sau này Lênin kế tục, phát triển trong lý luận về chuyển từ cách mạng dân chủ tư sản sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thời gian này, Mác viết hai tác phẩm nổi tiếng là *Đấu tranh giai cấp ở Pháp* (1850) và *Ngày 18 tháng Sương mù của Lui Bonapactor* (1852); Ăngghen viết nhiều bài báo, tập hợp thành cuốn *Cách mạng và phản cách mạng ở Đức* (1851). Trong những tác phẩm đó, phương pháp biện chứng duy vật được sử dụng để nghiên cứu lịch sử, tổng kết kinh nghiệm của cuộc cách mạng vừa qua, phát triển lý luận về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

Bộ *Tư bản* được Mác bắt đầu viết vào năm 1861, tập đầu được xuất bản vào năm 1867. Mác luận chứng quá trình vận động của xã hội tư bản, vạch ra những mâu thuẫn nội tại, chỉ rõ quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong của chủ nghĩa tư bản, khẳng định sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đều là tất yếu như nhau.

Đồng thời với việc nghiên cứu lý luận, Mác và Ăngghen

chú ý công tác tổ chức. Những cán bộ của “Đồng minh những người cộng sản” sau khi tổ chức này tự giải tán được Mác và Ăngghen bồi dưỡng lý luận. Hai ông còn tranh thủ tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản khi cộng tác với tờ báo *Nhân dân* của Phong trào Hiến chương và tờ *Diễn đàn Niu Oóc* của phái dân chủ tư sản.

Hoạt động cách mạng không mệt mỏi của Mác và Ăngghen đã giác ngộ và tập hợp được những người tiên tiến nhất trong giai cấp công nhân các nước, thúc đẩy việc hình thành tổ chức quốc tế thay cho tổ chức “Đồng minh những người cộng sản” đã bị giải tán.

2. Sự thành lập và những văn kiện đầu tiên của Quốc tế I

Ngày 22-7-1863, đại biểu công nhân các nước tổ chức hội nghị ở Luân Đôn để ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Ba Lan và phản đối chính phủ các nước châu Âu giúp đỡ Nga hoàng đàn áp khởi nghĩa. Hội nghị ra lời kêu gọi thành lập một tổ chức quốc tế. Ngày 28-9-1864, một cuộc họp do đại biểu công nhân Pháp và Anh triệu tập được tổ chức ở Luân Đôn để phản đối sự đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan năm 1863, đã quyết định thành lập tổ chức công nhân quốc tế với tên gọi Hội Liên hiệp công nhân quốc tế (Quốc tế I), bầu ra Ban Chấp hành Trung ương - có quan có nhiệm vụ thảo ra *Tuyên ngôn* và *Điều lệ*. Mác là người tổ chức Hội nghị, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương, đại diện cho phong trào cách mạng Đức. Tham gia Ban Chấp hành Trung ương Quốc tế I, ngoài các ủy viên thường vụ ra còn một số đại biểu xuất sắc của phong trào công nhân Anh, công nhân Pháp và các nước khác,

tất cả có 32 người. Hội nghị bầu ra một tiêu ban, trong đó có Mác được giao việc soạn thảo *Tuyên ngôn* và *Điều lệ* của Hội.

Mục đích của Quốc tế I là đoàn kết lại thành một khối tất cả các lực lượng có tinh thần chiến đấu của giai cấp công nhân châu Âu và châu Mỹ... Do vậy, *Tuyên ngôn* và *Điều lệ* của Quốc tế phải được soạn thảo sao cho cả những hội công liên của Anh, những môn đồ của Prud'Homme ở Pháp, Bỉ, Italia và Tây Ban Nha lẫn phái Látxan ở Đức đều có thể chấp nhận được.

- *Tuyên ngôn* thành lập Quốc tế do Mác trực tiếp soạn thảo đã nêu những nguyên tắc có tính tất yếu của sự phát triển gay gắt cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản; khẳng định chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng hoàn toàn giai cấp công nhân. *Tuyên ngôn* nhấn mạnh việc giải phóng giai cấp công nhân đòi hỏi phải có sự thống nhất và sự hợp tác anh em của công nhân trên phạm vi quốc tế. Ngoài ra, giai cấp công nhân phải kiên quyết phản đối những hành động xâm lược của chủ nghĩa đế quốc và ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ngăn chặn và vạch trần chính sách ngoại giao phản động của chính phủ nước mình, coi đó là một bộ phận của cuộc đấu tranh chung để giải phóng giai cấp công nhân. *Tuyên ngôn* được kết thúc bằng khẩu hiệu “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”.

- *Điều lệ* của Quốc tế là sự phác họa bước đầu về nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức công nhân. Đại hội là cơ quan cao nhất, giữa hai kỳ Đại hội thì Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội bầu ra lãnh đạo Quốc tế. Tổ chức của Quốc tế bao gồm các chi bộ. Những chi bộ trong một nước hợp thành liên chi và do hội đồng liên chi lãnh đạo. Nhiệm vụ của các

hội viên là thống nhất các đoàn thể công nhân thành những tổ chức có tính chất toàn quốc.

Tuyên ngôn và *Điều lệ* được thông qua, là những văn kiện đầu tiên của Quốc tế I, đánh dấu bước trưởng thành của giai cấp công nhân và khẳng định sự đóng góp lớn lao của Mác. Tập hợp được mọi lực lượng công nhân trong Quốc tế I, Mác và Ăngghen không ngừng giác ngộ họ đấu tranh chống lại các khuynh hướng xã hội chủ nghĩa sai trái.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC TẾ I

Quá trình hoạt động của Quốc tế I gắn liền với những hoạt động của Mác và Ăngghen. Ngoài việc bồi dưỡng những phần tử cốt cán của cách mạng, Mác còn là người soạn thảo hầu hết những văn kiện quan trọng của Quốc tế I. Lịch sử hoạt động của Quốc tế I là lịch sử đấu tranh liên tục với những trào lưu phản động mưu toan giành quyền lãnh đạo, lũng đoạn tổ chức Quốc tế, lái công nhân đi vào con đường cải lương thoả hiệp, vô chính phủ...

1. Đấu tranh chống chủ nghĩa Prud'Homme

Năm 1865, các chi bộ của Quốc tế I được thành lập, nhưng theo Điều lệ thì chưa đủ điều kiện để triệu tập Đại hội.

Từ 25 đến 29-9-1865, Mác mở một hội nghị bí mật ở Luân Đôn, có các ủy viên Trung ương và đại biểu các chi bộ tham dự. Vấn đề gay gắt nhất trong Hội nghị là phái Prud'Homme không đồng ý ghi vào chương trình Đại hội yêu sách đòi độc lập của Ba Lan do Mác đề nghị. Phái Prud'Homme cho rằng đó là vấn đề thuần túy chính trị, nhưng thực chất là họ ủng hộ chính sách

của các chính phủ phản động Anh và Pháp đối với Ba Lan, đánh giá thấp phong trào giải phóng dân tộc.

Phái Prud'Homme chủ trương bảo vệ và ủng hộ chủ nghĩa tư bản. Họ chỉ muốn xoá đi những cái “không tốt” của chủ nghĩa tư bản và xây dựng cái “tốt” nhằm duy trì vĩnh viễn chế độ tư hữu. Phái này chống lại phượng thức đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân, chống lại việc tổ chức bãi công, coi việc thành lập các hợp tác xã là nhiệm vụ chủ yếu của phong trào công nhân, bảo vệ quyền tư hữu ruộng đất, phủ nhận đấu tranh chính trị và mọi hình thức nhà nước, kể cả chuyên chính vô sản. Chủ nghĩa Prud'Homme có ảnh hưởng khá mạnh ở Pháp, Bỉ và Italia... là những nơi mà nền sản xuất nhỏ chiếm ưu thế. Đấu tranh chống chủ nghĩa Prud'Homme là yêu cầu bức thiết để giác ngộ và nâng cao khả năng tổ chức của giai cấp công nhân. Cuộc đấu tranh này diễn ra gay gắt và chiếm phần lớn chương trình nghị sự của hai đại hội đầu tiên của Quốc tế I.

Đại hội I của Quốc tế I họp ở Ginevra từ ngày 3 đến ngày 8-9-1866, có 60 đại biểu của 25 chi bộ ở Anh, Pháp, Thụy Sĩ, Đức tham dự. Mặc dù không trực tiếp tham dự, nhưng Mác đã chuẩn bị chương trình nghị sự, xây dựng bản thuyết trình của đoàn đại biểu Anh, chủ yếu để chống phái Prud'Homme.

Phái Prud'Homme phản đối yêu sách của chủ nghĩa Mác đòi ngày làm việc 8 giờ, hạn chế lao động trẻ em, cho rằng đó là quan hệ riêng tư được thỏa thuận giữa chủ và thợ. Họ còn phản đối yêu sách đòi bảo vệ lao động phụ nữ vì cho rằng chức năng của phụ nữ chỉ làm công việc nội trợ trong gia đình. Những người mácxít thông qua nghị quyết đòi hạn chế ngày lao động với công nhân, nhất là với trẻ em, làm đêm đối với

phụ nữ, phải giáo dục phổ thông và nghề nghiệp cho công nhân, bảo vệ lao động phụ nữ, xoá bỏ thuế gián tiếp, đòi vũ trang toàn dân.

Nghị quyết của Đại hội về vấn đề công đoàn được thông qua đã nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của công đoàn, chống lại những luận điệu của phái Prud'Homme chủ trương bãi bỏ mọi hình thức tổ chức của công nhân. Nghị quyết cho rằng công đoàn cần thiết cho cuộc đấu tranh giữa tư bản và lao động, có vai trò là một đoàn thể có tổ chức để đẩy mạnh việc thù tiêu chế độ lao động làm thuê. Việc thông qua nghị quyết về vấn đề công đoàn là thắng lợi lớn của những người mácxít đối với phái Prud'Homme (Pháp), phái Látxan (Đức) và những lanh tụ công đoàn (Anh).

Về vấn đề hợp tác xã, nghị quyết của Đại hội khẳng định, nếu giai cấp công nhân không nắm được quyền lực chính trị thì hình thức hợp tác xã không thể cài tiến được chế độ tư bản chủ nghĩa. Đại hội thông qua bản Tuyên ngôn thành lập và Điều lệ, bầu lại Ban Chấp hành Trung ương với thành phần như cũ.

Sau Đại hội, do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1866, phong trào đấu tranh của công nhân dâng cao. Công nhân Anh, Pháp, Đức, Bỉ, Thụy Sĩ liên tiếp bãi công. Theo đề nghị của Mác, Quốc tế ủng hộ cuộc đấu tranh bằng cách thông báo tin tức, quyên tiền... Phong trào công nhân đã giành được một số thắng lợi chính trị. Ở Đức, năm 1867, công nhân Bắc Đức qua bầu cử đã đưa Vinhem Liphnéch và August Bében vào Quốc hội. Chính phủ Anh ban hành Luật Cải cách tuyển cử cho một bộ phận công nhân lớp trên tham

gia. Đó là thắng lợi của sự đoàn kết quốc tế, mục tiêu mà Quốc tế I đã đề ra.

Đại hội II của Quốc tế họp ở Lôdan (Thụy Sĩ) từ ngày 2 đến ngày 8-9-1867, có 63 đại biểu tham dự.

Phái Prud'Homme ở Pháp và Thụy Sĩ nêu trở lại vấn đề lao động phụ nữ và trẻ em, vấn đề hợp tác xã. Họ buộc Đại hội thông qua một vài nghị quyết mơ hồ nhưng không giành được thắng lợi trong việc chiếm quyền lãnh đạo Quốc tế. Ban Chấp hành được bầu mới vẫn giữ nguyên và trụ sở vẫn đặt ở Luân Đôn.

Các nghị quyết về quốc hữu hoá các phương tiện giao thông vận tải, quyền công hữu về tư liệu sản xuất được Đại hội thông qua nhưng vẫn đề quốc hữu hoá ruộng đất gấp phải sự phản đối kịch liệt của phái Prud'Homme nên phải gác lại.

Đại hội xác định, nếu không giải phóng giai cấp công nhân về chính trị thì sẽ không thể giải phóng giai cấp công nhân về xã hội, do đó việc thiết lập quyền tự do về chính trị là rất cần thiết.

Đại hội III của Quốc tế họp ở Brûcxen từ ngày 6 đến ngày 13-9-1868 với gần 100 đại biểu tham dự. Mác đã trực tiếp chuẩn bị báo cáo hàng năm của Ban Chấp hành Trung ương và dự thảo các nghị quyết chủ yếu. Cuộc đấu tranh gay gắt và lan rộng ở Pháp và Bỉ của giai cấp công nhân đã loại trừ dần ảnh hưởng của phái Prud'Homme. Đại hội thông qua nghị quyết xác nhận những vấn đề đã bàn trong Đại hội I ở Ginevra: tán thành bãi công, thành lập các công đoàn và ngày làm việc 8 giờ, đó là những nghị quyết chống lại Prud'Homme.

Vấn đề quyền sở hữu ruộng đất là vấn đề được thảo luận gay go nhất. Đại hội đã thông qua nghị quyết quan trọng đòi

chuyển ruộng đất, rừng, kênh đào, hầm mỏ và đường xe lửa, điện tín sang chế độ sở hữu tập thể với đa số phiếu tuyệt đối. Nghị quyết đó đánh dấu sự thắng lợi của tư tưởng vô sản đối với luồng tư tưởng tiêu tư sản trong nội bộ Quốc tế. Tuy nhiên, phái Prud'ong vẫn kịch liệt chống đối nên Đại hội quyết định lần sau sẽ thảo luận lại.

Trong lúc tình hình châu Âu đang căng thẳng bởi nguy cơ có thể nổ ra chiến tranh, Đại hội Brúcxen thông qua nghị quyết có tính chất ảo tưởng, coi tổng bãi công như là một phương pháp “toàn năng” có thể ngăn chặn nguy cơ chiến tranh. Mác đã phê phán nghị quyết đó và cho rằng, trong lúc giai cấp công nhân chưa có đủ ảnh hưởng quyết định đối với các sự biến chính trị thì Đại hội cần phải lên tiếng tố cáo và phản đối bọn gây chiến, xâm lược.

Tháng 8-1867, tập I bộ *Tư bản* của Mác được xuất bản, Đại hội thông qua nghị quyết kêu gọi công nhân các nước chú ý nghiên cứu tác phẩm và giúp đỡ để dịch tác phẩm đó ra các thứ tiếng. Đến Đại hội Brúcxen, đường lối do Mác đề ra đã được Quốc tế I thừa nhận ở mức độ nhất định. Như vậy, chủ nghĩa Prud'ong đã bị đánh bại về căn bản, các hoạt động có tính chất cải lương trong Quốc tế cũng bị đẩy lùi.

2. Đấu tranh chống phái cơ hội chủ nghĩa Anh

Cùng với việc chống phái Prud'ong, những người mácxít còn phải đấu tranh chống lại bọn thủ lĩnh cơ hội của công đoàn Anh. Do sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa nên một số công nhân lành nghề được trả lương cao ở Anh biến thành tầng lớp trên của giai cấp công nhân mà lịch sử gọi là tầng lớp

“công nhân quý tộc”. Do bị mua chuộc nên các lãnh tụ công đoàn ở Anh không muôn tiếp tục đưa quần chúng đi theo con đường đấu tranh cách mạng. Các công đoàn Anh chủ yếu mang tính chất tổ chức liên hợp giữa các nghề nghiệp trong phạm vi hẹp, ít đoàn kết với nhau. Các hoạt động của công đoàn chỉ nhằm mục tiêu kinh tế, ít quan tâm đến đấu tranh chính trị và chỉ dừng lại ở việc đấu tranh giành quyền bầu cử, chống lại một vài đạo luật đàn áp công nhân. Công đoàn Anh chịu ảnh hưởng của các chính đảng tư sản và hoạt động nhằm đưa lại quyền lợi cho công nhân quý tộc.

Vấn đề quan trọng trong đấu tranh chống phái cơ hội chủ nghĩa Anh là thái độ đối với phong trào giải phóng dân tộc Ailen. Giải phóng dân tộc Ailen được coi là điều kiện đầu tiên để giải phóng giai cấp công nhân Anh, nâng cao tinh thần quốc tế vô sản của công nhân, tẩy rửa ảnh hưởng của chủ nghĩa sôvanh, mà giai cấp tư sản đã tiêm nhiễm vào một bộ phận công nhân. Bọn thủ lĩnh cơ hội chủ nghĩa Anh đi theo chính sách phản động, biện hộ cho việc nô dịch. Mác đã đấu tranh chống lại, đề nghị Ban Chấp hành Quốc tế I lãnh đạo cuộc đấu tranh đòi thông qua nghị quyết lên án chính sách xâm lược của Chính phủ Anh và phát động chiến dịch đòi ân xá các nhà cách mạng Ailen.

3. Đấu tranh chống phái Látxan ở Đức

Ở Đức, chủ nghĩa Látxan có ảnh hưởng rộng rãi trong công nhân, đặc biệt trong “Liên minh công nhân toàn Đức”. Phái Látxan nêu vấn đề “Luật sắt về tiền lương” để phù nhận đấu tranh bãi công, đấu tranh kinh tế, phù nhận tổ chức công đoàn. Họ chỉ nêu việc đấu tranh để giành quyền phổ thông đầu phiếu,

lập hội sản xuất với sự giúp đỡ của chính phủ phản động Phổ. Phái Látxan phủ nhận liên minh công nông, chủ trương liên minh với tư sản, phản bội lại cuộc đấu tranh của quần chúng.

Phong trào công nhân Đức trong những năm 60 dần phục hồi, không ngừng đấu tranh chống ánh hưởng tư sản. Auguxto Bêben và Vinhem Lipnéch được sự giúp đỡ của C. Mác đấu tranh chống lại ánh hưởng của chủ nghĩa Látxan. Ngày 6-8-1868, đại biểu của 14 nghìn công nhân trong Đại hội Nuyrembe tuyên bố đi theo cương lĩnh của Quốc tế I và ngày 6-8-1869, Đảng Công nhân Xã hội - Dân chủ Đức được thành lập ở Aidonăc, mở ra giai đoạn mới của phong trào công nhân Đức.

4. Đấu tranh chống phái Bacunin

Vào năm 1864, trong Quốc tế I và phong trào công nhân, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Bacunin, chống sách lược vô chính phủ của nó được đưa lên hàng đầu. Chủ nghĩa Bacunin phản ánh quan điểm tư tưởng của người tiểu tư sản bị phá sản không còn hy vọng để cứu vớt được. Nó biếu lộ tâm trạng bất mãn, tuyệt vọng của tầng lớp thợ thủ công, tiểu tư sản thành thị và của nông dân đã bị phá sản trong hàng ngũ vô sản. Chủ nghĩa Bacunin lèn án tất cả mọi chính phủ, coi chính phủ và tôn giáo là nguồn gốc mọi sự đau khổ của loài người. Chủ nghĩa Bacunin gần gũi với chủ nghĩa Prudông là cùng đi theo con đường vô chính phủ. Chủ nghĩa Prudông dùng lời lẽ cải lương còn chủ nghĩa Bacunin cố làm ra vẻ cách mạng. Bacunin đòi xoá bỏ mọi hình thức chính quyền, kể cả chuyên chính vô sản bằng các cuộc bạo động có tính chất âm mưu, khước từ mọi hoạt động chính trị của giai cấp công nhân, chủ

trương thực hiện nguyên tắc cá nhân ngự trị hoàn toàn với khẩu hiệu “Tất cả vì cá nhân”, cho rằng giải phóng cá nhân là điều kiện để giải phóng quần chúng. Bucunin cho rằng xoá bỏ quyền thừa kế là biện pháp thủ tiêu chủ nghĩa tư bản.

Chủ nghĩa Bacunin từ chỗ đối lập đã đi đến phủ nhận chủ nghĩa Mác. Mác chủ trương thực hiện chuyên chính vô sản, còn Bacunin phất lên ngọn cờ vô chính phủ. Chủ nghĩa Mác khẳng định, giai cấp công nhân đấu tranh để thủ tiêu các giai cấp bóc lột thì chủ nghĩa Bacunin đưa ra khẩu hiệu “Bình đẳng giữa các giai cấp”. Chủ nghĩa Mác cho rằng giai cấp công nhân là lực lượng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa thông qua các chính đảng của mình thì Bacunin đi tìm lực lượng trong tầng lớp lưu manh...

Cuộc đấu tranh của Mác và Ăngghen trong Quốc tế I chống lại tư tưởng cơ hội tiểu tư sản và vô chính phủ của Bacunin được đưa lên hàng đầu và tiếp tục diễn ra trong Đại hội IV của Quốc tế I.

Đại hội IV của Quốc tế I họp ở Balor từ ngày 6 đến ngày 11-9-1869, có 78 đại biểu của các nước Anh, Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha và có một đại biểu là công nhân Mỹ tham dự.

Đại hội thảo luận lại vấn đề sở hữu ruộng đất theo yêu cầu của phái Prud'Homme. Đại hội phê chuẩn nghị quyết Đại hội Brûczen về sự cần thiết phải hủy bỏ chế độ tư hữu ruộng đất, đồng thời thông qua nghị quyết kêu gọi công nhân tổ chức quần chúng vào cuộc đấu tranh chống chế độ làm thuê. Tại Đại hội đã nổ ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người mácxít với phái Bacunin về quyền thừa kế tài sản. Bacunin vẫn

cho rằng việc xoá bỏ quyền thừa kế bằng pháp luật trong xã hội tư bản là biện pháp để dần dần chuyển ruộng đất sang chế độ sở hữu tập thể. Mác cho rằng đó là điều không tưởng và cải lương khi giai cấp tư sản và địa chủ còn nắm chính quyền. Bị phái Bacunin lũng đoạn, Đại hội thông qua nghị quyết với đa số phiếu nghiêng về phái vô chính phủ; nhưng về tổ chức, phái Bacunin bị thất bại trong âm mưu chui vào Ban lãnh đạo để tăng cường lũng đoạn Quốc tế.

Đến năm 1870, do tình hình quốc tế biến động, chiến tranh Pháp - Phổ bùng nổ, nên Đại hội V của Quốc tế I dự định họp vào tháng 9-1870 đã không thực hiện được. Trong tình hình đó, với tư cách Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Quốc tế I, Mác đưa ra hai bản hiệu triệu chỉ rõ tính chất của chiến tranh và kêu gọi công nhân Pháp - Phổ đoàn kết chống chiến tranh.

III. QUỐC TẾ I GIẢI TÁN VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ

1. Quốc tế I sau khi Công xã Pari thất bại

Quốc tế I có vai trò to lớn trong việc bảo vệ sự nghiệp của Công xã Pari. Những hoạt động của Quốc tế I đóng vai trò quan trọng trong sự ra đời của Công xã. Công xã là sản phẩm tinh thần của Quốc tế I.

Ngày 18-3-1871, khi cuộc khởi nghĩa của giai cấp vô sản Pari nổ ra và sau đó Công xã được thành lập, Mác đã nhiệt liệt hoan nghênh sáng kiến của quần chúng. Biết Công xã chưa đủ điều kiện để giữ chính quyền, Mác đã tìm cách hạn chế thất bại của Công xã. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, Mác đã viết tuyên ngôn về nội chiến ở Pháp, phân tích sâu sắc tính chất của

Công xã với tư cách là một chính thể của giai cấp vô sản, đồng thời vạch ra sai lầm và nguyên nhân thất bại của Công xã.

Sau khi Công xã Pari thất bại, giai cấp tư sản các nước ra mặt khùng bố các phân bộ Quốc tế. Họ phản động rất căm tức thái độ của Mác; chúng đàn áp, truy tố, lùng bắt các hội viên Quốc tế và Mác. Chúng dùng mọi thủ đoạn để đàn áp công nhân và cấm các phân bộ của Quốc tế hoạt động.

Do sự đàn áp của giai cấp tư sản phản động các nước nên Quốc tế I không triệu tập Đại hội. Quốc tế I tổ chức Hội nghị ở Luân Đôn từ ngày 17 đến ngày 23-9-1871 để thảo luận về hoạt động của Quốc tế và đề ra nhiệm vụ trước mắt của phong trào công nhân quốc tế. Từ kinh nghiệm của Công xã Pari, Hội nghị đã thông qua Nghị quyết quan trọng về thành lập chính đảng của giai cấp vô sản ở các nước.

Phái Bacunin chống lại nghị quyết và từ chối không thực hiện. Tháng 11-1871, chúng nhóm họp riêng ở Xônvie (Thụy Sĩ); tham gia “Đại hội” này chỉ có 16 đại biểu. Chúng tuyên bố chống chuyên chính vô sản, chống đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân. Họ vô chính phủ đòi triệu tập Đại hội Quốc tế, gây nhiều tác hại cho hoạt động của Quốc tế.

Đại hội V của Quốc tế tổ chức tại La Hay từ ngày 2 đến ngày 7-9-1872 có Mác và Ăngghen tham dự. Đại hội khai trừ Bacunin và đồng bọn ra khỏi Quốc tế vì tội phản bội. Đại hội xác nhận nghị quyết của Hội nghị Luân Đôn từ ngày 17 đến ngày 23-9-1871 và nhắc nhở giai cấp công nhân các nước về bài học của Công xã Pari, nhất là vấn đề thành lập chính đảng vô sản ở từng nước. Đại hội chi rõ đấu tranh kinh tế và hoạt động chính trị liên quan chặt chẽ với nhau. Đại hội quyết định

rời trụ sở Tông hội sang Mỹ vì không thể tiếp tục hoạt động ở châu Âu được. Đây là đại hội cuối cùng của Quốc tế I.

Hội nghị cuối cùng của Quốc tế I họp ở Philadelphia ngày 15-7-1876 tuyên bố giải tán Quốc tế. Quốc tế I đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử truyền bá tư tưởng của chủ nghĩa Mác tới công nhân các nước, tạo cơ sở để thành lập chính đảng độc lập của công nhân ở châu Âu, châu Mỹ.

2. Ý nghĩa lịch sử của Quốc tế I

Quốc tế I có ý nghĩa to lớn, đó là tổ chức quốc tế đầu tiên của giai cấp công nhân, được thành lập trên cơ sở chủ nghĩa xã hội khoa học. Quốc tế được xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân chủ, kết hợp đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị là cơ sở cho cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân.

Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh các loại, Quốc tế I đã khởi thảo những vấn đề cương lĩnh về chiến lược và sách lược của chính đảng, góp phần làm cho phong trào công nhân có bước chuyển biến mới, tiến tới thành lập những tổ chức công nhân có tính chất quần chúng.

Quốc tế I, dưới sự lãnh đạo của Mác và Ăngghen, đã đào tạo được nhiều cán bộ trở thành người tổ chức và lãnh đạo những chính đảng vô sản đầu tiên của phong trào công nhân quốc tế.

Quốc tế I đã đấu tranh chống lại những trào lưu xã hội chủ nghĩa sai trái, chuẩn bị cơ sở cho việc thành lập chính đảng công nhân trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học. Cùng với việc thành lập các chính đảng vô sản độc lập, chủ nghĩa Mác ngày càng được truyền bá rộng rãi vào phong trào công nhân.

Chương 4

QUỐC TẾ II - QUỐC TẾ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. HOÀN CẢNH RA ĐỜI CỦA QUỐC TẾ II

1. Sự phát triển của phong trào công nhân sau Công xã Pari đòi hỏi cấp thiết thành lập tổ chức quốc tế mới của giai cấp công nhân

Sau khi Công xã Pari thất bại, trung tâm cách mạng thế giới chuyển từ Pháp sang Đức. Phong trào đấu tranh của công nhân Đức đã thực hiện vai trò đi đầu trong phong trào công nhân châu Âu.

Đến nửa sau thập niên 70 của thế kỷ XIX, phong trào công nhân quốc tế phát triển thành cao trào đấu tranh rộng lớn, mà ở đó bãi công trở thành hình thức đấu tranh quan trọng. *Ví dụ*, ở Mỹ năm 1875 đã nổ ra cuộc bãi công của 6 nghìn công nhân ngành dệt trong 8 tuần liền, ở Anh năm 1878 có 300 nghìn công nhân bông vải sợi bãi công 10 tuần. Bãi công không chỉ diễn ra ở những nước công nghiệp phát triển mà còn nổ ra ở cả các nước tư bản phát triển chậm như nước Nga.

Phong trào bãi công nổ ra, vừa rộng lớn vừa gay gắt, đã làm kinh tế tư bản bị thiệt hại nặng nề. Giai cấp tư sản và chính phủ tư sản đã dùng mọi biện pháp để đàn áp phong trào.

Ngày 1-5-1886, trên 40 nghìn công nhân thành phố Chicagô (Mỹ) đã rầm rộ xuống đường biểu tình. Chính quyền tư sản Mỹ đã cho lực lượng cảnh sát đàn áp đẫm máu.

Ở châu Âu, những cuộc bãi công diễn ra rất quyết liệt, tiêu biểu là cuộc bãi công của công nhân mỏ vùng Rue nước Pháp năm 1889. Chính quyền tư sản Pháp rất hoảng sợ đã cho quân đội đàn áp khốc liệt cuộc bãi công. Phong trào bãi công đã bước đầu làm lung lay nền chính trị của chủ nghĩa tư bản và buộc giai cấp tư sản phải nhượng bộ. Hiến pháp tư sản không cấm giai cấp công nhân bãi công.

Phong trào cách mạng đã rèn luyện cho giai cấp công nhân biết đoàn kết và phải đoàn kết mới có sức mạnh để đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản và hướng tới một xã hội tốt đẹp hơn.

Cùng với hình thức bãi công, giai cấp công nhân sáng tạo ra hình thức đấu tranh nghị trường như một hình thức đấu tranh hợp pháp, giành quyền phổ thông đầu phiếu, giành quyền dân chủ.

Cao trào đấu tranh cách mạng rộng lớn của giai cấp vô sản những năm 70-90 của thế kỷ XIX đã có những nội dung, hình thức và phương pháp đấu tranh thích hợp cho thời kỳ mà nhiệm vụ hàng đầu của phong trào công nhân là phải tiến hành công tác tổ chức, giáo dục, chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để chuyển sang một thời kỳ đấu tranh cách mạng cao hơn - thời kỳ đấu tranh giành chính quyền.

Từ phong trào đấu tranh cách mạng đã xuất hiện những tổ chức cơ bản của giai cấp công nhân, đó là tổ chức công đoàn, tổ chức đảng, tổ chức quốc tế của nó. Ba hình thức nghiệp

đoàn của giai cấp công nhân ra đời như tổ chức công liên, công đoàn thuộc chính đảng của giai cấp vô sản và công đoàn chịu ảnh hưởng của bọn vô chính phủ, trong đó hình thức thứ nhất và hai chiếm ưu thế.

Ba hình thức nghiệp đoàn này trong phong trào công nhân cho thấy tính phức tạp của phong trào, đồng thời thể hiện rằng cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đã có bước phát triển mới, đấu tranh có tổ chức.

Thành phần tham gia công đoàn ngày càng mở rộng đến cả thợ thủ công và các viên chức sống phân tán. Điều đó chứng tỏ bộ phận công nhân công nghiệp hiện đại đã ý thức được là muốn giải phóng giai cấp công nhân thì phải đồng thời giải phóng cho toàn bộ giai cấp lao động, trong đó có nông dân. Đảng của giai cấp công nhân ra đời ở nhiều nước, tổ chức công đoàn phát triển đúng hướng. Bước tiến mới quan trọng của phong trào công nhân đã đặt ra vấn đề cấp thiết thành lập một tổ chức quốc tế mới của giai cấp công nhân.

2. Sự ra đời và phát triển của các đảng xã hội chủ nghĩa thúc đẩy việc thành lập một tổ chức quốc tế mới làm trung tâm chỉ đạo và đoàn kết của phong trào

Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đã sản sinh ra các đảng xã hội chủ nghĩa, đó là quy luật tất yếu khách quan. Đảng Xã hội - Dân chủ Đức thành lập năm 1875 do sự hợp nhất giữa Đảng Công nhân Xã hội - Dân chủ với Tổng Công hội Đức. Đảng có uy tín trong công nhân và tầng lớp lao động nước Đức. Chính quyền tư sản Đức lo sợ trước sự lớn mạnh và uy tín của Đảng Xã hội - Dân chủ Đức nên đã dùng nhiều thủ

đoạn để chống lại. Nhưng hoạt động của Đảng rất sáng tạo, kết hợp chặt chẽ giữa bí mật và công khai.

Đảng Công nhân Pháp thành lập năm 1879 và đã thông qua được cương lĩnh theo tinh thần mácxít. Nhưng ít lâu sau, Đảng bị phân hoá, trong Đảng xuất hiện chủ nghĩa cải lương. Những người mácxít đã tách ra và tiến hành Đại hội ở Ruäng. Đại hội đã trở thành mốc quan trọng cho sự phát triển của Đảng Công nhân Pháp. Do luôn tích cực nêu cao vai trò đấu tranh cách mạng bảo vệ lợi ích của giai cấp vô sản, nên Đảng công nhân Pháp có ảnh hưởng mạnh trong phong trào công nhân và các tầng lớp lao động, trở thành đảng mạnh nhất trong số các đảng ở Pháp lúc bấy giờ.

- *Đảng Công nhân Xã hội - Dân chủ Áo* thành lập năm 1889. Đảng đã tổ chức quần chúng đấu tranh đòi quyền phổ thông đầu phiếu; lãnh đạo nhiều cuộc bãi công của công nhân trong những năm 90 và thu được nhiều thắng lợi tại cuộc bầu cử Quốc hội Áo năm 1896.

- *Tại Hungari*, năm 1878 thành lập Đảng của giai cấp vô sản lấy tên là Đảng của những người không có quyền bầu cử. Đảng đặt tên như vậy là vì nhà cầm quyền Hungari lúc đó không cho phép thành lập các tổ chức xã hội chủ nghĩa. Đảng ra tuyên bố về mục tiêu chính thức của Đảng là đòi thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu. Năm 1880, Đảng đã cùng với Đảng Công nhân (sau theo tư tưởng của Látxan) hợp nhất thành Đảng Công nhân toàn Hungari. Cuối những năm 90, Đảng đổi tên là Đảng Xã hội - Dân chủ.

Cùng với sự ra đời và hoạt động mạnh mẽ của các đảng xã hội - dân chủ nêu trên, một loạt chính đảng của giai cấp công

nhân ở các nước khác lần lượt ra đời. Đến cuối thế kỷ XIX, ở hầu hết các nước có phong trào công nhân đều đã có đảng xã hội chủ nghĩa hoặc đảng xã hội - dân chủ, trong đó nhiều đảng có uy tín như Đảng Xã hội - Dân chủ Đức.

Sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của các đảng xã hội chủ nghĩa là một bước tiến quan trọng của phong trào công nhân quốc tế trong những năm sau Công xã Pari. Đây là giai đoạn giai cấp vô sản đã thực sự trở thành một giai cấp độc lập về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Các đảng đã khẳng định rằng để thực hiện nhiệm vụ lịch sử của giai cấp vô sản là lật đổ chế độ tư bản chủ nghĩa, việc giành chính quyền chỉ là mục tiêu trước mắt. Muốn giải phóng triệt để người lao động, xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn thì phải thủ tiêu chế độ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu. Các đảng cũng đã thấy được sự cần thiết phải xây dựng một tổ chức quốc tế mới của giai cấp vô sản để chỉ đạo và đoàn kết phong trào công nhân quốc tế.

3. Sự thành lập Quốc tế II

Cuối những năm 80 của thế kỷ XIX, phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ, các đảng xã hội chủ nghĩa thành lập ở nhiều nước. Tại đại hội các đảng xã hội chủ nghĩa, các tổ chức công đoàn, trên diễn đàn báo chí của công nhân ngày càng có nhiều tiếng nói đòi hỏi phải nhanh chóng thành lập tổ chức quốc tế mới của giai cấp công nhân.

Những người theo chủ nghĩa Mác, dưới sự lãnh đạo của Ăngghen, đã vạch ra đường lối xây dựng một tổ chức quốc tế mới theo các nguyên tắc tổ chức và hành động đúng đắn. Chủ

trương thành lập tổ chức quốc tế được Đảng Xã hội - Dân chủ Đức nêu ra tại Đại hội Xanhganlen tháng 10-1887.

Những người lãnh đạo mácxít trong phong trào công nhân Pháp được trao quyền đứng ra triệu tập Đại hội quốc tế ở Pari. Đảng Công nhân Pháp tham gia tích cực vào việc chuẩn bị đại hội.

Trong lúc đó, tại cuộc họp công đoàn ở Luân Đôn năm 1888, phái “*Khả năng*” cũng được ủy quyền triệu tập một đại hội quốc tế của giai cấp công nhân.

Tình huống đặc biệt đã xuất hiện là tại thủ đô Pari, sẽ diễn ra đồng thời hai đại hội công nhân quốc tế. Một đại hội theo nhu cầu của phong trào công nhân và sáng kiến của những người xã hội chủ nghĩa cách mạng, những người mácxít. Một đại hội do phái “*Khả năng*” (theo chủ nghĩa cơ hội, cải lương) khởi xướng.

Như vậy là cuộc đấu tranh của những người mácxít chống chủ nghĩa cơ hội, cải lương diễn ra quyết liệt ngay từ quá trình chuẩn bị Đại hội. Đây không phải là một đại hội bình thường mà là đại hội thành lập một tổ chức quốc tế mới. Nguy cơ xuất hiện là tổ chức đó có thể rơi vào tay bọn cải lương, cơ hội.

Những người lãnh đạo Đảng Công nhân Pháp (do điều kiện cụ thể mà Đảng được giữ vai trò quyết định trong việc chuẩn bị tổ chức Đại hội) lúc đầu đã hoạt động chậm và không kiên quyết. Những người xã hội dân chủ Đức đã đánh giá không đúng ý nghĩa của đại hội, một số có khuynh hướng thoả hiệp với phái “*Khả năng*”.

Do nắm bắt và đánh giá đúng đắn, kịp thời tình hình cụ thể,

Ăngghen đã triển khai công tác tổ chức rộng lớn, thúc đẩy những nhà lãnh đạo Đảng Công nhân Pháp tích cực hoạt động hơn, giải thích rõ cho những nhà lãnh đạo Đảng Xã hội - Dân chủ Đức về sự cần thiết phải tích cực tham gia chuẩn bị đại hội, vạch rõ tính chất nguy hiểm của ý định thống nhất hai đại hội.

Ăngghen tiến hành thu thập chữ ký và ra lời kêu gọi triệu tập Đại hội. Việc làm đó của Ăngghen đã được sự đồng tình ủng hộ của các nhóm xã hội chủ nghĩa ở châu Âu, đặc biệt là các nhà hoạt động nổi tiếng. Người đã vạch ra kế hoạch hành động và biện pháp tổ chức, theo dõi tình hình thực hiện. Vì vậy, Đại hội công nhân quốc tế được khai mạc tại Pari ngày 14-7-1889 với 395 đại biểu từ 20 nước trên thế giới tham dự. Khẩu hiệu trung tâm của Đại hội là "*Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại!*". Pôn Laphácgor, nhà lãnh đạo của những người xã hội chủ nghĩa Pháp, thay mặt Ban tổ chức đọc lời chào mừng và khai mạc Đại hội. Lời khai mạc có đoạn viết: "Các đại biểu khắp châu Âu, châu Mỹ tập hợp tại đây đoàn kết lại không phải biến ngọn cờ ba màu, hay ngọn cờ dân tộc nào khác mà đoàn kết dưới ngọn cờ đỏ của giai cấp vô sản quốc tế"⁽¹⁾.

Đại hội do phái "Khả năng" triệu tập, chủ yếu gồm đại biểu các công đoàn Pháp, mà phần lớn là công đoàn Pari và các chi hội công liên Anh.

Tính chất của hai đại hội đã phản ánh quá trình vận động phát triển phức tạp của phong trào công nhân cuối những năm 80 của thế kỷ XIX.

⁽¹⁾ Phong trào công nhân quốc tế - những vấn đề thực tiễn và lý luận, NXB. Tiến bộ, M. và NXB. Sự thật, H. 1986, t.301-302.

Ăngghen đánh giá: "... Hai đại hội mang tính chất hoàn toàn khác nhau. Đại hội của chúng ta là đại hội của những người xã hội chủ nghĩa thống nhất, còn đại hội kia là đại hội của những người không đi xa hơn chủ nghĩa công liên... Vì việc phân chia thành hai phe dưới hai ngọn cờ khác nhau đã diễn ra không có chúng ta tham dự, cho nên chúng ta phải bảo vệ danh dự của ngọn cờ xã hội chủ nghĩa”⁽¹⁾.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC TẾ II QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI

- Đại hội công nhân quốc tế họp ở Pari ngày 14-7-1889 là Đại hội thành lập một tổ chức quốc tế mới - Quốc tế Xã hội chủ nghĩa (Quốc tế II).

Đại hội đã thảo luận những vấn đề:

Hoạt động hợp pháp của giai cấp công nhân; thủ tiêu đội quân thường trực; lấy ngày 1-5 làm ngày biểu dương lực lượng của giai cấp công nhân; đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị...

Đại hội ra nghị quyết khẳng định rằng chủ nghĩa cộng sản khoa học là cơ sở tư tưởng của phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết chỉ rõ: “Sự nghiệp giải phóng lao động và toàn thể nhân loại chỉ có thể đạt được do giai cấp vô sản đã được tổ chức lại, với tư cách là một giai cấp, trên phạm vi quốc tế; giai cấp ấy phải giành lấy chính quyền để thực hiện việc tước đoạt tư bản và biến tư liệu sản xuất thành sở hữu công cộng”⁽²⁾.

Nghị quyết nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường đấu tranh chính trị và tăng cường phong trào công nhân, đồng thời

^{(1), (2)} Sđd, tr.301-302, 302-303.

cho rằng cuộc đấu tranh hợp pháp, không phải là mục đích mà chỉ là điều kiện để thực hiện mục đích giải phóng cho giai cấp vô sản. Đó là biện pháp để nâng cao trình độ giác ngộ, trình độ văn hoá của giai cấp công nhân. Mục đích cuối cùng của giai cấp công nhân là giành lấy chính quyền, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Bọn vô chính phủ kịch liệt phản đối giai cấp công nhân đấu tranh chính trị và phủ định việc lợi dụng Quốc hội để đấu tranh hợp pháp. Cuộc đấu tranh chống phái vô chính phủ trở thành nhiệm vụ quan trọng của Quốc tế II. Đại hội đã thông qua nghị quyết về vấn đề thủ tiêu quân đội thường trực và vấn đề vũ trang toàn dân, Nghị quyết đã nhấn mạnh mối liên hệ trực tiếp giữa chiến tranh với sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Sự bảo đảm tốt nhất để thủ tiêu hoàn toàn chiến tranh chính là sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Vấn đề quân thường trực và thủ tiêu quân đội thường trực được Đại hội thảo luận rất sôi nổi.

Về đấu tranh kinh tế, nghị quyết của Đại hội đề ra phải đấu tranh rộng rãi vì lợi ích bức thiết của giai cấp công nhân: yêu sách đòi ngày làm việc 8 giờ, tăng lương cho công nhân, hủy bỏ chế độ trả lương bằng hiện vật là nhiệm vụ của tổ chức công đoàn.

Nhằm biểu dương sức mạnh đoàn kết của giai cấp công nhân, Đại hội quyết định lấy ngày 1-5 hàng năm làm ngày hội truyền thống của giai cấp công nhân - Ngày Quốc tế lao động.

Đại hội còn tiếp tục nêu những yêu sách mà trước đây Quốc tế I đã nêu ra và đòi cho công đoàn quyền tự do, kêu gọi

giai cấp công nhân gia nhập các đảng xã hội chủ nghĩa và đấu tranh giành chính quyền.

Đại hội thành lập Quốc tế II (Quốc tế Xã hội chủ nghĩa) ở Pari năm 1889 có ý nghĩa lịch sử quan trọng đặc biệt, khôi phục được tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân, tiếp tục gurther cao ngọn cờ đấu tranh cho sự thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội.

Sau Đại hội Pari, phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ ở khắp các châu lục trên thế giới, thu hút hàng chục vạn người tham gia.

Đại hội II (Brúcxen, tháng 8-1891)

Đại hội Brúcxen chú ý nhiều đến việc xác định con đường đấu tranh vì quyền lợi hàng ngày của giai cấp công nhân, đồng thời nhấn mạnh nhu cầu kết hợp chặt chẽ cuộc đấu tranh vì quyền lợi trước mắt với cuộc đấu tranh cho mục tiêu cuối cùng của giai cấp công nhân. Nghị quyết của Đại hội chỉ rõ: “Đứng trên cơ sở các cuộc đấu tranh giai cấp và tin chắc rằng sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân không thể thực hiện được nếu không thủ tiêu sự thống trị giai cấp”. Nghị quyết kêu gọi công nhân toàn thế giới “hãy thống nhất những nỗ lực của mình chống lại sự thống trị của các đảng của bọn tư bản và ở những nơi công nhân có quyền chính trị thì hãy sử dụng các quyền đó để giải phóng mình khỏi chế độ nô lệ làm thuê”⁽¹⁾.

Đại hội cũng khẳng định bãi công là một trong những phương tiện quan trọng nhất và có hiệu quả nhất của cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân. Lần đầu tiên nhiệm vụ đấu tranh

⁽¹⁾ Sđd, tr.308-309.

chống chủ nghĩa quân phiệt và nguy cơ chiến tranh được đưa ra thảo luận rộng rãi tại diễn đàn của tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân.

Nhằm chống lại chiến tranh và âm mưu gây ra chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc, Đại hội đã chính thức ra nghị quyết vạch rõ mối liên hệ trực tiếp giữa chủ nghĩa quân phiệt với chủ nghĩa tư bản, chỉ rõ nguồn gốc sâu xa của nó và nhấn mạnh rằng chỉ có xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa mới thủ tiêu tận gốc nạn người bóc lột người, mới xoá bỏ được nguồn gốc chiến tranh, xoá bỏ được chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến.

Nghị quyết Đại hội Brúcxen đã đặc biệt nhấn mạnh rằng giai cấp vô sản phải sử dụng tất cả các phương tiện tuyên truyền và cổ động nhằm mục đích đòi thi hành những đạo luật về bảo hộ lao động đã được thông qua ở một số nước.

Đại hội III (Duyrich, tháng 8-1893)

Lần này, phái vô chính phủ lại tới dự Đại hội và ra tuyên bố cũng hoạt động chính trị. Phái vô chính phủ lấy việc ám sát vua Aléchxang II làm ví dụ và coi đó là hoạt động chính trị và đòi được tham gia Đại hội.

Những người mácxít buộc phải đề nghị ghi thêm vào nghị quyết lời bàn về tiêu chuẩn hoạt động chính trị. Nghị quyết Đại hội đã nêu rõ: Ám sát là hoạt động khủng bố cá nhân, không phải là hoạt động chính trị. Căn cứ vào điểm giải thích bổ sung, Đại hội không chấp nhận quyền đại biểu hợp pháp của phái vô chính phủ.

Đại hội Duyrich cũng ra lời kêu gọi giai cấp vô sản quốc tế hãy không ngừng và kiên quyết phản đối âm mưu gây chiến

tranh. Đại hội đề nghị rất cù thê đối với các nghị sĩ xã hội chủ nghĩa cần bỏ phiếu có nguyên tắc chống ngân sách chiến tranh, đòi giảm chi phí cho đội quân thường trực và xoá dần đội quân thường trực.

Trong khi đặt vấn đề đấu tranh nghị trường, Đại hội nhắc lại luận điểm có tính nguyên tắc của Mác là chỉ có hoạt động chính trị mới là phương tiện để đi đến giải phóng giai cấp vô sản. Giai cấp công nhân các nước phải chọn hình thức đấu tranh chính trị và kinh tế - xã hội để tập hợp lực lượng và phát triển phong trào.

Đại hội đã thảo luận về vấn đề công đoàn, hình thức hoạt động công đoàn và sự cần thiết phải tăng cường các mối liên hệ quốc tế của tổ chức này. Đại hội ra nghị quyết đặc biệt, kêu gọi thành lập ở tất cả các nước những liên hiệp công đoàn toàn quốc và đề nghị triệu tập các hội nghị quốc tế theo ngành.

Đại hội Duyrich đã thảo luận về việc kỷ niệm ngày 1-5. Các lãnh tụ Đảng Xã hội - Dân chủ Đức đã đồng ý với đại biểu công đoàn Anh đề nghị chuyển ngày hội hàng năm của công nhân vào ngày chủ nhật đầu tháng 5 để tránh được sự tổn thương mối quan hệ giữa chủ và thợ. Điều đáng phê phán hơn là một số lãnh tụ mácxít đã đồng ý sửa đổi bản dự thảo Nghị quyết "*Thủ tiêu sự phân biệt giai cấp bằng con đường cách mạng xã hội*", thay cách mạng xã hội bằng cải tạo xã hội. Thay thế hai chữ đó có nghĩa là chỉ hạn chế phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở phạm vi hợp pháp, đoạn tuyệt với phương pháp đấu tranh cách mạng.

Nghị quyết Đại hội Duyrich được bổ sung thêm việc xác định con đường đấu tranh vì các quyền lợi hàng ngày của giai

cấp công nhân với mục tiêu cuối cùng của giai cấp công nhân: giai cấp vô sản phải giành chính quyền và cần phải tổ chức giai cấp công nhân để đạt được “mục tiêu cách mạng của phong trào xã hội chủ nghĩa - triệt để cải tạo xã hội hiện tại về kinh tế, chính trị và đạo đức”⁽¹⁾.

Đại hội IV (Luân Đôn, tháng 7-1896)

Ở đại hội này, vấn đề thuộc địa lần đầu tiên được đề cập và đưa ra thảo luận. Các lãnh tụ của các đảng công nhân cho rằng cần lên án chính sách thuộc địa của chủ nghĩa tư bản vì bất cứ lý do nào, chủ nghĩa thực dân chỉ là nhằm mở rộng khu vực bóc lột tư bản, phục vụ lợi ích giai cấp tư sản.

Đại hội lên án bọn vô chính phủ và đuổi chúng ra khỏi Quốc tế II, đặt chúng ra ngoài hàng ngũ phong trào công nhân có tổ chức. Ăngghen tham gia Đại hội Luân Đôn, Người đã vạch trần bộ mặt thật của bọn vô chính phủ là kẻ phá hoại phong trào công nhân.

Đại hội Luân Đôn đã nêu ra vấn đề ruộng đất. Về vấn đề này, các lãnh tụ Quốc tế II đã có thái độ lập lò, thả nổi cho các đảng tự giải quyết. Điều đó có nghĩa là họ muốn né tránh đụng chạm tới quyền lợi của giai cấp tư sản và bọn địa chủ đang nắm quyền.

Vấn đề ruộng đất tuy còn được đề cập đến trong nhiều đại hội sau, song các lãnh tụ Quốc tế II không hiểu vấn đề nông dân có quan hệ mật thiết đến sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vì thế mà các đảng công nhân châu Âu không đưa ra được ý kiến nào rõ ràng về vấn đề ruộng đất.

⁽¹⁾ Sđd, tr.309.

Đại hội đã loại bỏ bọn vô chính phủ ra ngoài hàng ngũ công nhân có tổ chức nhưng lại để cho nhóm “Xã hội độc lập” Pháp, đứng đầu là Minroläng, tham dự Đại hội, mặc dù nhóm đó không đại diện cho Đảng Xã hội Pháp, cũng không đại diện cho tổ chức công đoàn nào. Đó là sự mở cửa cho bọn cơ hội để dàng chui vào hoạt động trong phong trào công nhân.

Nghị quyết Đại hội Luân Đôn chỉ rõ: Không giành được chính quyền và không xã hội hoá được tư liệu sản xuất thì giai cấp vô sản chỉ có thể làm giám bót sự bóc lột chứ không thủ tiêu được sự bóc lột. Nghị quyết còn nhấn mạnh rằng giai cấp vô sản phải sử dụng mọi phương tiện đấu tranh để thực hiện mục tiêu cuối cùng. Nghị quyết rất chú ý đến sách lược hoạt động tại nghị viện cũng như vấn đề khả năng và điều kiện thoả hiệp với các đảng tư sản. Song, nghị quyết không cho phép thoả hiệp phá hoại các nguyên tắc hoặc tính độc lập của các đảng xã hội chủ nghĩa và nhấn mạnh rằng phải có chính sách độc lập đối với tất cả các đảng tư sản.

Đại hội V (Pari, năm 1900)

Tại Đại hội Pari, vấn đề thuộc địa lại được đưa ra thảo luận và trở thành một trong những vấn đề chính của Đại hội. Trong bối cảnh đã xảy ra các cuộc chiến tranh đế quốc đầu tiên, Đại hội Pari năm 1900 đã có quyết nghị đúng đắn, lên án chính sách thuộc địa của các nước đế quốc, kêu gọi giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới đấu tranh chống lại những cuộc chiến tranh ăn cướp và kêu gọi thành lập các đảng xã hội chủ nghĩa ở các thuộc địa và thống nhất hành động với các đảng ấy.

Các lãnh tụ cơ hội - xét lại trong Quốc tế II đã tỏ ra rất gắn bó với quyền lợi của chủ nghĩa đế quốc. Họ đã công khai ủng hộ chính sách nô dịch dân tộc của chủ nghĩa đế quốc, chống lại nguyên tắc về quyền dân tộc tự quyết, về quyền đấu tranh vì độc lập tự do của các dân tộc bị áp bức.

Đại hội Pari năm 1990 đã thảo luận về vấn đề hòa bình, về chủ nghĩa quân phiệt, về lực lượng vũ trang thường trực... Đại hội nhất trí thông qua nghị quyết nêu rõ nguy cơ chiến tranh đã có tính chất thường xuyên, chiến tranh quân phiệt đã trở thành hình thức mới nhất trong đời sống chính trị thế giới. Sau khi nhắc lại những yêu sách trước đây như bãi bỏ đội quân thường trực, thành lập tòa án quốc tế, bản thân nhân dân trực tiếp giải quyết vấn đề chiến tranh và hòa bình. Nghị quyết kêu gọi những người xã hội chủ nghĩa hãy kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa quân phiệt và đẩy mạnh công tác giáo dục, tổ chức chống chủ nghĩa quân phiệt.

Đại hội năm 1900 đã thành lập Ban Chấp hành và Ban Thư ký với tính cách là Cục Quốc tế Xã hội chủ nghĩa. Được sự nhất trí của các đảng lớn nhất, Ban Chấp hành hoạt động chính thức vào năm 1901, đã ra tuyên bố và lời kêu gọi về nhiều vấn đề quốc tế, về việc ủng hộ phong trào công nhân của một số nước, chống tội ác của bọn phản động và bọn thực dân, về các cuộc biểu tình nhân dịp kỷ niệm ngày 1-5, chống chủ nghĩa quân phiệt v.v..

Về đấu tranh cho quyền lợi trước mắt của giai cấp công nhân, Đại hội Pari đòi được quy định bằng pháp luật ngày làm việc 8 giờ đối với tất cả các nghề ở tất cả các nước, đòi thông

qua đạo luật tiền công tối thiểu và bảo hộ đặc biệt cho lao động phụ nữ. Ở những nơi đã áp dụng ngày làm việc 8 giờ phải tiếp tục đấu tranh để rút ngắn ngày làm việc lại.

Nghị quyết nhấn mạnh rằng đảng xã hội chủ nghĩa và công đoàn cần tổ chức các cuộc đấu tranh chung về kinh tế và chính trị. Nghị quyết bắt buộc những người dân chủ - xã hội làm việc trong các cơ quan tự quản địa phương thì sử dụng các cơ quan đó để đấu tranh mở rộng các quyền tự do dân chủ và cải thiện đời sống người lao động. Tuy nhiên, nghị quyết không trực tiếp đề cập đến mối quan hệ giữa đấu tranh để cải thiện tình cảnh kinh tế - xã hội của công nhân với việc chuẩn bị cho quần chúng làm cách mạng. Đó là kẽ hở để bọn cơ hội xuyên tạc nghị quyết.

Đại hội Pari đã không thừa nhận và không cho phép đảng viên của giai cấp vô sản tham gia nội các tư sản và khẳng định việc giành chính quyền của giai cấp công nhân nhất định thiết lập nền chuyên chính vô sản.

Đại hội VI (Amstecđam, năm 1904)

Đại hội có sự tham dự của đại biểu của 25 nước và 45 tổ chức công nhân, trong đó có 3 nước ở châu Mỹ, 2 nước ở châu Á và 1 nước ở châu Đại Dương. Đại hội đã thảo luận những nguyên tắc quốc tế của sách lược xã hội chủ nghĩa.

Đây là vấn đề mà những người mácxít phải đấu tranh gay gắt với bọn cơ hội - xét lại. Bọn xét lại cho rằng không cần thiết phải đưa ra nguyên tắc đó.

Trong tiêu ban dự thảo nghị quyết Đại hội, những người dân chủ - xã hội đóng vai trò chủ đạo. Thay mặt Đảng Xã hội chủ nghĩa Pháp, Gheđơ đã trình bày bản dự thảo nghị quyết

mà cơ sở của nó là nghị quyết Đại hội Drexđen của Đảng Dân chủ - Xã hội Đức nhằm chống lại chủ nghĩa xét lại. Dự thảo nghị quyết lên án “những mưu toan của bọn xét lại chủ nghĩa nhằm thay đổi sách lược bách chiến bách thắng và đã được thử thách của chúng ta, dựa trên cơ sở đấu tranh giai cấp” biến các đảng dân chủ - xã hội từ chỗ là những đảng cách mạng thành đảng cài lương.

Bản dự thảo nghị quyết nói đến tính chất gay gắt của những mâu thuẫn giai cấp và nhấn mạnh rằng giai cấp công nhân cần phải giành lấy chính quyền. Các đảng công nhân phải bác bỏ “bất cứ biện pháp nào nhằm duy trì chính quyền của giai cấp thống trị” đồng thời phải ra sức giải thích cho quần chúng biết mục tiêu cuối cùng của đảng dân chủ - xã hội và “bảo vệ một cách kiên quyết lợi ích của giai cấp công nhân” chống chủ nghĩa quân phiệt, chủ nghĩa thực dân, chống mọi sự bóc lột.

Dự thảo nghị quyết được đa số ủy viên trong tiểu ban ủng hộ, còn bọn cơ hội, xét lại và các phần tử thoả hiệp chống lại kịch liệt. Cuối cùng, với đa số phiếu áp đảo, Đại hội đã thông qua được nghị quyết do Đảng Xã hội chủ nghĩa Pháp trình bày.

Đại hội Amxtecđam đã giải quyết được vấn đề bãi công chính trị của quần chúng về cơ bản theo lập trường mácxít và đưa ra một phương thức đấu tranh mới trong các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân.

Một lần nữa Đại hội Amxtecđam đã xác nhận nghị quyết về ngày 1-5 đã được thông qua trước đây dưới khẩu hiệu vì lợi ích của giai cấp vô sản. Đại hội cũng đã nêu những yêu sách đòi cải thiện tình cảnh kinh tế - xã hội của người lao động, cụ thể là vấn đề bảo hiểm xã hội.

Đại hội Amxtecđam đã thông qua nghị quyết gắn cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản nhằm giành chính quyền với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản nhằm giành quyền thống trị về chính trị và chỉ rõ, những người dân chủ - xã hội chỉ có thể thực hiện được xã hội hoá tư liệu sản xuất sau khi đã giành được chính quyền. Vì vậy, muốn chống lại các tổ chức độc quyền đang lũng đoạn, công nhân phải sử dụng lực lượng có tổ chức của mình với tính cách là phương tiện duy nhất để lật đổ chủ nghĩa tư bản.

Đại hội đã biểu thị sự phản đối của quốc tế chống chiến tranh, chống chủ nghĩa quân phiệt... bằng những cuộc biểu tình lớn phản đối cuộc chiến tranh Nga - Nhật.

Nghị quyết Đại hội đòi hỏi những người xã hội chủ nghĩa và công nhân phải thực sự là những người giữ vai trò chính trong việc giữ gìn hòa bình. Tất cả các nước phải dốc hết sức mình đấu tranh nhằm ngăn chặn mọi sự mở rộng chiến tranh.

Đại hội VII (Stútga, năm 1907)

Tại Đại hội Stútga, vấn đề thuộc địa trở thành vấn đề tranh luận sôi nổi nhất của Đại hội. Đây là đại hội đầu tiên của Quốc tế II mà Lênin tham dự.

Cuộc thảo luận ở Đại hội về vấn đề thuộc địa là một cuộc đấu tranh gay go quyết liệt giữa những người mácxít với bọn cơ hội - xét lại. Bởi vì bọn này đã ủng hộ công khai chính sách nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, đối lập với chủ nghĩa Mác về vấn đề thuộc địa. Chúng ra sức bênh vực cho chính sách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc coi đó là sự “*khai hóa*” cần thiết các nước lạc hậu, là sự “*bảo hộ của các dân tộc văn minh*” đối với “*các dân tộc không văn minh*”.

Lênin dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng Bônsêvich Nga, đã kiên quyết vạch trần bộ mặt xấu xa của bọn cơ hội - xét lại là những kẻ gieo rắc sự lừa dối về vai trò “*khai hoá*” của bọn tư bản, áp bức bóc lột hàng triệu nhân dân các nước thuộc địa. Cuối cùng, nghị quyết do Lenin và những người mácxít dự thảo được thông qua với 127 phiếu thuận và 108 phiếu chống.

Đại hội Stútga đã đấu tranh kiên quyết cho một nghị quyết đúng đắn về chủ nghĩa quân phiệt và chiến tranh đế quốc. Ở Đại hội đã có bốn bản dự thảo phản ánh những ý kiến phác tạp của Đại hội về vấn đề này. Đáng chú ý là bản dự thảo của Bében, đại biểu của Đảng Xã hội - Dân chủ Đức. Dự thảo nói rõ nguyên nhân của chiến tranh ở trong lòng xã hội tư bản, nguồn gốc đấu tranh là hậu quả của cuộc cạnh tranh thị trường thế giới, nô dịch các dân tộc. Chiến tranh chỉ bị loại trừ khỏi đời sống xã hội khi chủ nghĩa tư bản bị tiêu diệt. Bên cạnh những quan điểm đúng đắn, bản dự thảo này cũng có nhược điểm là chỉ nhấn mạnh biện pháp đấu tranh nghị trường.

Để khôi phục tinh lực lượng, những người xã hội - dân chủ cánh tả không đưa ra nghị quyết riêng mà ủng hộ dự thảo của Bében. Nhưng Lenin và lãnh tụ cánh tả trong Quốc tế II đã đề nghị sửa đổi một số điều trong bản dự thảo của Bében. Lenin đề nghị bỏ đoạn văn nói về chiến tranh tự vệ và tấn công, đồng thời bổ sung “nhiệm vụ của các đảng xã hội - dân chủ không chỉ là đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hay chấm dứt chiến tranh một cách nhanh chóng, mà còn sử dụng cuộc khủng hoảng do chiến tranh gây ra để làm cho giai cấp tư sản sụp đổ nhanh hơn”. Sau khi chấp nhận những đề nghị của Lenin, bản nghị quyết đã được Đại hội thông qua.

Đại hội VIII (Copenhaghen, tháng 8-1910)

Với những cuộc xâu xé nhau kịch liệt giữa các thế lực đế quốc để xâm chiếm thị trường, chiến tranh thế giới trở thành điều khó tránh khỏi. Đại hội Copenhaghen năm 1910 một lần nữa phân tích vấn đề đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh và chủ nghĩa quân phiệt. Ngoài việc khẳng định lại những luận điểm đã được thông qua ở Đại hội Stútga năm 1907, Nghị quyết Đại hội VIII còn nêu thêm nhiệm vụ phải kiên quyết chống ngân sách quân sự trong các nghị viện, đòi áp dụng chế độ trọng tài để xem xét các cuộc xung đột giữa các nước. Đại hội kêu gọi các đảng xã hội, các tổ chức công nhân các nước xuống đường biểu tình, đoàn kết chặt chẽ chống chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc.

Đa số lãnh tụ Quốc tế II bị ảnh hưởng lớn bởi chủ nghĩa cơ hội - xét lại đã không thi hành nghị quyết đúng đắn của Đại hội. Những người xã hội chủ nghĩa không hề tổ chức biểu tình đoàn kết khi cuộc chiến tranh giữa Italia và Thổ Nhĩ Kỳ nổ ra năm 1911-1912, cũng như khủng hoảng lần thứ hai về ván đế Marốc.

Trên thực tế, các đảng xã hội chủ nghĩa đã không thực hiện những nghị quyết đã được thông qua ở Đại hội Stútga và Copenhaghen.

Đại hội IX (Balo, năm 1912)

Trước nguy cơ chiến tranh thế giới đang đến gần, Quốc tế II đã triệu tập Đại hội bất thường ở Balo (Thụy Sĩ) năm 1912.

Mặc dù phần lớn các lãnh tụ Quốc tế II công khai ủng hộ chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, nhưng với sự kiên quyết đấu tranh của những người mácxít, Đại hội Balo đã ra

được bắn tuyên ngôn có tính chất lịch sử của phong trào công nhân quốc tế, kêu gọi công nhân các nước chống chiến tranh, đoàn kết chặt chẽ tạo nên sức mạnh chống chủ nghĩa đế quốc. Tuyên ngôn Balor đã cảnh cáo giai cấp tư sản rằng: “các chính phủ không được quên rằng trong tình hình hiện tại của châu Âu và sự giác ngộ của giai cấp công nhân, họ không thể nào gây ra chiến tranh mà lại không tạo nên mối nguy hiểm cho bản thân... Hãy nhớ rằng chiến tranh Pháp - Phổ 1870-1871 đã gây nên cuộc bùng nổ của Công xã, chiến tranh Nga - Nhật đã thức tỉnh phong trào cách mạng các lực lượng cách mạng nhân dân Nga”⁽¹⁾.

Tuyên ngôn Balor có ý nghĩa cách mạng. Nhưng đối với các lãnh tụ cơ hội thì đó chỉ là bản tuyên ngôn trên giấy, không cần thực hiện. Những lãnh tụ cơ hội - xét lại đã chiếm được ưu thế trong Quốc tế II và chúng đã biến Quốc tế này trở thành công cụ chia rẽ giai cấp công nhân quốc tế, phản bội lại sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân. Phong trào công nhân Anh, Đức năm 1912, phong trào công nhân Pháp 1907-1913 đều không nhận được sự ủng hộ của các đảng công nhân và đảng xã hội - dân chủ...

III. SỰ PHÁ SẢN CỦA QUỐC TẾ II

1. Sự bành trướng của chủ nghĩa cơ hội - xét lại trong Quốc tế II

Từ những nguồn gốc giai cấp và nguồn gốc xã hội cụ thể, chủ nghĩa cơ hội - xét lại đã xuất hiện trong phong trào công

⁽¹⁾ Lịch sử cận đại thế giới, NXB. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, quyển II, 1987.

nhân quốc tế. Trong những thập niên đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa cơ hội - xét lại đã tận dụng những điều kiện lịch sử mở cuộc tiến công vào chủ nghĩa Mác và phong trào cách mạng của giai cấp công nhân. Sau một thời gian hoạt động trong phong trào công nhân, một số phần tử cơ hội - xét lại đã trở thành lãnh tụ của phong trào. Trước bước ngoặt của lịch sử, những lãnh tụ này không những tự tách mình ra khỏi phong trào công nhân mà còn lái phong trào công nhân đi chệch quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Cuối thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phát triển trong điều kiện tương đối hòa bình, một số đảng công nhân thu được thắng lợi lớn trong các cuộc bầu cử nghị viện, đặc biệt là ở Đức và ở Pháp. Điều đó đưa đến sự ảo tưởng cơ hội chủ nghĩa đối với con đường nghị viện.

Một số lãnh tụ phong trào công nhân nhận thức mơ hồ về tự do, dân chủ tư sản, say sưa với thắng lợi của con đường nghị viện, lãng quên bản chất của cuộc đấu tranh giai cấp. Trong khi đó, đội ngũ giai cấp lại tiếp tục lún mạnh không ngừng, nhưng vấn đề về tổ chức và kỷ luật thì chưa được củng cố.

Đại hội Duyrich năm 1893, Đại hội Luân Đôn năm 1896 đã cho thấy, chủ nghĩa cơ hội đã gắn chặt quyền lợi của họ với giai cấp tư sản, vừa lẩn tránh sự đụng chạm quyền lợi với giai cấp tư sản, vừa không muốn thực hiện một cuộc cách mạng xã hội.

Sau khi Ăngghen qua đời, bọn cơ hội điên cuồng tiến công vào chủ nghĩa Mác và chiếm được ưu thế trong Quốc tế II. Bọn chúng đòi sửa đổi chủ nghĩa Mác về mọi mặt.

2. Quốc tế II bị phân liệt và phâ sán

Trước bước ngoặt của lịch sử, chủ nghĩa cơ hội - xét lại đã bộc lộ bản chất của nó. Chúng công khai phản bội lại sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản, tiếp tay cho chủ nghĩa tư bản bóc lột, nô dịch giai cấp công nhân.

Đầu thế kỷ XX, trung tâm cách mạng thế giới từ Đức chuyển sang Nga. Nước Nga đế quốc phong kiến quân chủ trở thành mắt xích yếu nhất của sợi dây chuyền đế quốc chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, giữa nông dân và địa chủ, đấu tranh chống áp bức dân tộc đều diễn ra đồng thời và rất quyết liệt.

Cách mạng dân chủ tư sản Nga năm 1905 do Đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo, đứng đầu là Lenin, đã có ảnh hưởng rất to lớn đối với phong trào cách mạng thế giới. Bởi vì những vấn đề cơ bản của cách mạng Nga đồng thời cũng là những vấn đề cơ bản của giai cấp vô sản thế giới. Đó là vấn đề bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản, vấn đề liên minh công nông, vấn đề cách mạng không ngừng từ cách mạng dân chủ tư sản tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Trước những vấn đề cơ bản của cách mạng của giai cấp công nhân, các lãnh tụ Quốc tế II bị phân chia ra làm ba phái: phái hữu, phái giữa và phái tả.

- *Phái hữu do Bécxanh đứng đầu phản đối tất cả những vấn đề cơ bản của cách mạng, phản đối mạnh mẽ quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng dân chủ tư sản và tư tưởng cách mạng không ngừng v.v..*

- *Phái giữa do Cauxky đứng đầu*, là đại biểu của chủ nghĩa cơ hội - xét lại giàu mặt luôn khoác áo mácxít để chống lại những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác. Đây chính là tư tưởng của những phần tử quý tộc tư sản nhằm tìm mọi biện pháp thoá hiệp quyền lợi của giai cấp vô sản với quyền lợi của giai cấp tư sản. Thực chất phái giữa là người bảo vệ giai cấp tư sản. Đây là kẻ thù rất nguy hiểm của phong trào công nhân, bởi vì tính chất không công khai và vỏ bọc mácxít của họ rất dễ lừa bịp quần chúng.

- *Phái tả là phái cách mạng triệt để*, do Lênin đứng đầu và có nhiều nhân vật nổi tiếng khác như Rôđa Lucxămbua, Claraxitkin... Phái này luôn luôn trung thành với chủ nghĩa Mác, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác vào điều kiện cụ thể của cách mạng mỗi nước, lên án chủ nghĩa cơ hội - xét lại trong và ngoài nước, đánh giá cao những bài học kinh nghiệm quý báu của quần chúng lao động sáng tạo trong cách mạng.

Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra đã bộc lộ bộ mặt phản bội của lãnh tụ cơ hội - xét lại trong Quốc tế II đối với phong trào công nhân. Họ đã làm cho Quốc tế II phá sản, phản bội sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản, công khai tiếp tay cho giai cấp tư sản phản động nắm quyền, xô đẩy giai cấp vô sản và nhân dân lao động các nước trên thế giới lao vào những cuộc chém giết lẫn nhau rất tàn bạo chỉ vì lợi ích của giai cấp tư sản.

Lãnh tụ Đảng Xã hội Đức và Pháp đều tán thành ngân sách chiến tranh. Công đảng Anh ủng hộ chiến tranh ăn cướp của đế quốc Anh. Những hành động phản bội của các lãnh tụ Quốc tế II đối với giai cấp công nhân đã làm cho Quốc tế II bị

phá sản hoàn toàn trên các phương diện tư tưởng, chính trị và tổ chức. Lênin lãnh đạo những người mácxít chân chính tách khỏi bọn cơ hội - xét lại, chuẩn bị thành lập những đảng cách mạng của giai cấp vô sản.

Đảng của giai cấp công nhân Nga được tôi luyện trong phong trào đấu tranh cách mạng, dưới sự lãnh đạo thiên tài của Lênin, đã vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác vào hoàn cảnh thực tế của nước Nga, thực hiện tốt khẩu hiệu “Biến chiến tranh để quốc thành nội chiến cách mạng”.

Sau thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga năm 1917, Lênin và Đảng Bônsêvích Nga đã dựa trên nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản đứng ra thành lập quốc tế mới - Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) tháng 3-1919. Sự nghiệp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế bước sang một thời kỳ mới.

Chương 5

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ TỪ SAU CÔNG XÃ PARI ĐẾN NĂM 1917

I. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

Sự thất bại của Công xã Pari không làm cho phong trào công nhân quốc tế lùi bước. Trái lại, chính khí thế cách mạng của Công xã Pari đã cỗ vũ phong trào công nhân quốc tế tiếp tục phát triển. Điều đó hoàn toàn xác nhận sự đánh giá lạc quan của C. Mác và Ph. Ăngghen về triển vọng đấu tranh của giai cấp công nhân toàn thế giới. Nửa đầu thập niên 70 của thế kỷ XIX, phong trào công nhân thế giới còn ở giai đoạn chuyển tiếp và đang trong quá trình lựa chọn những hình thức, phương pháp đấu tranh thích hợp với một thời kỳ mà tính chất căn bản đã thay đổi. Từ nửa sau thập niên 70 của thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, phong trào công nhân quốc tế mới thật sự trở thành phong trào rộng lớn ở nhiều nơi như châu Âu, châu Mỹ và các nước thuộc địa.

1. Phong trào công nhân châu Mỹ

Ở châu Mỹ, phong trào đấu tranh bãi công của công nhân nước Mỹ nổi lên như một điển hình. Cuộc đấu tranh bãi công của 40 nghìn công nhân thành phố Chicagô diễn ra ngày 1-5-1886 đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong phong trào công nhân thế

giới. Sau này, Đại hội thành lập Quốc tế II đã quyết định lấy ngày 1-5, ngày nô ra cuộc đấu tranh đẫm máu ấy làm ngày biểu dương lực lượng công nhân quốc tế hàng năm.

Đến những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, những cuộc bãi công của công nhân Mỹ luôn luôn có số lượng đứng hàng đầu thế giới. Nếu như năm 1896, số cuộc bãi công của công nhân Mỹ là 1.066 cuộc với 249 nghìn người tham gia thì công nhân Anh chỉ có 926 cuộc bãi công với 198 nghìn người. Nếu so sánh nước Mỹ với bất kỳ nước nào trên thế giới trong thời kỳ này cũng thấy số người tham gia bãi công của nước Mỹ là cao hơn cả. (*Xem bảng trang 89*).

Đấu tranh bãi công của công nhân châu Mỹ trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã mang nhiều ý nghĩa.

Thứ nhất, những cuộc bãi công với quy mô lớn, mặc dù chưa đem lại thắng lợi trực tiếp cho công nhân, nhưng với ánh hưởng của chúng, giai cấp tư sản và giới cầm quyền buộc phải áp dụng những biện pháp nhất định trong lĩnh vực luật pháp xã hội. Hầu hết các cuộc đấu tranh bãi công trong giai đoạn này đều lấy yêu sách ngày làm việc 8 giờ làm mục tiêu. Yêu sách đó không đơn thuần là kinh tế mà còn là biện pháp đánh thăng vào một trong những phương pháp bóc lột giá trị thặng dư của chủ nghĩa tư bản. Nhiều cuộc bãi công đã đạt được mục tiêu đó. Riêng ở nước Mỹ, đầu năm 1886, có 360 nghìn người tham gia bãi công đòi ngày làm 8 giờ thì 185 nghìn công nhân đã giành được thắng lợi, buộc bọn chủ tư bản phải thi hành yêu sách của công nhân. Thắng lợi của phong trào bãi công của công nhân châu Mỹ đã phát triển rộng lớn đến mức “pháp luật trong các nước đó cũng không ngăn cấm bãi công”⁽¹⁾ nữa.

⁽¹⁾ V.I. Lenin: *Toàn tập*, sđd, t.4, tr.369.

Nước	Năm 1896		Năm 1899		Năm 1900		Năm 1902		Năm 1903		Năm 1904	
	Số cuộc bãi công	Số người tham gia bãi công (nghìn người)	Số tham gia cuộc bãi công (nghìn người)	Số người tham gia cuộc bãi công (nghìn người)	Số tham gia cuộc bãi công (nghìn người)	Số người tham gia cuộc bãi công (nghìn người)	Số tham gia cuộc bãi công (nghìn người)	Số tham gia cuộc bãi công (nghìn người)	Số tham gia cuộc bãi công (nghìn người)	Số tham gia cuộc bãi công (nghìn người)	Số tham gia cuộc bãi công (nghìn người)	
Anh	926	198	719	180	648	188	442	256	387	177	355	87
Đức	483	128	1311	116	1468	141	1106	70	1144	135	1190	145
Pháp	476	50	744	177	903	222	512	212	571	124	1028	271
Bỉ	139	23	104	58	146	32	73	10	70	7	81	12
Nga	118	29	719	180	648	188	442	256	387	117	355	87
Ao	305	69	311	60	303	113	264	44	324	51	414	73
Italia	211	96	268	45	410	93	1031	344	596	131	838	213
Mỹ	1066	249	1838	431	1839	567	3240	691	3648	788	2419	573

Thứ hai, đấu tranh bãi công thực sự là trường học giáo dục tinh thần đoàn kết của giai cấp công nhân châu Mỹ. Hầu hết những cuộc bãi công tương đối lớn đều được sự hưởng ứng rộng rãi của công nhân trong và ngoài nước. Công nhân không chỉ bày tỏ sự đồng tình ủng hộ về mặt tinh thần, mà trong nhiều trường hợp, những người bãi công còn có thể dựa vào sự giúp đỡ vật chất của những người anh em cùng giai cấp ở nước ngoài. Báo chí của công nhân thường là người tổ chức quyên góp tiền cho quỹ bãi công, thuật lại quá trình diễn biến, giải thích bản chất và nhiệm vụ của từng cuộc bãi công, tuyên truyền tinh thần đoàn kết của giai cấp công nhân quốc tế.

Đấu tranh bãi công của công nhân châu Mỹ còn có ý nghĩa quan trọng là nâng cao tính tổ chức của giai cấp công nhân.

2. Phong trào công nhân châu Âu

Trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân châu Âu diễn ra rộng khắp với nhiều hình thức khác nhau ở Đức, Anh, Pháp, Nga v.v.. Phong trào công nhân Đức đã sáng tạo ra một hình thức đấu tranh mới, đó là đấu tranh nghị trường, đấu tranh hợp pháp.

Cơ sở để định ra phương pháp đấu tranh nghị trường: *Thứ nhất*, do “những thiết chế nhà nước - trong đó được tổ chức sự thống trị của giai cấp tư sản - còn mang lại những khả năng sử dụng mới, khiến giai cấp công nhân có thể đấu tranh chống lại chính ngay những thiết chế nhà nước ấy”⁽¹⁾. *Thứ hai*, theo C. Mác và Ph. Ăngghen, những điều kiện để có thể đảm bảo

⁽¹⁾ C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.1995, t.22, tr.769.

cho thắng lợi của những cuộc khởi nghĩa như thời kỳ từ năm 1848 trở về trước đã không còn nữa. Thứ ba, bằng vận động bầu cử, đưa ứng cử viên công nhân vào nghị viện tư sản cho phép phong trào công nhân có thể thu hút được hàng triệu quần chúng công nhân hợp thành “đội xung kích có tính chất quyết định của đạo quân vô sản quốc tế”⁽¹⁾. Thứ tư, để cho giai cấp công nhân có thêm một “trận địa” đấu tranh mới, phối hợp chặt chẽ với cuộc đấu tranh rộng lớn của công nhân. Thứ năm, trong hoàn cảnh cụ thể những năm 70, 80, 90 của thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, việc dùng “những biện pháp hợp pháp tốt hơn là dùng những thủ đoạn bất hợp pháp và sự lật đổ”⁽²⁾.

Chế độ đầu phiếu phổ thông thực ra đã có từ lâu ở các nước tư bản chủ nghĩa, nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau nên trước đây giai cấp công nhân chưa lợi dụng để tạo cho mình một phương thức đấu tranh mới. Giai cấp công nhân Đức là người đầu tiên sáng tạo ra hình thức đấu tranh hợp pháp đó. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã tuyên bố rằng, một trong những nhiệm vụ đầu tiên, quan trọng nhất của giai cấp công nhân là phải giành cho được quyền dân chủ. Năm vũng tinh thần của *Tuyên ngôn*, khi Bixmác buộc phải ban hành quyền đầu phiếu phổ thông thì “công nhân Đức đã lập tức coi việc đó là nghiêm túc và đã bầu Auguxto Bêben vào Quốc hội lập hiến thứ nhất”⁽³⁾. Chính việc làm này của công nhân Đức đã mở ra một hình thức đấu tranh mới “được lấy làm mẫu mực cho công nhân tất cả các nước”⁽⁴⁾.

(1), (2) C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, sđd, t.22, tr.777, 779.

(3), (4) C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, sđd, t.22, tr.767.

Sau khi phương pháp đấu tranh đó được công nhân Đức phát minh ra, thì hầu hết các nước có phong trào công nhân “càng ngày người ta càng hiểu rõ rằng cần phải xét lại sách lược cũ. Đâu đâu người ta cũng theo gương công nhân Đức là lợi dụng quyền bầu cử, giành lấy tất cả những vị trí mà chúng ta có thể giành được”⁽¹⁾. Ngay như ở Pháp, nơi so với Đức còn thuận lợi hơn để tổ chức một cuộc khởi nghĩa, thì Đảng công nhân cũng coi công tác tuyên truyền và hoạt động nghị trường là một nhiệm vụ trước mắt của họ. Điều này biểu hiện rõ nhất ở Bi. Ở đây, yêu sách đòi quyền phổ thông đầu phiếu được nêu lên ngay từ nửa sau thập niên 80. Tháng 5-1891, 10 vạn thợ mỏ đã đấu tranh đòi thi hành quyền phổ thông đầu phiếu. Cuộc đấu tranh của họ đã làm tê liệt toàn bộ ngành công nghiệp than ở Bi. Hai năm sau, sau khi nghị viện bác bỏ đề nghị thi hành quyền phổ thông đầu phiếu, công nhân Bi đã tổng bãi công. Một tuần lễ sau khi cuộc bãi công bắt đầu, nghị viện phải thông qua đạo luật áp dụng quyền phổ thông đầu phiếu với nam giới. Thắng lợi này của công nhân Bi đã chứng tỏ rằng bãi công chính trị quy mô lớn có thể trở thành một thứ vũ khí mạnh mẽ của giai cấp công nhân đang đấu tranh.

Khác với công nhân Đức, Pháp, Bi, phong trào đấu tranh của công nhân Nga phát triển với mức độ mạnh hơn. Trong những năm cuối thế kỷ XIX, phong trào công nhân Nga đã phát triển mạnh về số lượng và tổ chức.

Năm 1861, chế độ nông nô bị thủ tiêu, chủ nghĩa tư bản công nghiệp ở Nga phát triển khá nhanh. Trong khoảng 25

⁽¹⁾ C. Mác và Ăngghen: *Toàn tập*, sđd, t.22, tr.775.

năm, từ năm 1865 đến năm 1890, công nhân ở các công xưởng và các đường xe lửa từ 706 nghìn người tăng lên đến 1.433 triệu người. Họ là giai cấp công nhân công nghiệp hiện đại, hoàn toàn khác với công nhân các ngành tiểu thủ công trước đó. Vào những năm 70 và nhất là những năm 80 của thế kỷ XIX, giai cấp công nhân Nga bắt đầu thức tỉnh và đấu tranh chống bọn tư bản. Nhiều công nhân tiên tiến đã hiểu rằng muôn đấu tranh có hiệu quả cần phải có tổ chức. Do vậy, năm 1875, ở Ôđexa, Hội Liên hiệp công nhân miền Nam nước Nga thành lập; năm 1878, ở Pêtécbua, Hội Công nhân miền Bắc nước Nga ra đời.

Qua nhiều cuộc bãi công, công nhân Nga đã hiểu rằng, nếu có tổ chức thì có thể giành thắng lợi nhiều hơn. Plêkhanôp là người tổ chức nhóm mácxít đầu tiên vào năm 1883. Tổ chức mácxít này lấy tên là Nhóm Giải phóng lao động và được thành lập ở nước ngoài. Trước kia, bản thân Plêkhanôp cũng ở trong phái Dân túy, một phái thù địch với chủ nghĩa Mác. Nhưng đến khi ra nước ngoài và tiếp xúc với chủ nghĩa Mác, ông đã đoạn tuyệt với phái Dân túy và trở thành một nhà tuyên truyền xuất sắc cho chủ nghĩa Mác. Nhóm Giải phóng lao động Nga đã dịch nhiều tác phẩm của C. Mác và Ph. Ăngghen ra tiếng Nga, như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*; *Lao động, làm thuê và tư bản*; *Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học* v.v. rồi bí mật phát hành vào nước Nga. Chính Plêkhanôp và những hội viên khác trong nhóm đã viết nhiều bài giải thích về học thuyết của C. Mác và Ph. Ăngghen, giải thích tư tưởng chủ nghĩa cộng sản khoa học. Plêkhanôp

bệnh vực học thuyết của Mác và cho rằng học thuyết ấy hoàn toàn có thể áp dụng vào nước Nga.

Đầu thế kỷ XX, giai cấp công nhân Nga đã trực tiếp tham gia cuộc cách mạng 1905-1907. Ngày 9 tháng Giêng năm 1905, hơn 140 nghìn công nhân Pêtécbua biểu tình tiến đến Cung điện Mùa Đông. Họ đến gặp Nga Hoàng và gửi những yêu sách về tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do lập hội của cộng nhân, triệu tập một hội nghị lập hiến để thay đổi chế độ chính trị ở Nga. Công nhân còn đòi quyền bình đẳng trước pháp luật, tách nhà thờ khỏi bộ máy nhà nước, ngừng chiến, thi hành luật làm việc 8 giờ một ngày, giao ruộng đất cho nông dân v.v.. Nga Hoàng ra lệnh bắn vào những công nhân đi biểu tình không có vũ khí làm cho 1.000 người chết và 2.000 người bị thương. Máu công nhân đỏ khắp đường phố Pêtécbua. Công nhân đã hiểu rằng, chỉ có đấu tranh mới có thể giành được quyền sống của mình. Ngay chiều ngày 9 tháng Giêng, những chướng ngại vật được dựng lên ở các khu phố công nhân. Họ bảo nhau “nhà vua đã đánh chúng ta, chúng ta phải đánh trả lại”.

Toàn thể giai cấp công nhân và nhân dân cả nước Nga căm phẫn trước tội ác đẫm máu của Nga Hoàng. Khắp nơi công nhân bãi công để phản đối và đưa ra những yêu sách chính trị. Chỉ trong tháng Giêng, số công nhân bãi công đã lên tới con số khổng lồ là 440 nghìn người, nhiều hơn cả số người tham gia bãi công của mươi năm trước đó. Mùa thu năm 1905, cách mạng lan ra khắp cả nước. Tuy nhiên, từ năm 1906 đến năm 1907, phong trào cách mạng vừa phải chiến đấu vừa phải rút lui.

Tác phẩm *Hai sách lược của Đảng Dân chủ Xã hội trong cách mạng dân chủ* của V.I. Lê-nin đã tổng kết về cách mạng

quân sự phản cách mạng, với mục đích phục hồi chế độ quân chủ ở Nga. Vì vậy, lúc này giai cấp công nhân Nga chỉ có thể giành chính quyền bằng con đường khởi nghĩa vũ trang. Lenin và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Bônsêvich bắt tay ngay vào công việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động Nga đã giành thắng lợi trong cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười năm 1917.

3. Phong trào công nhân ở các nước thuộc địa

Cuối thế kỷ XIX, các nước thuộc địa và phụ thuộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh đã rơi vào quỹ đạo của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới, bị quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa chi phối. Sự kiện ấy đã gây biến động lớn về mặt cơ cấu xã hội, cơ cấu giai cấp ở các nước thuộc địa. Do đó cơ cấu giai cấp công nhân ở các nước này mang những nét đặc thù, khác xa với cơ cấu giai cấp công nhân các nước tư bản phát triển.

Ngay khi mới ra đời, giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa và phụ thuộc đã tham gia vào cuộc đấu tranh dân tộc, mặc dù ngọn cờ lãnh đạo lúc đó về cơ bản nằm trong tay giai cấp tư sản bản xứ, hoặc các sĩ phu phong kiến. Bất kỳ ở đâu, hễ cách mạng bùng nổ, họ đều cùng với giai cấp nông dân đi đầu và là động lực của cách mạng. Chính trong quá trình tiến hành các cuộc bãi công cũng như sử dụng các hình thức đấu tranh khác, giai cấp công nhân các nước thuộc địa đã xây dựng được tình đoàn kết giai cấp, tiến tới bước đầu thành lập các tổ chức của mình. Thoạt đầu có các hình thức tổ chức hội tương tế, hội ái hữu, phường hội, hội đồng hương, sau đó đã tổ chức ra công

đoàn, có nơi lập ra đảng với danh nghĩa là tổ chức chính trị của những người công nhân.

Đầu thế kỷ XX, nhất là khi cuộc cách mạng năm 1905 ở Nga nổ ra, phong trào công nhân các nước thuộc địa và phụ thuộc đã có một bước tiến mạnh mẽ. Nhiều nơi, giai cấp công nhân đang vươn tới tự khẳng định mình là một lực lượng chính trị độc lập.

Ở Mỹ Latinh, đầu thế kỷ XIX, nhiều quốc gia giành được độc lập về chính trị. Sự kiện đó là một tiền đề cực kỳ quan trọng để các nước Mỹ Latinh phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Mặt khác, gắn liền với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân ở các nước này đã xuất hiện và lớn lên nhanh hơn so với giai cấp công nhân châu Á và châu Phi. Cuối thế kỷ XIX, lực lượng công nhân Mỹ Latinh có khoảng 600 nghìn người, nếu cộng với công nhân đồn điền, vận tải thì lực lượng công nhân lên tới 2 triệu người. Đầu thập niên 70 của thế kỷ XIX, ở Mỹ Latinh chưa có nước nào thành lập được tổ chức chính trị độc lập của giai cấp công nhân. Đến cuối thập niên 70 của thế kỷ XIX, phong trào công nhân các nước Mỹ Latinh phát triển khá mạnh mẽ. Làn sóng những người di cư từ châu Âu sang, có những kiều dân Pháp, Italia, Tây Ban Nha, Đức... đã tùng hoạt động trong Quốc tế I, đã thành lập những phân bộ ở Argentina, Braxin, Mêhicô góp phần thúc đẩy phong trào phát triển sôi động hơn. Sau khi Công xã Pari thất bại, những chiến sĩ của Công xã sang đây lánh nạn, chính họ là người đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác trong công nhân. Ở Braxin, tên tuổi của C. Mác đã trở thành quen thuộc và nổi

tiếng. Cuốn *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đã được dịch sang tiếng Tây Ban Nha và được lưu hành khá rộng rãi.

Tuy nhiên, phong trào công nhân ở Mỹ Latinh cũng gặp không ít khó khăn vì trong nội bộ vẫn còn bọn bè phái, bọn vô chính phủ phá hoại nghiêm trọng ở nhiều nơi.

Mãi đến đầu thế kỷ XX, phong trào công nhân ở Mỹ Latinh mới tách khỏi phong trào dân chủ nói chung và bước đầu đi vào tổ chức, tiếp thu một cách sáng tạo những kinh nghiệm của cách mạng thế giới. Nhưng nhìn chung công nhân ở đây vẫn chưa đủ khả năng lãnh đạo nhân dân trong cuộc đấu tranh chống bọn tư bản nước ngoài và bọn thống trị bản xứ, giành quyền độc lập về chính trị, giành dân chủ và tiến bộ xã hội.

Ở châu Á, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, giai cấp công nhân công xưởng đã hình thành trong các nước thuộc địa. Nhưng bên cạnh đó là cả một lực lượng đồng đảo lao động làm thuê ở các xưởng và công trường thù công mà lối sống của họ có phần gần gũi những người thợ thủ công hơn là với giai cấp công nhân.

Mặc dù số lượng còn ít ỏi, nhưng giai cấp công nhân công nghiệp ở châu Á đã tập trung tương đối cao theo khu vực địa lý cũng như ngành nghề sản xuất. Nhờ đó đã có điều kiện cho giai cấp công nhân sử dụng các hình thức đấu tranh có hiệu quả. Trong quá trình đấu tranh, giai cấp công nhân đã bước đầu sáng tạo ra những hình thức tổ chức của mình. Ở thời kỳ đầu, các tổ chức công nhân này sinh trên cơ sở tôn giáo, dân tộc, đẳng cấp, quê hương hoặc cùng phường hội thủ công cũ. Sự xuất hiện các hội đó là những nấc thang cần thiết để đi tới thành lập các tổ chức công nhân từ hình thức thấp đến hình thức cao.

Ở châu Phi, cuối thế kỷ XIX, nhiều nước đang ở trong các giai đoạn khác nhau của quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa. Do chính sách thuộc địa của thực dân châu Âu nên quá trình hình thành giai cấp công nhân diễn ra nhanh chóng hơn quá trình hình thành giai cấp tư sản dân tộc, bởi vì nền công nghiệp mới được xây dựng đều nằm trong tay bọn tư bản nước ngoài.

Quá trình hình thành giai cấp công nhân ở các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh đã diễn ra khá quanh co và phức tạp. Nó phát triển không đồng đều, mỗi khu vực lại có những đặc điểm riêng biệt, làm cho cơ cấu cũng không giống nhau, sự phát triển cũng hoàn toàn khác nhau.

II. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐẢNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Ở châu Âu

Đảng công nhân ra đời sớm nhất là Đảng Xã hội - Dân chủ Đức, thành lập năm 1875, do hợp nhất giữa Đảng Công nhân Xã hội - Dân chủ và Tổng Công hội Đức. Sau hai năm, kể từ lúc thành lập, Đảng đã có uy tín lớn trong công nhân và nhân dân lao động Đức. Lần bầu cử Quốc hội năm 1877, Đảng đã có gần nửa triệu cử tri và chiếm được 13 ghế trong Quốc hội. Cuối năm 1877, Đảng và các công đoàn quan hệ với Đảng đã có tới 60 tờ báo và tạp chí. Theo Ph. Ăngghen, mặc dù một số người lãnh đạo của Đảng còn phạm sai lầm, nhưng với sự ra đời và uy tín ấy, Đảng và giai cấp vô sản Đức hoàn toàn xứng đáng với vai trò lãnh đạo của họ.

Chính quyền Đức rất lo sợ trước uy tín ngày càng tăng của

Đảng Xã hội - Dân chủ Đức. Năm 1878, Bixmác đã ban hành *đạo luật đặc biệt* nhằm chống lại Đảng và các công đoàn có quan hệ với Đảng. Từ đó, những phần tử “tả” và “hữu” xuất hiện trong Đảng. Chính trong thế đối phó với sự tiến công của Bixmác mà Đảng sáng tạo ra được một phương thức đấu tranh mới và đã giành được nhiều thắng lợi. Cuộc bầu cử Quốc hội năm 1890, Đảng thu được 1,427 triệu phiếu bầu. Mười năm sau đó, phiếu bầu cho Đảng Xã hội - Dân chủ đã lên trên hai triệu.

Phương thức hoạt động kết hợp bí mật và công khai là một đóng góp quý báu của Đảng Xã hội - Dân chủ Đức và có ý nghĩa đối với những đảng còn phải hoạt động bí mật, bất hợp pháp.

Ở Hungari, năm 1878 đã thành lập đảng của giai cấp công nhân, lấy tên là *Đảng của những người không có quyền bầu cử*. Đảng công nhân Hungari tuyên bố mục tiêu chính thức của Đảng là đòi thực hiện quyền phổ thông đầu phiếu. Người sáng lập và lãnh đạo chủ chốt của Đảng là Lêô Phrăngken, nhà hoạt động tích cực của Quốc tế I, người chiến sĩ của Công xã Pari và là bạn của C. Mác và Ph. Ăngghen.

Đảng Công nhân Pháp thành lập năm 1879. Ngay từ đầu, Đảng đã đứng trên lập trường xã hội chủ nghĩa. Đảng chủ trương quốc hữu hóa tư liệu sản xuất và chủ trương công nhân phải tiến hành đấu tranh chính trị. Cuối năm 1879, Đại hội của Đảng đã thông qua cương lĩnh, căn bản theo tinh thần mácxít. Nhưng ít lâu sau, trong Đảng xuất hiện một bộ phận theo chủ nghĩa cải lương và Đảng đã bị phân hóa. Những người trung thành với cương lĩnh mácxít đã không dự đại hội Xanh Échiên, mà tiến hành tổ chức đại hội riêng ở Ruăng. Đại hội Ruăng trở

thành cái mốc quan trọng trong sự phát triển của Đảng Công nhân Pháp. Tuy nhiên, Đảng Công nhân Pháp lúc đó còn phân tán, ít liên hệ với giai cấp công nhân.

Nửa sau những năm 80 của thế kỷ XIX, do tích cực đấu tranh bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân, nên Đảng Công nhân Pháp đã có ảnh hưởng nhiều trong giai cấp công nhân. Năm 1889, trong cuộc bầu cử Quốc hội, Đảng Công nhân Pháp đã thu được 10 vạn phiếu và năm 1897, thu được 80 vạn phiếu. Đảng Công nhân Pháp là đảng mạnh nhất trong các đảng xuất hiện ở Pháp vào những năm 90 của thế kỷ XIX.

Đảng Công nhân Xã hội - Dân chủ Áo thành lập năm 1889 là kết quả của một quá trình mấy chục năm đấu tranh sàng lọc những tư tưởng cải lương, cơ hội trong phong trào xã hội chủ nghĩa Áo. Vừa mới thành lập, Đảng đã đẩy mạnh cuộc đấu tranh đòi quyền phổ thông đầu phiếu. Năm 1896, Đảng đã thu được thắng lợi bước đầu trong cuộc bầu cử Quốc hội. Dưới sự lãnh đạo của những người xã hội chủ nghĩa, những năm 90 ở Áo đã nổ ra nhiều cuộc bãi công lớn.

Năm 1893, trên cơ sở một số tổ chức công nhân, ở Anh đã hình thành Đảng Công nhân độc lập. Đảng cũng tuyên bố mục đích xã hội chủ nghĩa nhưng còn mơ hồ. Vì thế, không bao lâu Đảng Công nhân độc lập đã ngả sang lập trường cải lương chủ nghĩa. Đảng này có ưu điểm là đã hoạt động trong các tổ chức công đoàn của công nhân.

Ngoài các đảng đã nói trên đây, một loạt đảng khác cũng đã ra đời:

Đảng Xã hội chủ nghĩa Bồ Đào Nha (năm 1875);

Đảng Cộng nhân xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha (năm 1879);

Đảng Cộng nhân Bí (năm 1885);

Đảng Cộng nhân Na Uy (năm 1887);

Nhóm Giải phóng lao động Nga (năm 1883);

Đảng Xã hội chủ nghĩa Thụy Sĩ (năm 1888);

Đảng Xã hội - Dân chủ Đan Mạch (cuối những năm 80);

Đảng Xã hội chủ nghĩa Bungari (năm 1891);

Đảng Lao động Italia, sau đổi tên là Đảng Xã hội - Dân chủ Italia (năm 1892);

Đảng Xã hội chủ nghĩa Vương quốc Ba Lan (năm 1893);

Đảng Công nhân xã hội chủ nghĩa Rumani (năm 1893);

Đảng Công nhân xã hội chủ nghĩa Hà Lan (năm 1894);

Đảng Xã hội chủ nghĩa Nam Tư (năm 1896).

Đầu thế kỷ XX, ở châu Âu mới xuất hiện một tổ chức đảng điển hình của giai cấp công nhân, đó là đảng kiểu mới của giai cấp công nhân Nga.

Trong quá trình tuyên truyền chủ nghĩa Mác và đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội ở nước Nga cũng như trên thế giới, V.I. Lê nin luôn luôn hướng tới thành lập một chính đảng cách mạng của giai cấp công nhân.

Ngay từ năm 1894, trong tác phẩm *Những người bạn dân*, V.I. Lê nin đã đặt ra cho những người xã hội chủ nghĩa nhiệm vụ phải giúp đỡ công nhân tạo ra một tổ chức mang tính chất là một lực lượng chính trị. Sau đó bốn năm, *Đại hội I* của Đảng Cộng nhân Dân chủ - Xã hội Nga được triệu tập để cùng cố xu hướng đoàn kết những người dân chủ - xã hội Nga trên lập trường chủ nghĩa Mác và biến họ thành đội tiên phong của

giai cấp công nhân. Nhưng sau Đại hội, họ đã biến thành một nhóm ô hợp của những tổ chức đảng địa phương, vì họ chưa có điều lệ, cương lĩnh và không có sự lãnh đạo từ một trung tâm. Trong Đảng Công nhân Dân chủ - Xã hội Nga, khuynh hướng của phái kinh tế và chủ nghĩa Bécxanh chiếm ưu thế, nó đã đưa công nhân nước Nga đến những cuộc đấu tranh ròng rạc và hy sinh vô ích.

Cuối năm 1899, tuy còn bị tù đày, nhưng Lênin vạch ra kế hoạch đầy mạnh mẽ đấu tranh nhằm biến Đảng Công nhân Dân chủ - Xã hội Nga thành một đảng chiến đấu của giai cấp công nhân hoạt động dựa trên những nguyên lý của chủ nghĩa Mác. V.I. Lênin nhấn mạnh rằng, nếu không cải tiến tổ chức thì phong trào công nhân Nga không thể tiến lên được. Điểm trung tâm của công tác cải tiến tổ chức là phải xây dựng một cơ quan ngôn luận của Đảng, có sự liên hệ đều đặn với các địa phương để khắc phục cách làm việc “thủ công” và “phân tán” của Đảng. Nhưng chỉ có cơ quan ngôn luận do các nhà mácxít tổ chức ra cũng chưa thể bảo đảm được sự thống nhất về mặt tư tưởng mà còn phải có cương lĩnh của những người công nhân dân chủ - xã hội Nga. Vì thế, Lênin đã viết *Dự thảo Cương lĩnh của Đảng*, nhằm khôi phục sự thống nhất thật sự trong Đảng, xác định đúng đắn nhiệm vụ chính trị và những yêu sách cần thiết để thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng. Cùng với việc *Dự thảo Cương lĩnh của Đảng*, Lênin còn viết một loạt tác phẩm phê phán phái kinh tế, chủ nghĩa Bécxanh và hướng dẫn phong trào công nhân đi tới con đường đấu tranh chính trị.

Cuối tháng Giêng năm 1900, vừa ra khỏi nhà tù, V.I. Lênin liền bắt tay vào việc tổ chức một tờ báo mang tên là

Tia lửa. Thông qua báo *Tia lửa*, V.I. Lê nin đã kiên trì tuyên truyền cương lĩnh của Đảng và giáo dục công nhân đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội để tạo ra một sự thống nhất tư tưởng vững chắc trong những người dân chủ - xã hội Nga.

Trong ba năm hoạt động, báo *Tia lửa* đã đặt ra và giải đáp những vấn đề nóng hỏi của đời sống chính trị - xã hội, hướng ứng những sự kiện liên quan đến lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân và những người lao động Nga. Tiếng vang lớn nhất của báo *Tia lửa* là đã giới thiệu tác phẩm *Làm gì?* của V.I. Lê nin. Chính tác phẩm *Làm gì?* đã là người dẫn đường trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và những người lao động Nga, nhanh chóng đoàn kết Đảng Công nhân Dân chủ - Xã hội Nga trên lập trường chủ nghĩa Mác. Những nguyên lý về xây dựng Đảng đã được V.I. Lê nin nêu ra trong tác phẩm này, đặc biệt là về phương tiện tư tưởng và tổ chức. V.I. Lê nin cho rằng: "Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng"⁽¹⁾ và "chỉ đảng nào được một lý luận tiền phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiền phong"⁽²⁾.

Những nguyên lý nêu trên được V.I. Lê nin rút ra từ sự phân tích sâu sắc phong trào dân chủ - xã hội Nga cũng như việc nghiên cứu kinh nghiệm phong trào công nhân quốc tế. Theo Lê nin, chỉ có nắm vững những nguyên lý đó, kiên trì giữ vững hệ tư tưởng của giai cấp công nhân thì Đảng mácxít ở Nga mới có được cương lĩnh và những khẩu hiệu đấu tranh thực tế. Nếu không làm như thế, Đảng sẽ đi theo phong trào

^{(1), (2)} V.I. Lê nin: *Toàn tập*. Nxb. Tiền bộ, M. 1975, t.6, tr.30, 32.

công nhân tự phát mà “*mọi sự sùng bái tính tự phát của phong trào công nhân, mọi việc coi nhẹ vai trò của “yếu tố tự giác”, coi nhẹ vai trò của đảng dân chủ - xã hội, thì đều có nghĩa - dù người ta muốn hay không muốn - là tăng cường ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản đối với công nhân*”⁽¹⁾. Tác phẩm *Làm gì?* còn nêu ra nguyên tắc chủ đạo của đảng công nhân kiêu mới là tập trung dân chủ. Đó là nguyên tắc chỉ rõ Đảng không thể hoạt động được nếu không có sự lãnh đạo vững vàng, đầy năng lực chiến đấu và sự phối hợp hành động chặt chẽ của tất cả các bộ phận hợp thành của Đảng.

Chính nhờ có tác phẩm *Làm gì?* và kế hoạch của V.I. Lê nin về việc thành lập một đảng kiêu mới mà hầu hết các đảng bộ từ Mátxcova, Oriôn đến Pêtécbua đã đoàn kết chung quanh Ban Biên tập báo *Tia lửa* và sẵn sàng đi tới xây dựng chính đảng cách mạng.

Sau hơn ba năm chuẩn bị, tháng 7-1903, *Đại hội của Đảng Công nhân Dân chủ - Xã hội Nga* đã tiến hành tại Brúcxen để thành lập đảng công nhân. Đại hội đã thông qua được *Cương lĩnh, Điều lệ* và bầu ra các cơ quan Trung ương của Đảng. Đến đây, Đảng công nhân kiêu mới của giai cấp công nhân Nga mới thật sự ra đời.

Đại hội II của Đảng Công nhân Dân chủ - Xã hội Nga có ý nghĩa lịch sử lớn lao vì Đại hội đã hoàn thành quá trình thống nhất các tổ chức mácxít cách mạng và lập nên đảng của giai cấp công nhân Nga trên cơ sở những nguyên tắc tổ chức và chính trị, tư tưởng do V.I. Lê nin vạch ra. Đó là một đảng có

⁽¹⁾ V.I. Lê nin: *Toàn tập*, sđd, t.6, tr.48.

nhiệm vụ giải đáp những vấn đề chưa bao giờ được đặt ra cho bất cứ đảng xã hội chủ nghĩa nào trên thế giới. Đại hội II của Đảng Công nhân Dân chủ - Xã hội Nga thực tế đã trở thành Đại hội sáng lập chính đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, một đảng có khả năng không những tiến hành đấu tranh cho quyền lợi hàng ngày của công nhân mà còn lãnh đạo cuộc tiến công quyết liệt vào những vị trí của chủ nghĩa tư bản.

Nhưng cũng từ đây, trong Đảng Công nhân Dân chủ - Xã hội Nga lại chia thành hai phái: Bônsêvich và Mensêvich. Những người Bônsêvich do V.I. Lênin đứng đầu tiếp tục đấu tranh chống lại lập trường cơ hội chủ nghĩa của phái Mensêvich. Những tác phẩm của V.I. Lênin viết trong thời kỳ này đã đóng vai trò quyết định trong việc tiến tới xây dựng hoàn chỉnh một đảng công nhân kiểu mới. Cuốn *Một bước tiến, hai bước lùi* đã chuẩn bị cho Đảng về tổ chức và những nguyên tắc xây dựng Đảng. Trong tác phẩm này, V.I. Lênin đã nêu đầy đủ các nguyên tắc về xây dựng một đảng kiểu mới như: đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân; đảng là bộ phận có tổ chức và là tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân; đảng được tổ chức theo chế độ tập trung dân chủ; đảng là hiện thân của sự liên hệ giữa đội tiên phong của giai cấp công nhân với đồng bào quần chúng lao động; phê bình và tự phê bình là quy luật phát triển của đảng. Cuốn *Hai sách lược của Đảng Dân chủ - Xã hội Nga trong cách mạng dân chủ* là sự chuẩn bị cho Đảng về mặt đường lối chính trị. Sau cùng, cuốn *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, đã chuẩn bị về mặt lý luận cho Đảng. Tại Hội nghị đại biểu của Đảng lần

thứ VI ở Praha, năm 1912, bọn Mensêvich ra khỏi Đảng Công nhân Dân chủ - Xã hội Nga.

Toàn bộ quá trình đấu tranh chống phái *Dân túy*, phái *Mácxit hợp pháp*, phái *Kinh tế* và bọn Mensêvich là một quá trình chuẩn bị thành lập và hoàn chỉnh một đảng mácxit. Trong lịch sử, chưa có một nhóm chính trị nào lại chuẩn bị chu đáo để tiến tới xây dựng một đảng độc lập như những người mácxit Nga dưới sự lãnh đạo trực tiếp của V.I. Lênin. Đó là Đảng Công nhân Dân chủ - Xã hội (Bônsêvich) Nga - một đảng kiểu mới, đảng của chủ nghĩa Lênin.

2. Trên các lục địa khác

Ở Mỹ, năm 1876 thành lập Đảng Công nhân xã hội chủ nghĩa trên cơ sở hợp nhất các nhóm xã hội chủ nghĩa, chủ yếu là các phân bộ cũ của Quốc tế I. Do không khắc phục được tình trạng biệt phái, đến cuối thế kỷ XIX, Đảng chỉ còn là một nhóm nhỏ, không có vai trò đáng kể trong công nhân Mỹ. Năm 1897, ở Mỹ đã xuất hiện một đảng mới lấy tên là *Đảng Xã hội - Dân chủ*, Đảng này nêu mục đích xã hội chủ nghĩa nhưng lại phủ nhận phương pháp đấu tranh cách mạng và quá coi trọng hoạt động nghị trường.

Ở Nhật Bản, tuy chưa thành lập được đảng công nhân, nhưng đã có những hội hoạt động chính trị như *Hội Xúc tiến tổ chức công đoàn* thành lập năm 1897, *Hội Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội*. Trong *Hội Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội* đã diễn ra một quá trình phân liệt giữa những người theo chủ nghĩa Mác và những kẻ chống chủ nghĩa Mác. Nhóm theo chủ nghĩa Mác đã phê phán những tư tưởng hợp tác giai cấp của nhóm

cải lương; họ chứng minh rằng, nếu chỉ đấu tranh kinh tế mà không kết hợp với đấu tranh chính trị thì sẽ phạm sai lầm. Như vậy, ở Nhật vào những năm 90 đã có những tiền đề tổ chức và tư tưởng mácxít để cho một đảng xã hội chủ nghĩa có thể ra đời.

Tóm lại, trong những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, ở hầu hết các nước có phong trào công nhân, các đảng xã hội chủ nghĩa hay xã hội - dân chủ đã ra đời, trong đó nhiều đảng có uy tín lớn như Đảng Xã hội - Dân chủ Đức, Đảng Bônsêvich Nga... Sự xuất hiện các đảng xã hội chủ nghĩa là một bước tiến quan trọng của phong trào công nhân quốc tế những năm sau Công xã Pari. Nó đánh dấu giai cấp công nhân ở các nước đã thực sự thành một giai cấp độc lập về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Điều đó được khẳng định trước hết là, tất cả các văn kiện có tính chất cương lĩnh của các đảng đều dựa trên cơ sở thừa nhận những nguyên lý quan trọng nhất của chủ nghĩa cộng sản khoa học do C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập. Tất cả các đảng đều công nhận giai cấp công nhân là lực lượng quyết định lật đổ giai cấp tư sản; coi giành chính quyền là mục tiêu trước mắt và lấy việc thủ tiêu chế độ tư hữu và thiết lập chế độ sở hữu tập thể làm điều kiện cơ bản để giải phóng người lao động. Mặt khác, tất cả các đảng đều thừa nhận tính chất quốc tế của phong trào công nhân.

Chương 6

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

I. CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI - BƯỚC NGOẶT VĨ ĐẠI TRONG LỊCH SỬ LOÀI NGƯỜI VÀ TRONG PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười có ý nghĩa lịch sử trọng đại toàn thế giới, mở ra một thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Sau Cách mạng Tháng Mười, thế giới đã từng bước hình thành nên hai hệ thống xã hội đối lập: hệ thống xã hội tư bản chủ nghĩa và hệ thống xã hội xã hội chủ nghĩa. Đúng như Lenin đã chỉ ra tại Đại hội lần thứ hai các Xôviết toàn Nga (từ 23 đến 28-12-1921): “hiện nay trên thế giới có hai thế giới: thế giới cũ, tức là chủ nghĩa tư bản, đang bị lúng túng sa lầy, nhưng nó sẽ không bao giờ lùi bước, và thế giới mới đang lớn lên, hiện nay còn rất non yếu, nhưng nó sẽ lớn mạnh, vì nó là vô địch”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Lenin: *Toàn tập*, Nxb. Tiêu bộ, M. 1978, t.44, tr.366.

Ngoài những mâu thuẫn vốn có ngày càng sâu sắc và quyết liệt trong chủ nghĩa tư bản (mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản, mâu thuẫn giữa đế quốc và các dân tộc bị áp bức; mâu thuẫn giữa đế quốc và đế quốc), sự ra đời của Nhà nước Xôviết đã làm nảy sinh một mâu thuẫn mới: mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Nước Nga Xôviết đã thật sự trở thành trung tâm của phong trào cách mạng thế giới, là tấm gương, là ngọn cờ dẫn đường cho phong trào công nhân và giải phóng dân tộc.

Cách mạng Tháng Mười đã có ảnh hưởng to lớn, tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa. Những khẩu hiệu của Cách mạng Tháng Mười đã trở thành khẩu hiệu của phong trào công nhân các nước phương Tây. Những cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười đã làm cho cuộc khủng hoảng chủ nghĩa tư bản càng thêm gay gắt.

Đối với các dân tộc thuộc địa, Cách mạng Tháng Mười cũng có những ảnh hưởng to lớn. Cách mạng Tháng Mười và toàn bộ sự phát triển của Nhà nước Xôviết đã chỉ ra cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới một chân lý, đó là chỉ có cách mạng vô sản và nhà nước của giai cấp công nhân mới có thể giải quyết triệt để vấn đề dân tộc. Đồng thời, Cách mạng Tháng Mười đã mở ra những khả năng rộng lớn, vạch con đường thực tế dẫn đến thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc của các nước phương Đông. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười đã làm chấn động toàn bộ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Phong trào giải phóng dân tộc, dưới sự

lãnh đạo của chính đảng của giai cấp vô sản, đã thực sự trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

Cách mạng Tháng Mười đã có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển của phong trào cộng sản quốc tế. Với thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế bước vào một giai đoạn phát triển mới về chất. Trong những năm 1918-1924, các đảng cộng sản đã được thành lập ở nhiều nơi trên thế giới. Các lực lượng tiên tiến của giai cấp công nhân đã được tập hợp trong các đảng cộng sản. Năm 1919, Quốc tế Cộng sản đã thành lập dưới sự lãnh đạo của Lenin, đó là thành quả vô cùng to lớn trong sự phát triển của phong trào cộng sản thế giới dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười.

Về ý nghĩa của Cách mạng Tháng Mười, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Giống như mặt trời chói lọi, Cách mạng Tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu người bị bóc lột trên trái đất. Trong lịch sử loài người không có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn sâu xa như thế”⁽¹⁾.

II. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN SAU CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI

1. Cao trào cách mạng 1918-1923

a) *Ở Đức và Hungari*

Những năm sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, trong các nước tư bản đã bùng lên một phong trào cách mạng vô sản mạnh mẽ dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, H. 1980, t.2, tr.461.

Cao trào cách mạng ở Đức và Hungari là những đỉnh cao của phong trào đó.

Ở Đức, vì lợi ích giai cấp ích kỷ, giới cầm quyền đã đẩy đất nước vào cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất hao người tốn của. Trong những năm chiến tranh, nhiều thành quả đấu tranh của giai cấp công nhân đã bị thủ tiêu: các loại thuế tăng vọt, lao động cưỡng bức được thi hành, đặc biệt là nền kinh tế bị suy sụp, nạn đói khủng khiếp đã diễn ra. Trong hoàn cảnh đó, cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản Đức nhằm bảo vệ quyền lợi của những người lao động, chống chủ nghĩa quân phiệt, chống chiến tranh đế quốc vẫn diễn ra mạnh mẽ và ngày càng gay gắt. Năm 1916, Liên minh Xpáctaquýt thành lập gồm những người xã hội - dân chủ phái tả, họ đã giữ vai trò lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Đức.

Quá trình đấu tranh diễn ra rất khó khăn và phức tạp, tuy nhiên, khi cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất càng tới gần ngày kết thúc, phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân Đức, dưới sự lãnh đạo của Liên minh Xpáctaquýt, ngày một phát triển mạnh mẽ và mang đậm tính chất chính trị.

Ngày 9-11-1918, Liên minh Xpáctaquýt kêu gọi công nhân và binh lính tổng bãi công và tổng khởi nghĩa nhằm lật đổ chính thể quân chủ và thiết lập chính quyền Xôviết. Vua Vinhem II phải chạy trốn sang Hà Lan, ngai vàng đế chế Đức bị sụp đổ. Các Lípnéch, lãnh tụ của Liên minh tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Xôviết. Trước tình hình đó, Chính phủ xã hội dân chủ phái hữu do Ebe cầm đầu đã phải tuyên bố một chính sách mị dân, song thực chất vẫn là nhằm bảo vệ chính quyền tư sản, chế độ cộng hoà tư sản được thiết lập.

Như vậy, Cách mạng Tháng Mười Một ở Đức thực chất là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản được tiến hành ở một mức độ nhất định bằng những phương tiện và phương pháp vô sản, với sự tham gia tích cực của giai cấp công nhân Đức. Song cuộc cách mạng đó còn có nhiều hạn chế do chính sách phản bội của bọn xã hội - dân chủ cánh hữu, tình trạng thiếu một đảng vô sản thật sự cách mạng, thiếu khối liên minh công nông, tất cả những điều đó dẫn đến việc giải quyết vấn đề cơ bản của cách mạng - vấn đề chính quyền - không triệt để, có lợi cho giai cấp tư sản.

Mặc dù vậy, Cách mạng Tháng Mười Một ở Đức vẫn có ý nghĩa lịch sử to lớn và ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Nó góp phần quan trọng vào việc nâng cao giác ngộ của giai cấp vô sản, làm cho bộ phận tiên tiến của giai cấp vô sản thoát khỏi ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản, dẫn đến việc thành lập Đảng Cộng sản Đức vào ngày 30-12-1918.

Sau cách mạng, mâu thuẫn giai cấp giữa tư sản và vô sản ngày càng gay gắt và phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản ở Đức ngày càng phát triển.

Ngày 13-1-1919, trong cuộc đấu tranh chống chính quyền tư sản thống trị, công nhân Muynich đã khởi nghĩa lật đổ chính quyền tư sản, lập ra chính phủ mới gồm những người cộng sản và những người xã hội độc lập cánh tả tham gia. Chính phủ mới tuyên bố thành lập nước Cộng hoà Xôviết Bavie, ban hành và thực hiện một số chính sách tiến bộ và cách mạng. Nhưng những người cộng sản ở Bavie đã phạm một số sai lầm: không xây dựng được liên minh bền vững công nhân và

nông dân; không tịch thu ruộng đất của địa chủ, không chú trọng cải thiện đời sống của nông dân nghèo và không có những biện pháp xây dựng chính quyền Xôviết một cách vững chắc. Do đó, nước Cộng hoà Xôviết Bavie chỉ tồn tại được một tháng. Ngày 1-5-1919, quân đội phản cách mạng của Chính phủ Trung ương đã tấn công Muynich, nước Cộng hoà Xôviết Bavie đã bị tiêu diệt.

Năm 1923, phong trào công nhân Đức lại nỗi lên một cao trào mới. Đặc biệt, ngày 23-10-1923, cuộc khởi nghĩa vũ trang ở Hambuốc đã bùng nổ. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt trong ba ngày, sau đó lực lượng cách mạng đã rút lui có trật tự để bảo toàn lực lượng. Phong trào cách mạng vô sản ở Đức tạm lắng xuống.

Ở Hungari, cách mạng dân chủ tư sản bùng nổ vào cuối tháng 10-1918. Công nhân công nghiệp và công nhân nông nghiệp là lực lượng nòng cốt của cách mạng. Ngày 16-11-1918, Vương triều Phápxbua bị lật đổ, nước Cộng hoà Hungari do giai cấp tư sản lãnh đạo đã được thành lập.

Ngày 21-11-1918, Đảng Cộng sản Hungari được thành lập, bao gồm những người xã hội - dân chủ phái tả và những tù binh cách mạng Hungari từ nước Nga Xôviết trở về, trong đó có Bêlaam, Tibe, Xamuêli v.v..

Ngày 22-2-1919, Chính phủ tư sản bắt giam Bêlaam và nhiều lãnh tụ khác của Đảng Cộng sản. Cũng trong tháng 2-1919, Đảng Cộng sản và Đảng Xã hội - Dân chủ hợp nhất lấy tên là Đảng Xã hội chủ nghĩa. Phong trào cách mạng của công nhân nhằm thiết lập chính quyền Xôviết, dưới sự lãnh đạo của Đảng Xã hội chủ nghĩa vẫn tiếp tục phát triển.

Tháng 3-1919, Hungari lâm vào tình trạng khủng hoảng chính trị nghiêm trọng. Mâu thuẫn giai cấp trong nước ngày càng gay gắt vì những yêu sách cơ bản cấp bách của công nhân và nông dân không được Chính phủ tư sản giải quyết. Ngày 20-3-1919, Hội đồng tối cao Đồng minh (các nước phe Hiệp ước) gửi cho Chính phủ tư sản Hungari một công hàm có tính chất tối hậu thư đòi cắt 2/3 lãnh thổ Hungari cho Rumani, Nam Tư và Tiệp Khắc. Trước nguy cơ đó, Chính phủ tư sản tuyên bố từ chức, giai cấp tư sản rời bỏ chính quyền. Trong khi đó, công nhân Thủ đô đã khởi nghĩa chiếm hết các địa điểm xung yếu ở Budapest. Ngày 21-3-1919, Hội đồng các Xôviết công nhân, binh lính tuyên bố thành lập Chính phủ Xôviết Hungari, do Đảng Xã hội chủ nghĩa lãnh đạo. Trong một thời gian ngắn, Chính phủ Xôviết đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách dân chủ, tiến bộ và cách mạng, thực hiện những cải tạo cách mạng quan trọng trong lĩnh vực kinh tế và xã hội.

Sau ba tuần lễ kể từ khi thành lập, nước Cộng hoà Xôviết Hungari lại đứng trước thử thách mới. Tháng 4-1919, quân đội Đồng minh (Pháp, Rumani, Tiệp Khắc, Nam Tư) tấn công vào Hungari và chiếm đóng một phần lãnh thổ của nước Cộng hoà trẻ tuổi. Bọn phản động trong nước cũng nỗi dậy chống phá chính quyền. Trước tình hình đó, những người xã hội chủ nghĩa cánh hữu và những người thuộc phái giữa hoang mang, chủ trương đầu hàng Đồng minh, từ bỏ chuyên chính vô sản và từ bỏ liên minh với nước Nga Xôviết.

Nhưng, những người cộng sản cùng với những người xã hội dân chủ cánh tả đã kiên quyết bác bỏ những đề nghị của bọn chủ trương đầu hàng. Cuộc chiến đấu bảo vệ nước Cộng hoà Xôviết

Hungari bắt đầu. Giai cấp vô sản ở thủ đô Budapest đã tích cực ủng hộ chính quyền Xôviết, thành lập Hồng quân Hungari. Cuộc phản công của Hồng quân đã giải phóng được Hungari thoát khỏi sự chiếm đóng của quân đội Đồng minh. Không những thế, Hồng quân còn giúp đỡ giai cấp công nhân và nông dân ở Đông Xlôvakia lật đổ chính quyền của địa chủ và tư sản, thành lập nước Cộng hoà Xôviết Xlôvakia vào tháng 6-1919.

Cuối tháng 6-1919, quân đội các nước đế quốc mở cuộc tấn công quyết định chống nước Cộng hoà Xôviết Hungari và Cộng hoà Xôviết Xlôvakia. Đến ngày 1-8-1919, sau 133 ngày tồn tại, nước Cộng hoà Xôviết Hungari và Cộng hoà Xôviết Xlôvakia đã bị bọn đế quốc và phản động trong nước lật đổ. Bên cạnh sự chống phá quyết liệt của các thế lực đế quốc, phản động, những sai lầm do những người lãnh đạo Đảng Xã hội chủ nghĩa Hungari phạm phải cũng làm cho nước Cộng hoà Xôviết Hungari nhanh chóng sụp đổ. Sai lầm nghiêm trọng nhất là khi hợp nhất Đảng Cộng sản với Đảng Xã hội - Dân chủ, Đảng Cộng sản đã không kiên quyết đấu tranh loại bỏ những quan điểm sai trái của Đảng Xã hội - Dân chủ trong công tác tư tưởng và tổ chức. Vai trò lãnh đạo của những người cộng sản bị suy yếu. Sai lầm lớn thứ hai là Đảng Xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Xôviết đã không có cương lĩnh và chính sách ruộng đất đúng đắn, vội vàng “Quốc doanh hoá” tất cả ruộng đất cũng như tài sản tịch thu được của các giai cấp bóc lột và của những tổ chức phản cách mạng. Nông dân không được chia ruộng đất đã bất mãn với chính quyền Xôviết. Đây là một nguyên nhân quan trọng làm cho chính quyền Xôviết mau chóng sụp đổ.

Tuy nhiên, cuộc chiến đấu của giai cấp vô sản Hungari vẫn là một nét son rực rỡ trong lịch sử đấu tranh vẻ vang của phong trào công nhân quốc tế giai đoạn 1918-1923.

b) Cao trào cách mạng ở Tây Âu và Bắc Mỹ

Ở Anh, dưới ảnh hưởng to lớn của Cách mạng Tháng Mười Nga, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Anh những năm 1918-1923 đã phát triển mạnh mẽ và có chiều sâu rõ rệt.

Năm 1918, phong trào bãi công của công nhân phát triển rộng lớn, không chỉ nêu các yêu sách kinh tế mà còn đề ra những khẩu hiệu chính trị. Năm 1919, giai cấp công nhân Anh tiến hành 1.352 cuộc bãi công. Sự kiện lớn nhất và nổi bật là phong trào bảo vệ nước Nga Xôviết.

Năm 1920, ở Anh có 100 ủy ban phong trào “Cứt khỏi nước Nga” đã được thành lập. Nhiều cuộc mít tinh ủng hộ nước Nga Xôviết đã thu hút hàng triệu người tham gia. Các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đã buộc Chính phủ Anh phải từ bỏ cuộc chiến tranh công khai chống nước Nga Xôviết.

Cao trào cách mạng của giai cấp công nhân Anh đã tạo điều kiện thuận lợi cho bộ phận tiên tiến trong giai cấp công nhân tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin tốt hơn. Tháng 8-1920, Đảng Xã hội Anh, Đảng Công nhân xã hội chủ nghĩa, phái tả Công Đảng xã hội chủ nghĩa Xcốtlen đã thống nhất lại và thành lập Đảng Cộng sản Anh.

Ở Pháp, trong thời kỳ 1918-1923, phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân cũng phát triển mạnh mẽ. Nhiều cuộc bãi công của công nhân nổ ra, không chỉ nêu những yêu sách kinh tế như đòi tăng lương, ngày làm 8 giờ,

cải thiện điều kiện lao động, mà còn đưa ra những yêu sách chính trị như đòi chấm dứt can thiệp vũ trang chống nước Nga Xôviết, đòi giải ngũ quân đội và thả tù chính trị.

Đặc biệt, vào mùa xuân 1919, lính thủy trên các tàu chiến Pháp đậu ở Biển Đen (Hắc Hải), đã giương cao cờ đỏ chào mừng thắng lợi Cách mạng Tháng Mười Nga và cự tuyệt tham gia chiến tranh chống nước Nga Xôviết. Trước sự đầu tranh kiên quyết và anh dũng của các thủy thủ, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp đã buộc phải rút hạm đội ra khỏi Biển Đen.

Tháng 5-1920, tại Đại hội Tua, Đảng Cộng sản Pháp đã được thành lập. Đó là thắng lợi và thành quả hết sức quan trọng của giai cấp công nhân Pháp trong những năm cao trào cách mạng.

Do ảnh hưởng của các lãnh tụ cải lương trong phong trào công nhân còn rất nặng; mặt khác, trình độ giác ngộ chính trị của giai cấp công nhân còn thấp, tổ chức chưa chặt chẽ, nên tuy giành được những thắng lợi nhất định song các cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân Pháp cuối cùng đều bị thất bại.

Ở Italia, phong trào đấu tranh bãi công của giai cấp công nhân diễn ra rộng khắp. Năm 1918 có 211 cuộc bãi công của công nhân Italia. Năm 1919, số cuộc bãi công lên tới 1.626 cuộc, thu hút trên 1 triệu công nhân tham gia.

Năm 1920, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Italia đã lên tới đỉnh cao. Nhiều nhà máy và công xưởng thành lập Xôviết. Tháng 9-1920, hầu hết các xí nghiệp ở Malixô, Tôbinô và các thành phố khác ở miền Bắc Italia đã nằm trong tay giai cấp công nhân. Nhưng do thiếu một trung tâm lãnh đạo, phong trào công nhân Italia đã không tiến tới khởi nghĩa

giành chính quyền. Các lãnh tụ cải lương đã thoả hiệp với bọn chủ xưởng làm cho phong trào công nhân bị thất bại.

Tuy vậy, các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Italia đã trở thành một yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình thành lập Đảng Cộng sản Italia. Ngày 21 tháng Giêng năm 1921, Đảng Cộng sản Italia ra đời.

Ở Mỹ, dưới ảnh hưởng của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga, vào những năm 1918-1920, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Mỹ đã được đẩy lên mạnh mẽ hơn.

Năm 1918, khắp nước Mỹ nổ ra phong trào bãi công của công nhân công nghiệp đòi ngày làm việc 8 giờ, đòi tăng lương, đòi chính quyền Mỹ chấm dứt can thiệp vũ trang chống nước Nga Xôviết.

Năm 1919, có 4 triệu người tham gia bãi công. Đó là cao trào bãi công lớn chưa từng thấy trong lịch sử phong trào công nhân Mỹ.

Do phong trào cách mạng lên cao, tháng 6-1919, một bộ phận của cánh tả Đảng Xã hội Mỹ, bao gồm những người Mỹ gốc nước ngoài, đứng đầu là Sáclo - Rutenbe, đã đoạn tuyệt với Đảng Xã hội, thành lập Đảng Cộng sản Mỹ. Một bộ phận khác do Giôn Rit lãnh đạo đã thành lập Đảng Cộng sản công nhân. Tháng 5-1921, Đảng Cộng sản thống nhất Mỹ đã được thành lập.

2. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc sau Cách mạng Tháng Mười

Cách mạng Tháng Mười Nga đã ảnh hưởng sâu rộng đến

các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Dưới ảnh hưởng đó, phong trào giải phóng dân tộc được thúc đẩy khá mạnh mẽ, nhất là ở phương Đông, khiến cho hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc bắt đầu bị khủng hoảng.

Ở Trung Quốc, phong trào Ngũ Tứ (4-5-1919) bùng nổ đã lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân trên địa bàn 20 tỉnh và 100 thành phố đứng dậy chống đế quốc, phong kiến. Nhưng giai cấp vô sản Trung Quốc do chưa được tổ chức, chưa nhận thức rõ sứ mệnh lịch sử của mình, lại bị ảnh hưởng tư tưởng của giai cấp tư sản và các giai cấp khác chi phối, nên cuối cùng phong trào Ngũ Tứ bị thất bại. Tuy vậy, phong trào này đã thúc đẩy sự kết hợp phong trào công nhân với chủ nghĩa Mác-Lênin, chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc. Ngày 1-7-1921, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tuyên bố thành lập ở Thượng Hải.

Ở Mông Cổ, ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga đối với Mông Cổ vô cùng to lớn. Phong trào công nhân Mông Cổ đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Ngày 1-3-1921 Đảng Nhân dân cách mạng Mông Cổ ra đời. Thắng lợi của cách mạng năm 1921 ở Mông Cổ đưa đến việc thành lập nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở châu Á dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp vô sản.

Ở Ấn Độ, ngay từ năm 1918 đã diễn ra những cuộc bãi công lớn của giai cấp công nhân. Đảng Quốc đại của giai cấp tư sản do Găngđi đứng đầu đã nắm được quyền lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc. Học thuyết bất bạo động của Găngđi chứa đựng những mâu thuẫn trong bản thân nó, vừa

phản ánh tính hai mặt và sự yếu đuối của giai cấp tư sản, vừa phản ánh sự lo sợ của giai cấp tư sản đối với sự lớn mạnh của phong trào cách mạng của giai cấp công nhân. Do đó, mặc dù hoạt động của Găngđi đã thu hút được đông đảo quần chúng, nhưng chủ trương bất bạo động đã đưa phong trào giải phóng dân tộc đi theo khuynh hướng cải lương.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười, phong trào công nhân và nông dân ở Ấn Độ vẫn phát triển mạnh mẽ. Cuối năm 1918 - đầu năm 1919, làn sóng bãi công lan rộng toàn Ấn Độ, lần đầu tiên công nhân dệt ở Bombay đã giương cao cờ đỏ trong cuộc bãi công. Trong nhiều thành phố của Ấn Độ đã xuất hiện những nhóm cộng sản đầu tiên và chủ nghĩa Mác đã được truyền bá vào Ấn Độ qua những sách báo bí mật. Nhưng trong thời kỳ này, giai cấp công nhân Ấn Độ vẫn chưa nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình, chưa xây dựng được chính đảng độc lập.

Ở Indônêxia, Đảng Cộng sản được thành lập năm 1920 đã lãnh đạo quần chúng nhân dân lao động đấu tranh đòi những quyền lợi thiết thân. Năm 1925, phong trào công nhân phát triển mạnh mẽ. Năm 1926, nhân dân Batavia khởi nghĩa vũ trang. Năm 1927, khởi nghĩa nổ ra ở đảo Xumatora. Những cuộc khởi nghĩa trên đều thất bại vì thiếu chuẩn bị, thiếu sự phối hợp hành động và chưa có thời cơ cách mạng chín muồi.

Ở Việt Nam, trong những năm 20 của thế kỷ XX, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trên con đường cứu nước, đã gấp chủ nghĩa Mác-Lênin và truyền bá vào Việt Nam. Sự kết hợp chặt chẽ giữa phong trào công nhân, phong trào yêu nước và chủ nghĩa

Mác-Lênin đã dẫn đến sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 3-2-1930.

Phong trào giải phóng dân tộc sau Cách mạng Tháng Mười Nga còn lan rộng sang châu Phi và Mỹ Latinh. Tại các khu vực này, nhiều chính đảng vô sản cũng được thành lập.

III. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN TRƯỚC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI

1. Thời kỳ ổn định tạm thời của chủ nghĩa tư bản 1924-1929

Sau cao trào cách mạng 1918-1924, phong trào công nhân các nước tư bản tạm lắng xuống trong điều kiện ổn định tạm thời của chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh của các đảng cộng sản nhằm thiết lập mặt trận công nhân thống nhất chống sự tiến công của giai cấp tư sản vẫn tiếp tục.

Nhìn chung, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đã nổ ra ở khắp các nước, nhưng đặc biệt mạnh mẽ ở Anh và Áo, vào cuối thời kỳ ổn định tạm thời của chủ nghĩa tư bản.

Tại Anh, cuộc bãi công tháng 5-1926 đã lôi cuốn 5 triệu người tham gia. Từ bãi công kinh tế đã chuyển sang bãi công chính trị. Đảng Cộng sản Anh kêu gọi công nhân huy động mọi lực lượng đấu tranh, đòi quốc hữu hóa các mỏ than, đòi lật đổ chính phủ phản động của Đảng Bảo thủ. Mặc dù gặp phải sự phản bội của Công Đảng và Tổng hội đồng Liên hiệp Công đoàn Anh, nhưng cuộc bãi công này vẫn trở thành đỉnh cao trong phong trào công nhân Anh chống bọn tư bản thống trị kể từ sau Phong trào Hiến chương.

Tại Áo, nhân việc tòa án phản động của Chính phủ tư sản tha bổng cho ba tên côn đồ phát xít đã bắn vào cuộc biểu tình

của công nhân hồi tháng Giêng năm 1927, 30 nghìn công nhân Áo đã tổ chức bãi công vào sáng ngày 15-7-1927 với khẩu hiệu “Đá đảo chủ nghĩa phát xít”. Bọn thống trị dùng quân đội đàn áp cuộc bãi công. Nhiều cuộc chiến đấu diễn ra trên đường phố, gần 100 công nhân hy sinh và 600 người bị thương. Cuối cùng, cuộc bãi công của giai cấp công nhân Áo đã bị thất bại.

Tuy thất bại, nhưng phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Áo, cùng với cuộc tổng bãi công của giai cấp công nhân Anh, đã chứng tỏ mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản ngày càng gay gắt. Do vậy, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân nhất định sẽ ngày càng phát triển mạnh mẽ.

2. Thời kỳ khủng hoảng kinh tế 1929-1933 và 1937-1938

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1929-1933 diễn ra gay gắt chưa từng thấy, đưa đến những hậu quả nghiêm trọng về kinh tế và chính trị xã hội, làm cho những mâu thuẫn vốn có trong chủ nghĩa tư bản ngày càng sâu sắc thêm. Chủ nghĩa tư bản đã cố gắng tìm lối thoát khỏi cuộc khủng hoảng bằng con đường phát xít hóa ở trong nước và chuẩn bị chiến tranh để quốc. Trong hoàn cảnh đó, cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa đã bùng lên với sức mạnh mới.

Ở châu Âu, phong trào cộng sản và công nhân đã phát triển mạnh mẽ ở các nước Đức, Anh, Pháp, Italia và Tây Ban Nha v.v..

Tại Đức, vào những năm 1929-1930, khủng hoảng kinh tế trở nên trầm trọng nhất. Sản xuất trong nhiều ngành công nghiệp và nông nghiệp không ngừng suy giảm, mức sống của

nhân dân lao động bị hạ thấp nhanh chóng. Trước tình hình đó, năm 1930, Đảng Cộng sản Đức công bố Cương lĩnh giải phóng nhân dân về mặt xã hội và dân tộc, vạch ra con đường cách mạng để thoát khỏi khủng hoảng.

Ngày 30-1-1933, Hitler lên làm Thủ tướng Đức. Chủ nghĩa phát xít ngày càng phát triển, trở thành hiểm họa đối với các dân tộc trên thế giới. Tháng 10-1935, Đại hội Đảng Cộng sản Đức họp ở Brücxen xác định nhiệm vụ trung tâm của Đảng là tranh thủ sự thống nhất hành động của tất cả mọi lực lượng trong giai cấp công nhân và thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít gồm tất cả những người chống Hitler. Đảng Cộng sản Đức đã được củng cố về chính trị và tổ chức, thắt chặt được quan hệ với quần chúng nhân dân.

Ở Anh, các cuộc bãi công lớn nổ ra vào năm 1930-1931 chống chính phủ đế quốc bóc lột các nước thuộc địa và phụ thuộc, chống chính sách “tiết kiệm” mà thực chất là chính sách bóc lột công nhân, lén án âm mưu phá hoại việc lập lại quan hệ ngoại giao với Liên Xô. Còn tại Pháp, các cuộc bãi công của giai cấp công nhân cũng liên tiếp nổ ra, khiến giới chủ tư bản buộc phải có những nhượng bộ nhất định. Trong điều kiện chủ nghĩa tư bản bị khủng hoảng sâu sắc, nguy cơ chiến tranh thế giới mới đã ngày càng tăng. Các nước phát xít hiếu chiến, trước hết là nước Đức phát xít, được các giới phản động ở Mỹ, Anh, Pháp dung túng, đã ráo riết chuẩn bị cho cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

Các nước đế quốc ủng hộ bọn phát xít với hy vọng hướng cuộc tấn công của chủ nghĩa phát xít chống lại Liên Xô. Trong khi chuẩn bị chiến tranh, chúng tìm cách đàn áp các cuộc đấu

tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, bắt nền kinh tế và chính trị phục vụ mục tiêu xâm lược của tư bản tài chính. Điều này làm tăng thêm khuynh hướng phát xít, phản động trong chính sách của các chính phủ tư sản. Trong khi đó, phong trào đấu tranh của các lực lượng tiến bộ chống nguy cơ phát xít và chống chiến tranh đã phát triển mạnh mẽ khắp mọi nơi trên thế giới. Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản diễn ra từ 25-7 đến 25-8-1935 đã tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của các đảng cộng sản, định ra các đường lối chiến lược và sách lược cho phong trào cộng sản quốc tế phù hợp với tình hình lịch sử cụ thể lúc đó. Hoạt động của Quốc tế Cộng sản đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình thành lập Mặt trận thống nhất chống phát xít, chống nguy cơ chiến tranh thế giới mới đang đến gần.

Chương 7

QUỐC TẾ III - QUỐC TẾ CỘNG SẢN (1919-1943)

I. SỰ THÀNH LẬP QUỐC TẾ III

1. Hoàn cảnh ra đời của Quốc tế III

Có hai điều kiện dẫn đến sự thành lập Quốc tế III.

Một là, sự phá sản của Quốc tế II làm cho phong trào công nhân bị chia rẽ về tổ chức, giai cấp công nhân không còn một tổ chức thống nhất để chỉ đạo phong trào. Quốc tế II phân liệt thành phái hữu, phái giữa, phái tả khiến cho trong nội bộ một số đảng cũng có sự phân liệt như vậy.

Hai là, phong trào cách mạng thế giới phát triển thành cao trào mới do ảnh hưởng trực tiếp của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917. Năm 1918, đã xuất hiện một loạt các đảng cộng sản như Đảng Cộng sản Áchentina, Phần Lan, Áo, Hungari, Ba Lan, Đức. Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi đánh dấu sự chiến thắng của giai cấp công nhân trực tiếp tạo điều kiện thúc đẩy việc thành lập Quốc tế Cộng sản.

2. Quá trình chuẩn bị thành lập Quốc tế III

Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, phái tả trong

Quốc tế II tổ chức hai hội nghị quốc tế tại Dimmecvan (9-1915) và Kienta (4-1916), do vậy phái này được gọi là phái tả Dimmecvan. Họ “đã lên tiếng chống chiến tranh để quốc đòi hòa bình, giành chủ nghĩa xã hội”. Phái tả Dimmecvan chủ trương đoạn tuyệt với Quốc tế II, đoàn kết các lực lượng cách mạng lại trong một tổ chức quốc tế mới. Đó là bước chuẩn bị cho sự ra đời của Quốc tế III, mặc dù còn nhiều hạn chế như không chấp nhận đường lối đấu tranh triệt để của Lênin và Đảng Bônsêvích Nga: “Biến chiến tranh để quốc thành nội chiến cách mạng, làm thất bại các chính phủ trong chiến tranh”.

Ngày 1-1-1914, Đảng Bônsêvich Nga, dưới sự lãnh đạo của Lênin, ra tuyên ngôn: “Biến chiến tranh để quốc thành nội chiến cách mạng” và “tuyên bố đoạn tuyệt với Quốc tế II”. Tại các cuộc hội nghị của những người xã hội quốc tế, Lênin đã tập hợp phái tả để ra cương lĩnh riêng (như trên). Phái tả gồm Đảng Bônsêvich Nga, đại biểu những người xã hội phái tả ở Đức, Bungari, Ba Lan, Lituyani, Thụy Điển, Na Uy, Thụy Sĩ, Hà Lan. Mặc dù trong phái tả Dimmecvan chỉ có Đảng Bônsêvich có lập trường đúng, nhưng phái này đã góp phần đoàn kết các chiến sĩ quốc tế chủ nghĩa trong phong trào công nhân. Cuối năm 1916, khi sa vào lập trường chủ nghĩa hòa bình tư sản của phe đa số Dimmecvan, Liên hiệp Dimmecvan đã kìm hãm việc mở rộng phong trào công nhân. Lênin đặt ra một cách rất kiên quyết vấn đề lập tức đoạn tuyệt với Liên hiệp Dimmecvan và thành lập Quốc tế III.

Tại Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng Xã hội - Dân chủ Nga (4-1917), Lênin đề nghị Đảng Bônsêvich đảm nhận sứ mệnh lập Quốc tế cách mạng. Tháng

1-1918, Hội nghị đại biểu phái tá trong các đảng xã hội - dân chủ họp ở Pêtorôgrát thông qua nghị quyết về sự cần thiết lập Quốc tế mới, Hội nghị nêu rõ điều kiện tham gia Quốc tế mới là tán thành con đường đấu tranh chống Chính phủ tư sản nước mình; ủng hộ Cách mạng Tháng Mười và chính quyền Xôviết. Tháng 11-1919, Hội nghị các tổ chức và đảng cộng sản (Nga, Ba Lan, Hungari, Đức, Áo, Látvia, Phần Lan và Liên hiệp cách mạng Bancăng) họp ở Mátxcova dưới sự chỉ đạo của Lenin đã thông qua thư kêu gọi thành lập Quốc tế Cộng sản. Tháng 2-1919, Quốc tế II họp Hội nghị ở Bécnơ (Thụy Sĩ) tìm cách ngăn cản Quốc tế III thành lập nhưng không đạt kết quả. Yêu cầu thành lập tổ chức Quốc tế cách mạng trở thành nhiệm vụ cấp bách.

3. Đại hội thành lập Quốc tế III

Đại hội thành lập Quốc tế III tổ chức ở Mátxcova từ ngày 2 đến 6-3-1919, có 51 đại biểu thay mặt cho 30 nước tới dự. Ngoài đại biểu phương Tây còn có đại biểu các nước phương Đông: Triều Tiên, Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, chung tỏ Quốc tế III là tổ chức của giai cấp lao động của cả các nước thuộc địa và phụ thuộc. Đại hội được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Lenin. Đề cao *Về dân chủ tư sản và chuyên chính vô sản* của Lenin đã được thông qua. Đề cao vạch trần bản chất giai cấp của dân chủ tư sản, giải thích ý nghĩa của chính quyền Xôviết - một hình thức chuyên chính vô sản. Lenin khẳng định: chỉ có nền dân chủ tư sản và dân chủ vô sản, không có nền dân chủ thứ ba. Dân chủ vô sản là nền dân chủ cao nhất, do vậy nhiệm vụ của Quốc tế III là phải xác lập được dân chủ vô sản.

Đại hội I thông qua Cương lĩnh của Quốc tế Cộng sản, trong đó trình bày những nguyên lý quan trọng nhất của chủ nghĩa Lênin về chủ nghĩa đế quốc và lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa, xác định nhiệm vụ trước mắt của giai cấp vô sản và phương pháp đấu tranh. Đại hội thông qua *Tuyên ngôn của Quốc tế Cộng sản gửi những người vô sản trên thế giới*, *Lời kêu gọi "gửi công nhân tất cả các nước"* và một số nghị quyết khác. Nguyên tắc tổ chức của Quốc tế Cộng sản là tập trung dân chủ. Một ban chấp hành được bầu ra gồm đại biểu cộng sản nhiều nước.

Sự thành lập Quốc tế Cộng sản có ý nghĩa quan trọng đặc biệt đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Nó góp phần đẩy nhanh sự hình thành các đảng cộng sản ở nhiều nước. Quốc tế III ra đời đánh dấu thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin với chủ nghĩa cơ hội - xét lại. Tất cả các đảng cách mạng chân chính đã đoàn kết dưới ngọn cờ Quốc tế III - trung tâm lãnh đạo của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, mà hạt nhân là Đảng Bônsêvích Nga và Lênin.

Trong thời gian tồn tại của mình, Quốc tế Cộng sản đã tiến hành 7 kỳ đại hội. Từ Đại hội I đến Đại hội IV do Lênin trực tiếp lãnh đạo. Đại hội V đến Đại hội VII do Xtalin lãnh đạo.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC TẾ III QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI

1. Đại hội II Quốc tế Cộng sản họp từ 19-7 đến 7-8-1920 tại Pêtôrôgrát và Mátxcova, có 217 đại biểu của 67 tổ chức ở 37 nước tham dự.

Ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga đã thúc đẩy

cao trào cách mạng đạt tới đỉnh cao. Một loạt đảng cộng sản ra đời: Đảng Cộng sản Mỹ (1919), Tây Ban Nha (1920), Anh (1920). Tuy nhiên, phong trào cách mạng đã bộc lộ những hạn chế do thiếu những lãnh tụ có uy tín và kinh nghiệm lãnh đạo.

Tuy nhiều đảng cộng sản đã ra đời, nhưng phong trào cộng sản quốc tế chịu ảnh hưởng của xu hướng “tả” khuynh và “hữu” khuynh của các lãnh tụ cơ hội trong Quốc tế II. Đặc biệt, các đảng non trẻ thường dẫn tới “tả” khuynh. Đứng trước tình hình đó, Lenin đã viết tác phẩm *Bệnh áu trĩ tả khuynh trong phong trào cộng sản* nêu rõ nguy cơ của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, nhất là khuynh hướng “tả” biểu hiện rõ trong phong trào cộng sản Đức và Anh. Người đã phân tích tính tất yếu của chính đảng vô sản trước và sau khi giai cấp vô sản giành thắng lợi, cự tuyệt tham gia hoạt động trong công đoàn phản động, chống việc tham gia nghị viện tư sản v.v..

Tại Đại hội II, báo cáo về tình hình thế giới và nhiệm vụ cơ bản của Quốc tế Cộng sản của Lenin là văn kiện, đặt cơ sở mang tính nguyên tắc cho các nghị quyết của Đại hội. Đại hội thông qua các văn kiện quan trọng như *Đề cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa; Điều kiện kết nạp vào Quốc tế Cộng sản; Vấn đề thành lập và củng cố các đảng cộng sản kiểu mới*. Đại hội thông qua 21 điều kiện kết nạp vào Quốc tế Cộng sản. Cơ sở của 21 điều kiện là học thuyết Mác-Lênin về đảng kiểu mới của Quốc tế Cộng sản, những nguyên tắc, tổ chức cách mạng quốc tế của Quốc tế Cộng sản đảm bảo sự đoàn kết quốc tế, chống phần tử hữu khuynh, trước hết là phái giữa chui vào Quốc tế Cộng sản để phá hoại. *Đề cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa xác định lập trường giai cấp vô*

sản với nông dân và nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa, xác định “cương lĩnh ruộng đất của chuyên chính vô sản”. Để cương kêu gọi đảng cộng sản các nước giúp đỡ phong trào giải phóng dân tộc và với sự giúp đỡ của các nước vô sản tiên tiến, các nước lạc hậu có thể đi lên chủ nghĩa xã hội bò qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Đại hội thông qua Điều lệ Quốc tế Cộng sản, khẳng định nguyên tắc tập trung dân chủ. Về cơ cấu tổ chức của Quốc tế III, đảng cộng sản mỗi nước là chi bộ cơ sở.

Đại hội II của Quốc tế III đã củng cố và đoàn kết hàng ngũ đảng cộng sản, vũ trang cho các đảng về mục tiêu, nhiệm vụ và phương pháp đấu tranh, góp phần làm cho các đảng cộng sản ở các nước được hình thành và phát triển.

2. Đại hội III Quốc tế Cộng sản họp từ 22-6 đến 12-7-1921 tại Mátxcova, có 605 đại biểu của 103 tổ chức ở 52 nước tham dự.

Đại hội nhận định giai cấp vô sản tạm thời bị thất bại trong đấu tranh giai cấp do chính sách chia rẽ của bọn lãnh tụ xã hội - dân chủ. Đại hội đề ra nhiệm vụ cho cuộc đấu tranh mới là tranh thủ đa số công nhân, loại trừ ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội. Đại hội coi sách lược lập Mặt trận thống nhất là phương pháp chủ yếu để mở rộng ảnh hưởng của đảng cộng sản trong quần chúng. Mặt trận công nhân thống nhất có nhiệm vụ động viên quần chúng công nhân đấu tranh đòi quyền lợi trước mắt, gắn với mục tiêu xoá bỏ chủ nghĩa tư bản, thiết lập nền chuyên chính vô sản. Lênin đọc báo cáo *Sách lược của Đảng Cộng sản Nga*, trình bày đường lối của Đảng và nhiệm vụ trong giai

đoạn thực hiện *Chính sách kinh tế mới* đưa nước Nga lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội tán thành sách lược của Đảng Cộng sản Nga (B). Kiên quyết lên án, bác bỏ lý luận phiêu lưu của phái “tả” đề ra kế hoạch phát động tấn công trong bất kỳ tình huống nào, kêu gọi các đảng cộng sản tham gia cuộc đấu tranh thường xuyên cùng với Quốc tế Cộng sản. Đại hội III thảo luận thông qua *Đề cương về vấn đề tổ chức*, nêu nhiệm vụ cài tỏ các đảng cộng sản theo nguyên tắc lãnh thổ - sản xuất, lập ra các chi bộ và liên công xưởng.

Các nghị quyết của Đại hội III đã giúp cho các đảng cộng sản khắc phục tàn dư xã hội - dân chủ, công đoàn vô chính phủ và chủ nghĩa bè phái, do đó giúp cho các đảng trở thành những chính đảng cách mạng có tính chất quần chúng, biết hành động trong điều kiện thoái trào.

3. Đại hội IV Quốc tế Cộng sản diễn ra từ ngày 5-11 đến 5-12-1922, đúng vào dịp kỷ niệm 5 năm Cách mạng Tháng Mười thành công. Tham gia Đại hội có 408 đại biểu của 58 nước, đại diện cho gần 2 triệu đảng viên. Đây là đại hội cuối cùng Lenin tham dự. Đại hội xác nhận đề cương về Mặt trận thống nhất công nhân do Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản soạn thảo và thông qua *Luận cương và nhiệm vụ của những người cộng sản trong các tổ chức công đoàn*. Đại hội đề ra khẩu hiệu “Mặt trận thống nhất chống đế quốc và phong kiến”, coi đó là khẩu hiệu cơ bản đối với các nước thuộc địa. Lenin đọc báo cáo *Năm năm cách mạng Nga và triển vọng của cách mạng thế giới*, trong đó nêu bật ý nghĩa quan trọng của Cách mạng Tháng Mười Nga đối với phong trào cộng sản quốc tế,

nhấn mạnh tính chất phức tạp của việc xoá bỏ chủ nghĩa tư bản, học cách tiến công và học cách rút lui để chuẩn bị tiến công, học tập kinh nghiệm cách mạng Nga. Sau Đại hội, Lênin lâm bệnh nặng, Người đã đọc cho thư ký viết những bài cuối cùng *Những trang nhật ký*, *Bàn về chế độ hợp tác*, *Về cuộc cách mạng của chúng ta*, *Cải tổ Bộ Dân ủy và Thanh tra công nhân thế nào và Thà ít mà tốt*. Với những tác phẩm đó, Lênin đã vạch kế hoạch tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. Lênin từ trần ngày 21-1-1924.

4. Đại hội V Quốc tế III họp ở Mátxcova từ ngày 17-6 đến ngày 8-7-1924, có 504 đại biểu thay mặt cho 49 đảng cộng sản tham dự.

Nhiệm vụ chủ yếu của Đại hội là xây dựng các đảng cộng sản có tính chất quần chúng, tiếp thu kinh nghiệm Đảng Cộng sản (B) Nga. Đại hội chú trọng vấn đề dân tộc thuộc địa, đặc biệt là đối với cách mạng Trung Quốc. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đọc tham luận về vấn đề dân tộc và thuộc địa, lên án chủ nghĩa thực dân, phê phán một số đảng cộng sản Tây Âu, trước hết là Đảng Cộng sản Pháp, chưa chú ý đúng mức đến vấn đề thuộc địa. Đại hội lên án chủ nghĩa Torótxki, cho đó là khuynh hướng tiêu tư sản. Cương lĩnh Torótxki - Dinôviép bị lên án kịch liệt, Dinôviép bị cách chức Chủ tịch Quốc tế Cộng sản.

Lần đầu tiên tại Đại hội V, thuật ngữ *chủ nghĩa Mác-Lênin* được sử dụng chính thức, nói lên đầy đủ tầm quan trọng của chủ nghĩa Lênin trong kho tàng lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học.

5. Đại hội VI Quốc tế Cộng sản họp từ ngày 17-7 đến ngày 11-9-1928, có 532 đại biểu đại diện cho 57 đảng cộng sản, công nhân và 9 tổ chức quốc tế tham dự. Đại hội phân tích tình hình quốc tế và phân định sẽ nổ ra chiến tranh đế quốc với đế quốc, chiến tranh của các đế quốc chống Liên Xô, chiến tranh giải phóng dân tộc. Đại hội định ra nhiệm vụ của các đảng cộng sản là đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, chống nguy cơ phát xít, bảo vệ Liên Xô, cách mạng Trung Quốc, đấu tranh giành chính quyền, chống chủ nghĩa cơ hội hữu và “tả”. Đại hội thông qua Cương lĩnh mới, tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của giai cấp công nhân trong các điều kiện cụ thể.

Cương lĩnh cho rằng: cách mạng vô sản có thể thắng lợi trước tiên ở một vài nước. Các nước lạc hậu, khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, có thể bò qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa với điều kiện là có sự giúp đỡ của nhà nước chuyên chính vô sản và phong trào công nhân quốc tế.

Cương lĩnh đề cập ba loại hình cách mạng cơ bản:

+ Ở những nước tư bản phát triển cao, có thể làm cách mạng vô sản, thiết lập ngay chuyên chính vô sản.

+ Ở những nước tư bản phát triển trung bình, có thể làm cách mạng dân chủ nhân dân, thiết lập chuyên chính công nông quá độ lên chuyên chính vô sản.

+ Ở những nước thuộc địa và phụ thuộc, có thể làm cách mạng phản đế, phản phong, thiết lập chuyên chính vô sản khi cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới đã thắng lợi.

6. Đại hội VII Quốc tế Cộng sản họp từ 25-7 đến 25-8-1935,

có 510 đại biểu của 65 đảng, đại diện cho 3,141 triệu đảng viên, trong đó có 785 nghìn đảng viên ở các nước tư bản chủ nghĩa tham dự.

Tình hình thế giới trước Đại hội cho thấy nửa đầu thập niên 30 của thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản tổng khủng hoảng, kinh tế suy thoái nghiêm trọng. Trong khi đó, kinh tế Liên Xô và Mông Cổ, là các nước xã hội chủ nghĩa, tăng rất mạnh; năm 1932 so với năm 1925, công nghiệp tăng hai lần. Chủ nghĩa phát xít ra đời được chủ nghĩa đế quốc khêu khích và nguy cơ của Chiến tranh thế giới thứ hai đã đến gần. Trước tình hình đó, những người cộng sản đứng trước yêu cầu cấp bách cần phải tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của các đảng cộng sản; định ra một đường lối chiến lược, sách lược mới của phong trào cộng sản thế giới. Đại hội VII họp để thực hiện nhiệm vụ đó.

Nội dung cơ bản nhất của Đại hội là vấn đề chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ của một cuộc chiến tranh đế quốc đang đến gần. Đại hội xác định hai nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa phát xít:

Một là, các đảng cộng sản chưa đủ sức mạnh để phát động quần chúng đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, cá biệt có một số đảng còn có thái độ thoả hiệp.

Hai là, do sự phản bội của các đảng xã hội - dân chủ, các đảng này đã hợp tác với giai cấp tư sản.

Đại hội ra nghị quyết về việc lập Mặt trận thống nhất chống chủ nghĩa phát xít. Mặt trận đoàn kết giữa nông dân, công nhân, tiểu tư sản thành thị và giai cấp lao động thuộc các dân tộc bị áp bức, trên cơ sở mặt trận thống nhất của giai cấp công nhân.

Nghị quyết Đại hội hướng dẫn các đảng cộng sản khi đề ra cương lĩnh mặt trận phải bảo vệ yêu sách của nông dân, thợ thủ công, trí thức. Trong quá trình đấu tranh cho mặt trận nhân dân, có thể phải thành lập chính phủ của mặt trận đó. Chính phủ này có thể là chính phủ quá độ lén chuyên chính vô sản. Nhưng trong tất cả mọi trường hợp, chính phủ của mặt trận nhân dân phải đấu tranh chống lực lượng phản động và phát xít. Những người cộng sản tham gia chính phủ mặt trận nhân dân không giống chính sách hợp tác giai cấp do các lãnh tụ xã hội - dân chủ thi hành mà với mục đích đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

Đại hội thông qua nghị quyết về vấn đề sự thống nhất của phong trào, coi đó là nhiệm vụ chủ yếu để cùng cố Mặt trận thống nhất. Đại hội chú trọng đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng chống chủ nghĩa phát xít, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc và âm mưu gây chiến tranh chống Liên Xô. Đại hội kêu gọi các đảng cộng sản trong trường hợp chiến tranh nổ ra hãy lợi dụng cuộc khủng hoảng kinh tế và chính trị để “biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng”.

Với những nội dung chủ yếu nêu trên, Đại hội VII xác định khẩu hiệu trung tâm của các đảng cộng sản lúc đó là “đấu tranh cho hòa bình” nhằm động viên tất cả các lực lượng dân chủ sẵn sàng tham gia phong trào chống chiến tranh đế quốc.

Đại hội vạch rõ, vì thắng lợi của cuộc đấu tranh giai cấp chống giai cấp tư sản nên cần thiết phải có sự thống nhất về chính trị của giai cấp công nhân, có đảng thống nhất của giai cấp vô sản, độc lập hoàn toàn với giai cấp tư sản và các lực lượng xã hội dân chủ; thực hiện sự thống nhất hành động. Đại

hội thừa nhận phải dùng cách mạng để lật đổ giai cấp tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản dưới hình thức các Xôviết; không ủng hộ giai cấp tư sản trong cuộc chiến tranh để quốc; xây dựng đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ v.v..

Đại hội VII Quốc tế Cộng sản đã định ra phương hướng sách lược mới, đó không phải là sự phủ nhận sách lược mặt trận thống nhất mà là phát triển sách lược đó trong điều kiện mới.

Đại hội VII có vị trí đặc biệt trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc. Nghị quyết của Đại hội VII đã phát triển những vấn đề lý luận về chiến lược và sách lược cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, xác định phương hướng cho cuộc đấu tranh của Mặt trận thống nhất công nhân và nhân dân chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh để quốc.

Những nghị quyết đúng đắn của Đại hội đã góp phần buộc chính phủ tư sản ở một số nước phải thực hiện chính sách chống phát xít. Ví dụ, ở Anh, phong trào cộng sản và công nhân đã buộc Đảng Bảo thủ Sócsin phải thực hiện chính sách chống chủ nghĩa phát xít. Ở Mỹ, Tổng thống Rudoven cũng phải ủng hộ chính sách chống chủ nghĩa phát xít.

III. QUỐC TẾ CỘNG SẢN TỰ GIẢI TÁN

Có hai nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc Quốc tế Cộng sản tự giải tán:

Nguyên nhân trực tiếp: Do chiến tranh thế giới nổ ra và lan rộng, có 61 nước với 170 triệu người bị động viên vào chiến tranh, trong đó có tới 110 triệu người cầm súng. Chiến

tranh đã cản trở hoạt động của Quốc tế Cộng sản. Việc lãnh đạo phong trào cộng sản quốc tế từ một trung tâm duy nhất không còn thích hợp nữa.

Nguyên nhân sâu xa: Quốc tế Cộng sản đã hoàn thành vai trò lịch sử của mình là tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, thiết lập chuyên chính vô sản ở một số nước. Quốc tế Cộng sản đã thúc đẩy sự ra đời của một loạt đảng cộng sản ở các nước. Các đảng cộng sản đó đã trưởng thành về lý luận cũng như về chính trị, đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng ở từng nước mà không cần sự lãnh đạo từ một trung tâm.

Ngày 15-5-1943, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đã ra quyết định giải tán Quốc tế Cộng sản. Ngày 8-6-1943, Hội nghị cuối cùng của Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản ra nghị quyết từ 10-6-1943, tất cả các hoạt động của Quốc tế Cộng sản kết thúc.

Quốc tế Cộng sản đã đóng vai trò lịch sử lớn lao trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, thể hiện ở những điểm sau:

Một là, Quốc tế Cộng sản có công lao to lớn trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, chống lại mọi sự xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin từ hai phía “tà” và “hữu”.

Hai là, Quốc tế Cộng sản đã thực hiện được sự kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân trên phạm vi thế giới

Ba là, Quốc tế Cộng sản đã phát triển lý luận mácxit như phát triển chiến lược, sách lược của đảng cộng sản.

Bốn là, giúp cho các đảng cộng sản, nhất là các đảng cộng

sản trẻ tuổi động viên quần chúng đứng lên bảo vệ lợi ích của nhân dân và chống chiến tranh đế quốc.

Năm là, củng cố tình đoàn kết giữa giai cấp công nhân các nước trên tinh thần của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Sáu là, Quốc tế Cộng sản định ra chiến lược, sách lược đúng cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng như phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

Bảy là, Quốc tế Cộng sản đã tạo ra tiền đề cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và các nước châu Á.

Trong tác phẩm *Quốc tế thứ ba và địa vị lịch sử của nó* viết vào tháng 4-1919, Lenin cho rằng, Quốc tế Cộng sản là người thừa kế, kế tục sự nghiệp của Quốc tế I. “Ý nghĩa lịch sử toàn thế giới của Quốc tế III là ở chỗ nó đã bắt đầu đem thực hiện khẩu hiệu vĩ đại nhất của Mác, khẩu hiệu tổng kết bước tiến trong một thế kỷ của chủ nghĩa xã hội và của phong trào công nhân, khẩu hiệu biểu hiện thành khái niệm: chuyên chính của giai cấp vô sản”.

Tuy nhiên, Quốc tế Cộng sản cũng còn những hạn chế và sai lầm nhất định.

Quốc tế Cộng sản đặt ra nguyên tắc tập trung dân chủ, nhưng sau khi Lenin qua đời, chủ trương và hoạt động của nó lại chỉ thiên về tập trung. Ban lãnh đạo Quốc tế Cộng sản có những quyết định thiếu dân chủ, chẳng hạn trong việc giải thể Đảng Cộng sản Ba Lan năm 1938.

Quốc tế Cộng sản cũng phạm sai lầm “tả” khuynh khi đánh giá các đảng xã hội - dân chủ, coi họ là kẻ thù như chủ nghĩa phát xít. (Đại hội V năm 1924, khi Lenin mất, Stalin

lãnh đạo Quốc tế III, đã coi chủ nghĩa phát xít và những người dân chủ xã hội là những đứa con sinh đôi, là con dao hai lưỡi, vì thế Quốc tế Cộng sản không liên minh với những người xã hội dân chủ). Đồng thời, Quốc tế Cộng sản đã đánh giá không đầy đủ khả năng tự điều chỉnh và tiềm năng phát triển của chủ nghĩa tư bản. Ví dụ: Đại hội VI của Quốc tế Cộng sản (1928) coi sự phát triển của chủ nghĩa tư bản chỉ là “hồi quang phản chiếu” trước lúc giãy chết.

Mặc dù vậy, Quốc tế Cộng sản vẫn tạo nên một cột mốc chói lọi trong lịch sử phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Sau khi giải tán (1943), Quốc tế Cộng sản vẫn còn ảnh hưởng lớn đến các đảng cộng sản ở châu Âu, châu Á, châu Phi, và Mỹ Latinh.

Chương 8

CƯƠNG LĨNH CHUNG CỦA PHONG TRÀO CỘNG SẢN

Sau khi Quốc tế Cộng sản giải tán, các đảng cộng sản ở các nước hoạt động độc lập và thể hiện sự trưởng thành trên tất cả các mặt. Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai, các đảng cộng sản là lực lượng kiên cường nhất, đóng vai trò xung kích cứu loài người khỏi thảm họa phátxít. Đồng thời, các đảng cộng sản cũng phát triển ảnh hưởng của mình trong phong trào cách mạng thế giới thông qua nhiều hình thức hoạt động. Trong hoàn cảnh đó, phong trào cộng sản quốc tế có nhu cầu cần trao đổi kinh nghiệm, phối hợp hành động và hành động theo nguyên tắc tự giác - có cương lĩnh, có tổ chức nhưng không theo hình thức như Quốc tế Cộng sản, mà theo những hình thức thích hợp.

Cuối tháng 9-1947, Cục Thông tin quốc tế được thành lập. Chín đảng cộng sản ở châu Âu tham gia đã tân thành một ban tuyên bố xác định nhiệm vụ chống đế quốc là quan trọng nhất và cần phải đẩy mạnh việc phối hợp hành động.

Cục Thông tin quốc tế đã thực sự trở thành động lực làm cho hoạt động của các đảng sôi nổi hơn nhiều, góp phần nâng

cao trình độ tư tưởng và tổ chức của phong trào cộng sản sau chiến tranh. Song, do nhiều nguyên nhân, Cục Thông tin quốc tế trong quá trình hoạt động cũng xuất hiện những xu hướng vận động đa dạng. Tháng 10-1949, Cục Thông tin quốc tế có kết luận không chính xác về Đảng Cộng sản Nam Tư, coi Nam Tư không còn là nước xã hội chủ nghĩa. Kết luận này đã gây tác hại không nhỏ, tạo điểm yếu để các thế lực thù địch của phong trào cộng sản lợi dụng gây chia rẽ, mất đoàn kết. Những diễn biến qua hoạt động của Cục Thông tin quốc tế cũng báo trước một nhu cầu cần chỉnh đốn của phong trào cộng sản.

Vào những năm 50 của thế kỷ XX, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phục hồi nhanh, các thế lực chống cộng đẩy mạnh các hoạt động của họ. Nhiều đảng cộng sản gặp khó khăn và lúng túng. Trong điều kiện ấy, các lực lượng cách mạng trên thế giới đòi hỏi ở phong trào cộng sản một sự phối hợp, trên cơ sở nền tảng lý luận khoa học cách mạng. Vì vậy, phong trào cộng sản phải đoàn kết hơn, phải thống nhất hành động và hệ thống quan điểm lý luận, chính trị, tổ chức theo một cương lĩnh chung do chính họ xác định.

Đó là những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc tổ chức các hội nghị của các đảng cộng sản và công nhân cũng như sự ra đời Cương lĩnh chung của phong trào cộng sản quốc tế.

I. HỘI NGHỊ CÁC ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ CÔNG NHÂN CÁC NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA NĂM 1957

Từ ngày 14 đến 16-10-1957, đại biểu của 12 đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa gồm: Anh, Bungari,

Hungari, Việt Nam, Cộng hoà Dân chủ Đức, Trung Quốc, Triều Tiên, Mông Cổ, Ba Lan, Rumani, Liên Xô, Tiệp Khắc đã họp ở Mátxcova để phân tích tình hình thế giới, những khuynh hướng đang nảy sinh, xác định nội dung chủ yếu của thời đại ngày nay “là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại ở nước Nga”. Khi thảo luận vẫn đề chiến tranh và hòa bình, Hội nghị nhất trí kết luận rằng: chừng nào còn chủ nghĩa đế quốc thì nguy cơ chiến tranh còn tồn tại. Đồng thời, từ sự phân tích so sánh lực lượng thế giới, Hội nghị đã chỉ ra khả năng của nhân dân thế giới ngăn chặn chiến tranh là hiện thực.

Do nhận biết đúng các quy luật phát triển của lịch sử, những quy luật vận động trong thời kỳ quá độ, Hội nghị đã khẳng định nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình giữa các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau và động viên tất cả các lực lượng có thể động viên để giữ vững nguyên tắc này, nhằm mục đích ngăn ngừa một cuộc chiến tranh thế giới mới.

Hội nghị nhất trí **đẩy mạnh** việc củng cố sự thống nhất, hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân, sự đoàn kết của phong trào công nhân, phong trào giải phóng dân tộc và dân chủ quốc tế.

Tại Hội nghị, các đảng cộng sản và công nhân đã có sự thống nhất về các vấn đề cơ bản của cách mạng vô sản và việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhấn mạnh sự đúng đắn của các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin về quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội dựa trên các quy luật chủ yếu, phổ biến đối với tất cả các nước tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị xác định việc giáo dục lý luận Mác-Lênin cho quần chúng là nhiệm vụ hàng đầu của phong trào cộng sản.

Để bảo đảm cho các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc thắng lợi, Hội nghị chỉ rõ, các đảng cộng sản ở đó phải thành lập mặt trận thống nhất chống các thế lực phản động. Hội nghị xác nhận khả năng của con đường không hòa bình và con đường hòa bình để tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đặc biệt trong Hội nghị này, các đại biểu rất quan tâm đến cuộc đấu tranh chống những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa và nhấn mạnh “sự cần thiết kiên quyết khắc phục chủ nghĩa xét lại, hay nói cách khác là chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh”. Hội nghị đã làm sáng tỏ hơn bản chất và tính chất nguy hiểm của chủ nghĩa cơ hội các loại, đồng thời chỉ rõ các đảng cộng sản và công nhân phải kiên quyết bảo vệ sự thống nhất hàng ngũ của mình theo tinh thần mácxít, không dung thứ bè phái và các nhóm nhỏ phá hoại sự thống nhất của phong trào. Với tinh thần đó, Hội nghị đã chỉ rõ, phải tiến hành trong mức độ thích hợp những cuộc hội nghị rộng rãi hơn nữa của các đảng cộng sản và công nhân để thảo luận những vấn đề thời sự, để trao đổi kinh nghiệm, giới thiệu những quan điểm và lập trường của nhau để phối hợp đấu tranh cho những mục đích chung là hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Cuối cùng, các đại biểu tham dự Hội nghị đã nhất trí ra Tuyên bố chung, công bố trước toàn thế giới về những quan điểm của mình, coi đó là nền tảng tư tưởng, có giá trị như một cương lĩnh chung của phong trào cộng sản quốc tế.

Thừa nhận Tuyên bố chung của Hội nghị đại biểu 12 đảng cộng sản và công nhân là Cương lĩnh chung, ngay lập tức, từ

ngày 16 đến ngày 19-11-1957 đã diễn ra sự tập hợp lực lượng để hướng ứng Cường lĩnh bằng hình thức hội nghị; đại biểu của 64 đảng cộng sản và công nhân khi họ đến Mátxcova kỷ niệm 40 năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại. Tại đây, các đảng đã trao đổi những vấn đề thời sự, những nhiệm vụ cấp bách và ra bản Tuyên ngôn hòa bình gửi toàn thể nhân loại theo tinh thần Tuyên bố chung của 12 đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa.

II. HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU CÁC ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ CÔNG NHÂN NĂM 1960

Các văn kiện có tính cương lĩnh của Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân được tổ chức ở Mátxcova đã có sự tác động mạnh mẽ đến cách mạng thế giới. Trong ba năm, từ 1957 đến 1960, nhiều biến động dữ dội đã xảy ra, phong trào cộng sản đã chứng tỏ rõ hơn vai trò nòng cốt cách mạng, chủ nghĩa tư bản bị tiến công từ nhiều phía, đặc biệt là những biến động mạnh mẽ ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh và ngay trong lòng các nước tư bản. Cùng với sự sụp đổ của hệ thống chủ nghĩa thực dân kiểu cũ là sự xuất hiện của nước Cuba xã hội chủ nghĩa đã làm chấn động đài sóng chính trị quốc tế, hỗ trợ mạnh mẽ hơn cho cuộc đấu tranh đòi dân sinh dân chủ ở các nước tư bản và thúc đẩy sự lớn mạnh nhanh chóng của phong trào cộng sản. Đến năm 1960, phong trào cộng sản đã có 87 đảng với 57 triệu đảng viên. Đó chính là sự biến đổi về chất, là kết quả hoạt động được định hướng từ Tuyên bố chung của Hội nghị 12 Đảng năm 1957.

Tuy nhiên, do sự phát triển với tốc độ quá nhanh, nên các

hoạt động của phong trào cộng sản cũng có nhiều hạn chế, thậm chí lách lạc. Trong hoàn cảnh đó, các thế lực chống cộng lại phản kích quyết liệt chống phong trào trên tất cả các lĩnh vực. Những yếu tố tiêu cực ấy đã xâm nhập vào nhau và tạo ra môi trường tốt cho chủ nghĩa cơ hội các loại phát triển, gây ra sự phân hoá trong phong trào cộng sản. Từ thực tế đó đòi hỏi phong trào cộng sản phải tăng cường trao đổi để củng cố khối đại đoàn kết, thống nhất và khả năng hoạt động cách mạng của các đảng. Đó chính là nhu cầu bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, là nhu cầu hoàn thiện hơn Cương lĩnh chung đã được xác định. Đó cũng là lý do dẫn đến việc tổ chức một hội nghị quốc tế mới của các đảng cộng sản và công nhân nhằm đến thống nhất hành động.

Nhân kỷ niệm 43 năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, đại biểu các đảng cộng sản và công nhân đến Mátxcova dự lễ đã tổ chức Hội nghị quốc tế từ ngày 20-11 đến 1-12-1960. Tham gia Hội nghị có đại biểu của 81 đảng.

Đây là diễn đàn để các đại biểu tiếp tục trao đổi những nội dung cơ bản của thời đại, trao đổi những kinh nghiệm, trình bày quan điểm và lập trường về những vấn đề có tính thời sự cấp bách của sự phát triển thế giới, của phong trào cộng sản và cuộc đấu tranh cho những mục đích chung là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, chủ nghĩa xã hội. Nhìn chung, Hội nghị đã phát triển và làm sáng tỏ thêm nội dung Tuyên bố của 12 đảng cộng sản và công nhân tại Mátxcova năm 1957.

Về nội dung cơ bản của thời đại, Hội nghị xác định đầy đủ và cụ thể: "Thời đại chúng ta mà nội dung chủ yếu là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu bằng

Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, là thời đại đấu tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập, là thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng giải phóng dân tộc, là thời đại chủ nghĩa đế quốc bị sụp đổ và hệ thống thuộc địa bị thủ tiêu, là thời đại ngày càng có thêm nhiều dân tộc tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa, là thời đại thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới". Với tinh thần đó, Hội nghị đã xác định những đặc điểm cơ bản cũng như đặc điểm chủ yếu nhất của thời đại ngày nay. Văn kiện của Hội nghị chỉ rõ: "Đặc điểm chủ yếu của thời đại chúng ta là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người".

Hội nghị cũng xác định những lực lượng cách mạng của thời đại. Đó là: "Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, các lực lượng đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc nhằm cải tạo xã hội theo chủ nghĩa xã hội, đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu và những đặc điểm chủ yếu của sự phát triển lịch sử của xã hội loài người trong thời đại ngày nay. Không một sự cố gắng tuyệt vọng nào của chủ nghĩa đế quốc có thể ngăn nổi sự phát triển tiến lên của lịch sử". Vì thế, đoàn kết các đảng cộng sản và công nhân đang cầm quyền ở những nước xã hội chủ nghĩa được Hội nghị xác định là một vấn đề trung tâm. Cũng tại Hội nghị này, Đảng Cộng sản Liên Xô, Trung Quốc được xác định là lực lượng nòng cốt của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế.

Hội nghị 81 đảng đã phân tích những mặt mạnh, mặt yếu của chủ nghĩa tư bản và thống nhất kết luận rằng nó đang ở trong tình trạng khủng hoảng và suy yếu. Hệ thống tư bản chủ

nghĩa thế giới đang ở trong quá trình suy sụp và tan rã sâu sắc. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đang tăng cường quyền lực của các tổ chức lũng đoạn đối với nhà nước, kết hợp sức mạnh của các tổ chức lũng đoạn với sức mạnh của nhà nước thành một bộ máy thống nhất để cứu vãn chế độ tư bản chủ nghĩa, để tăng thêm lợi nhuận của giai cấp tư sản bằng cách bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nhưng giai cấp tư sản lũng đoạn không có cách nào cứu vãn được “chủ nghĩa tư bản”. Các đại biểu dự Hội nghị đều khẳng định rằng đó chính là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh để giải quyết mâu thuẫn đối kháng giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản và dân tộc, mâu thuẫn bên trong và bên ngoài xã hội tư bản.

Trong thời gian này, chủ nghĩa xã hội hiện thực phát triển nhanh, ổn định nhờ tiếp cận đúng đắn các quy luật phát triển. Mặc dù những sai lệch vẫn xảy ra nhưng không phải là chủ yếu, không đủ sức ngăn cản sức đi lên của chủ nghĩa xã hội. Tin tưởng vào khả năng nhận thức và cải tạo thế giới của những người cộng sản, Hội nghị đã nhấn mạnh hơn kết luận về triển vọng của chủ nghĩa xã hội: “Chủ nghĩa xã hội đã đạt được những thành tựu sáng tạo chưa từng thấy trong lĩnh vực sản xuất, khoa học và kỹ thuật, và trong công cuộc xây dựng một đại gia đình hữu ái mới, tự do, bảo đảm ngày càng nhiều những nhu cầu vật chất và tinh thần của con người”.

Hội nghị tiếp tục khẳng định vấn đề chiến tranh và hòa bình theo tinh thần Hội nghị 12 đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa năm 1957 và nhấn mạnh rằng: “Vấn đề nóng hổi nhất của thời đại chúng ta là vấn đề chiến tranh và hòa bình”. Bởi vì, sự lớn mạnh nhanh chóng của phong trào cộng

sản, của các lực lượng chống chủ nghĩa tư bản đã làm cho các lực lượng đế quốc càng điên cuồng phản kích, chúng tìm mọi cách xô đẩy nhân dân thế giới vào các cuộc chiến tranh. Tất cả các đại biểu đều thống nhất khẳng định tình hình này chỉ chấm dứt khi không còn chủ nghĩa tư bản vì “chiến tranh là bạn đường thường xuyên của chủ nghĩa tư bản”. Trên cơ sở đánh giá đúng thực tế, Hội nghị nhất trí kết luận: “Lực lượng chủ yếu của xâm lược và chiến tranh là chủ nghĩa đế quốc Mỹ”. Những thời kỳ mà bọn đế quốc có thể tuỳ ý quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình đã đi qua. Thế giới đã ở trong một hoàn cảnh mà mọi ý muốn tuỳ tiện gây chiến tranh đều có thể bị chặn lại. Lực lượng ngăn chặn chiến tranh đã đủ sức đẩy lui mọi lực lượng hiếu chiến. Tuy nhiên, Hội nghị cũng thống nhất nhận thức về sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế, phải tập hợp lực lượng để đập tan những âm mưu xâm lược, trong đó phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phải đóng vai trò chủ đạo. Hội nghị khẳng định: “Không có một sự khác nhau nào về các vấn đề chính trị tôn giáo và các vấn đề khác có thể cản trở sự đoàn kết tất cả các lực lượng của giai cấp công nhân để chống nguy cơ chiến tranh. Đã đến giờ phút dùng ý chí mạnh mẽ và hành động thống nhất của tất cả các đội ngũ và các tổ chức của giai cấp vô sản quốc tế để chống lại các thế lực chiến tranh và đoàn kết mọi lực lượng của giai cấp vô sản quốc tế nhằm ngăn ngừa chiến tranh và bảo vệ hòa bình”.

Các đảng cộng sản coi cuộc đấu tranh cho hòa bình là nhiệm vụ hàng đầu của mình. Các đảng cộng sản kêu gọi giai cấp công nhân, các công đoàn, các đoàn thể và tổ chức hợp tác xã, phụ nữ, thanh niên và mọi người lao động, không phân biệt

chính kiến và tín ngưỡng, đứng lên kiên quyết chống lại mọi hành động xâm lược của bọn đế quốc bằng đấu tranh có tính chất quần chúng.

Tại Hội nghị, năm nguyên tắc chung sống hòa bình do nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa và nước Cộng hoà Án Độ nêu ra, cùng với những nguyên tắc đã được Hội nghị Băng Đung thông qua đều được thừa nhận là phù hợp với lợi ích của hòa bình, thể hiện nguyện vọng của toàn nhân loại tiến bộ. Điều đó cho thấy sự nhất trí của Hội nghị trong việc khẳng định lại quan điểm chung sống hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau mà Hội nghị năm 1957 đã xác định. Đồng thời, Hội nghị cũng nhất trí về nguyên tắc: “Chung sống hòa bình giữa các nước không có nghĩa là bỏ đấu tranh giai cấp” mà đó “là một hình thức đấu tranh giai cấp giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản”.

Sau khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc phát triển hết sức nhanh, đặc biệt trong những năm 60 của thế kỷ XX, hàng loạt nước ở châu Phi, Mỹ Latinh và châu Á đã giành được độc lập dân tộc. Song, họ còn lúng túng trong việc xác định con đường phát triển, còn bị các thế lực thù địch với phong trào cộng sản tìm cách lôi kéo, chi phối bằng phương thức chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Đáng lưu ý là, hầu hết các dân tộc được giải phóng đều do giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo, cho nên “hay dao động” và có “khuynh hướng thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phong kiến”. Hội nghị đã nhất trí cao về việc xác định nhiệm vụ của giai cấp công nhân ở những nước mới giành được độc lập dân tộc và cho rằng: “Giai cấp công nhân giữ vai trò to lớn trong

cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc thì nay kiên quyết thực hiện đến cùng những nhiệm vụ cách mạng dân tộc, chống đế quốc và giành dân chủ”.

Hội nghị 81 đảng tiếp tục phê phán chủ nghĩa cơ hội các loại, chủ nghĩa giáo điều và chỉ rõ hơn bản chất của nó. Tại Hội nghị này, đại biểu của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Lao động Anbani đã có những thay đổi. Họ đòi xét lại quan điểm về thời đại đã được Hội nghị năm 1957 thông qua.

Các đại biểu dự Hội nghị đều nhất trí cho rằng, mặc dù có sự bất đồng về mặt tư tưởng, các đảng cộng sản và các đảng xã hội - dân chủ cần phải phối hợp hành động chung vì mục đích đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Hội nghị nhấn mạnh: việc “đi sâu hơn nữa vào quần chúng, công tác ở bất cứ nơi nào có quần chúng, củng cố liên hệ với quần chúng để lôi cuốn họ đi theo mình phải trở thành nhiệm vụ quan trọng nhất của mỗi đảng cộng sản”.

Vấn đề hình thức quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội ở các nước khác nhau đã được khẳng định trong Tuyên bố của Hội nghị năm 1957 cũng được Hội nghị 81 đảng khẳng định lại.

Với sự nhất trí của đa số, Hội nghị năm 1960 đã ra Tuyên bố chung về những nội dung đã được thảo luận. Tuyên bố Mátxcova năm 1960 của 81 đảng cộng sản và công nhân là một sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, làm rõ thêm, sâu sắc thêm Tuyên bố của Hội nghị 12 đảng cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa năm 1957.

Tuyên bố năm 1960 cũng như Tuyên bố năm 1957, là một mẫu mực phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin. Nó là

cương lĩnh chung của tất cả những người cộng sản trên thế giới, là ngọn đèn pha sáng ngời chiếu rọi con đường đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước, là ngọn cờ đoàn kết và chiến thắng của phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế. Do đó, nó có một ý nghĩa lịch sử cực kỳ to lớn.

III. HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU CÁC ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ CÔNG NHÂN NĂM 1969

Sau Hội nghị năm 1957 và Hội nghị năm 1960, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có bước trưởng thành trong hoạt động lý luận và thực tiễn. Về cơ bản, những người cộng sản trên toàn thế giới đã thống nhất và nghiêm túc hành động theo Cương lĩnh chung do chính đại biểu của họ xác định, do đó họ thực hiện tốt vai trò nòng cốt lãnh đạo cách mạng thế giới. Toàn bộ những biến đổi cách mạng diễn ra trong những năm sau các hội nghị này ở khắp các châu lục đều có sự tác động tích cực của các đảng cộng sản. Chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội hiện thực có ảnh hưởng sâu rộng, nhiều nước chưa phải xã hội chủ nghĩa nhưng cũng có nhiều thiện cảm với chủ nghĩa xã hội như Ấn Độ, Miến Điện, Ai Cập, Libi, Angeli...

Bên cạnh những biến đổi mạnh mẽ của cách mạng thế giới và sự trưởng thành toàn diện của phong trào cộng sản thì sự phản kích của các thế lực đế quốc, thù địch cũng ngày càng quyết liệt với những hình thức biểu hiện rất đa dạng. Trong bối cảnh đó, phong trào cộng sản quốc tế lại đứng trước nhu cầu cấp thiết trao đổi kinh nghiệm và phối hợp hành động chung, xử lý những vấn đề đặt ra trong sự phát triển của phong trào.

Tháng 3-1965, tại Mátxcova đã diễn ra cuộc gặp gỡ hiệp thương của đại biểu các đảng cộng sản và công nhân 19 nước. Nhiều mối quan tâm chung được trao đổi, trong đó đại biểu các đảng đều chú trọng bàn biện pháp khắc phục những bất đồng và củng cố sự đoàn kết của phong trào cộng sản quốc tế.

Năm 1967, nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, 70 đảng cộng sản đã tỏ ý muốn triệu tập một hội nghị quốc tế mới. Để chuẩn bị cho việc triệu tập hội nghị ấy, một cuộc gặp gỡ của đại biểu 67 đảng cộng sản và công nhân được tiến hành ở Budapest từ ngày 26-2 đến ngày 5-3-1968. Kết quả là các đại biểu đã thông qua nghị quyết về việc triệu tập Hội nghị các đảng cộng sản và công nhân ở Mátxcova vào năm 1969.

Từ ngày 5 đến 17-6-1969, đại biểu của 75 đảng cộng sản và công nhân họp ở Mátxcova. Phiên họp thứ nhất của Hội nghị đã thông qua chương trình nghị sự gồm hai vấn đề cơ bản:

1. Nhiệm vụ đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn hiện nay và sự thống nhất hành động của các đảng cộng sản và công nhân, của tất cả các lực lượng chống đế quốc.

2. Về văn kiện có liên quan đến lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh của V.I. Lénin.

Vấn đề thống nhất tất cả các lực lượng chống đế quốc, đoàn kết phong trào cộng sản là vấn đề trọng tâm được các đại biểu các đảng anh em chú ý thảo luận. Các đại biểu của tất cả các đảng đều đưa ra những đề nghị cụ thể về biện pháp khắc phục những khó khăn và bất đồng trong phong trào cộng sản quốc tế.

Hơn 60 bài tham luận đã lên án gay gắt hoạt động chống Liên Xô của các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Số còn lại, họ thống nhất quan điểm với Trung Quốc chống chủ nghĩa xét lại Khorútxốp. Nhìn chung, với nhiều hình thức biểu hiện, đa số các đảng đều không tán thành những quan điểm phi mácxít, họ lên án chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa cơ hội “tả” và hữu.

Hội nghị đã thảo luận và thông qua văn kiện tổng kết *Nhiệm vụ đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và sự thống nhất hành động của các đảng cộng sản và công nhân, của tất cả các lực lượng chống đế quốc*. Trên cơ sở phân tích sâu sắc tình hình thế giới, Văn kiện của Hội nghị đã chỉ ra những đặc điểm nổi bật trong sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc cùng với những chiến lược và sách lược của nó. Văn kiện đã phân tích và kết luận rằng chủ nghĩa đế quốc đang tìm cách thống nhất lực lượng trên phạm vi toàn thế giới để duy trì quyền lực và ngăn cản sự quá độ của loài người tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Văn kiện tổng kết của Hội nghị nhận định rằng: “Loài người đã bước vào một phần ba cuối cùng của thế kỷ chúng ta trong hoàn cảnh cuộc đấu tranh lịch sử giữa các lực lượng tiến bộ và phản động. Vũ đài của cuộc đấu tranh ấy diễn ra trên phạm vi toàn thế giới với tất cả các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội - kinh tế, chính trị, hệ tư tưởng, văn hoá”. Hội nghị kết luận: “Hiện nay đã có những điều kiện thực tế để giải quyết những vấn đề quan trọng nhất của thời đại vì lợi ích của hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, để giáng những đòn mới vào chủ nghĩa đế quốc”. Văn kiện cũng khẳng định: đường lối của cách mạng thế giới, được quyết định bởi các lực

lượng của cách mạng và chủ nghĩa xã hội, của hòa bình và phong trào giải phóng dân tộc.

Các đại biểu tham gia Hội nghị nhất trí kết luận: Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là lực lượng quyết định của phong trào chống đế quốc toàn thế giới. Cuộc đấu tranh giữa hai hệ thống đối lập tùy thuộc vào những thành tựu và sự đoàn kết của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Vì thế, “bảo vệ chủ nghĩa xã hội là nghĩa vụ quốc tế hàng đầu của những người cộng sản”.

Ở các nước tư bản, giai cấp công nhân là động lực chính và là nguồn động viên của cuộc đấu tranh cách mạng, của toàn bộ phong trào dân chủ, chống đế quốc.

Hội nghị lưu ý các đảng cộng sản về những khả năng cách mạng to lớn của giai cấp nông dân, của giới trí thức tiến bộ và thanh niên..., do đó, các đảng cộng sản cần phải quan tâm thu hút tất cả các lực lượng khác tham gia vào cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

Hội nghị chỉ rõ vai trò ngày càng tăng của phong trào chống đế quốc của các dân tộc Á - Phi, Mỹ Latinh và nhấn mạnh sự cần thiết phải thống nhất tất cả các lực lượng dân tộc để thủ tiêu tàn dư của chủ nghĩa thực dân trên thế giới, để các nước độc lập trẻ tuổi phát triển tiến bộ.

Nhấn mạnh vai trò nòng cốt của phong trào cộng sản, Hội nghị đã phân tích kỹ và thống nhất kết luận rằng, những người cộng sản toàn thế giới cần phải đi tới thành lập mặt trận chống đế quốc toàn thế giới. Vì vậy, “Việc cùng cố liên minh giữa hệ thống xã hội chủ nghĩa, phong trào công nhân và phong trào

giải phóng dân tộc có ý nghĩa hàng đầu đối với triển vọng của cuộc đấu tranh chống đế quốc”.

Hội nghị đã định ra một cương lĩnh cụ thể đoàn kết tất cả các lực lượng chống đế quốc. Hội nghị kêu gọi cùng nhau thống nhất chống lại mọi hành động xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, trước hết là bảo vệ Việt Nam, chống lại việc gây ra các cuộc chiến tranh cục bộ và bất cứ hình thức can thiệp nào. Hội nghị cũng nhất trí cho rằng việc ngăn chặn phô biến vũ khí hạt nhân là hết sức cần thiết và phải được tiến hành đấu tranh không mệt mỏi.

Về vấn đề tư tưởng, Hội nghị nhận định rằng, thời kỳ phát triển lịch sử của những năm cuối thập niên 60 có đặc điểm là: cuộc đấu tranh tư tưởng giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội cực kỳ gay gắt. Đó là do chủ nghĩa đế quốc không thể bằng biện pháp quân sự để xoá bỏ những thành tựu của chủ nghĩa xã hội. Để đấu tranh chống hệ tư tưởng Mác-Lênin, tìm cách làm suy yếu vị trí của chủ nghĩa xã hội, giai cấp tư sản sử dụng nhiều phương pháp mới và xảo quyệt hơn. Vì vậy, những người cộng sản phải có những biện pháp thích hợp để đẩy lui các hoạt động thù địch trên mặt trận tư tưởng, bảo vệ có hiệu quả sự trong sáng của học thuyết cách mạng mácxít.

Tuyệt đại đa số các đại biểu dự Hội nghị đã đồng ý với dự thảo tổng kết Hội nghị. Bên cạnh đó, một số đại biểu đã bày tỏ sự bất đồng trong một số vấn đề, một số luận điểm, thậm chí có đảng không ký vào văn kiện như Đảng Cộng sản Đôminich.

Cuối cùng, Hội nghị nhất trí ra Lời kêu gọi nhân 100 năm ngày sinh của Lênin vĩ đại. Trong Lời kêu gọi, các đại biểu

của 75 đảng xác nhận sự trung thành của những người cộng sản toàn thế giới đối với chủ nghĩa Lê nin, chỉ rõ ý nghĩa phổ biến, ý nghĩa quốc tế của chủ nghĩa Lê nin. Lời kêu gọi nhân mạnh rằng, chủ nghĩa Lê nin là cơ sở tư tưởng của sự thống nhất của phong trào cộng sản quốc tế. Hội nghị kêu gọi các đảng cộng sản và công nhân hãy nhân ngày kỷ niệm ngày sinh Lê nin, ra sức tuyên truyền rộng rãi tư tưởng của Lê nin; đồng thời tuyên truyền những văn kiện của Hội nghị như: *Lời kêu gọi bảo vệ hòa bình*, lời kêu gọi *Độc lập, tự do và hòa bình cho Việt Nam*, *Tuyên bố của Hội nghị quốc tế các đảng cộng sản và công nhân về việc Israel tiếp tục xâm lược các nước Arập*. Hội nghị đã lên án các hành động khủng bố những người cộng sản và dân chủ Hy Lạp, căm phẫn phản đối những vụ bắt bớ hàng loạt và giết người tàn bạo đối với những người cộng sản, những người dân chủ, những người yêu nước khác ở Haiti, bày tỏ tình đoàn kết với những người cộng sản Indonesia bị đàn áp và truy nã kéo dài.

Như vậy, Hội nghị đã xác định chiến lược, sách lược và cương lĩnh cụ thể của phong trào cộng sản quốc tế, tạo cơ sở cho mỗi đảng mácxít - léninnít tăng thêm khả năng vạch ra đường lối hoạt động chính xác, tăng cường đấu tranh vì lợi ích của nhân dân lao động và đi tới đoàn kết, thống nhất về tư tưởng của phong trào cộng sản thế giới.

Đó chính là ý nghĩa cơ bản của Cương lĩnh, tạo ra động lực mới để phong trào cộng sản phát triển và đẩy mạnh cuộc đấu tranh cách mạng không chỉ theo chiều sâu mà còn cả theo chiều rộng. Chủ nghĩa Mác-Lê nin không chỉ được bảo vệ mà còn được phát triển trong hoàn cảnh đấu tranh cụ thể. Cùng

với Cương lĩnh năm 1957 và năm 1960, Văn kiện Hội nghị đại biểu 75 đảng cộng sản và công nhân năm 1969 đã trở thành những cương lĩnh chung, là di sản quý báu đã và đang còn được phong trào cách mạng thế giới tiếp tục nghiên cứu vận dụng trong những hoàn cảnh cụ thể.

Chương 9

TRÀO LƯU XÃ HỘI DÂN CHỦ QUỐC TẾ

I. NGUỒN GỐC, LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA TRÀO LƯU XÃ HỘI DÂN CHỦ

1. Nguồn gốc

Khái niệm *xã hội - dân chủ* xuất hiện trong thời kỳ cao trào cách mạng 1848-1849 ở Pháp và Đức. Látzan là một nhà lãnh đạo của phong trào công nhân Đức, được coi là người đặt nền móng tư tưởng cho phong trào xã hội - dân chủ sau này. Látzan thành lập Tổng hội công nhân Đức năm 1863. Việc làm này có ý nghĩa rất lớn đối với sự trưởng thành của phong trào công nhân ở Đức, mở ra thời kỳ đoàn kết thống nhất của giai cấp công nhân Đức. Látzan chủ trương đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản bằng con đường cải lương, nghị trường; cho rằng giai cấp công nhân phải thành lập một chính đảng riêng của mình và phải lấy việc bầu cử phổ thông đầu phiếu công bằng và trực tiếp làm khẩu hiệu và lá cờ, xem đó là nguyên lý của Đảng. Látzan khẳng định: chỉ có sự đại diện của giai cấp công nhân trong các cơ quan lập hiến của Đức mới bảo đảm những lợi ích chính đáng của họ về mặt chính trị. Do đó, tiến hành những hoạt động hợp pháp phải là cương lĩnh của Đảng công nhân. Kế thừa những tư tưởng đó của Látzan, sau này

Bécxanh và Cauxky được coi là những nhà tư tưởng tiêu biểu đứng đầu trong phong trào xã hội - dân chủ quốc tế.

Năm 1869, những người mácxít ở Đức đã thành lập Đảng Công nhân Xã hội - Dân chủ Đức. Năm 1875, Đảng này đã cùng với Tổng hội công nhân Đức của Látxan, hợp nhất thành Đảng Xã hội - Dân chủ Đức. Như vậy, Đảng Xã hội - Dân chủ Đức là đảng đầu tiên của trào lưu xã hội - dân chủ. Nước Đức cũng được coi là cái nôi phát sinh trào lưu xã hội - dân chủ.

Cơ sở giai cấp xã hội của các đảng xã hội - dân chủ trong thời kỳ đầu là các tầng lớp tiêu tư sản, trí thức, trung lưu và một bộ phận trong giai cấp công nhân - những người công nhân quý tộc. Ngày nay cơ sở ấy được mở rộng đến số đông những người hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, những người lao động có thu nhập cao.

Về chính trị, các đảng xã hội - dân chủ có khuynh hướng thoả hiệp giai cấp, hy sinh lợi ích căn bản của giai cấp công nhân, từ bỏ đấu tranh cách mạng vì sự nghiệp giải phóng những người lao động thoát khỏi ách áp bức bóc lột. Khẩu hiệu của Đảng Xã hội - Dân chủ là "Phong trào là tất cả, mục đích chỉ là con số 0".

Những người xã hội - dân chủ, tuy không công khai tuyên bố từ bỏ chủ nghĩa xã hội, nhưng họ luôn giữ lập trường đối lập gay gắt với những người cộng sản. Tư tưởng tuyệt đối hoá con đường nghị trường, cải lương để đi tới chủ nghĩa xã hội, về thực chất là phủ nhận quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác, là phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Cương lĩnh của Đảng Xã hội - Dân chủ Đức

cho rằng, cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, mâu thuẫn giai cấp trong xã hội tư bản sẽ dần dần mất đi, và với sự xuất hiện những hiện tượng mới trong sự phát triển của xã hội tư bản, người ta có thể thực hiện được từng phần của chủ nghĩa xã hội. Bécxanh khẳng định, chủ nghĩa Mác đã lạc hậu và không chịu đựng nổi sự thử thách của thời gian, do đó cần phải được xét lại.

Phù nhện con đường cách mạng tự giải phóng của giai cấp vô sản, quan điểm của những người xã hội - dân chủ đã cường điệu hoá vai trò của hoạt động công đoàn, thông qua đó có thể từng bước đi đến cải thiện hoàn toàn giai cấp công nhân.

Những quan điểm trên của Đảng Xã hội - Dân chủ Đức được một số lực lượng trong Đảng Xã hội - Dân chủ Pháp, Nga bênh vực và ủng hộ. Phái kinh tế ở Nga đã lấy bối cảnh là hình thức duy nhất cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, còn đấu tranh chính trị, theo họ là công việc của giai cấp tư sản tự do. Phái “Khả năng” và “Hiệp hội xã hội chủ nghĩa” ở Pháp đồng tình ủng hộ quan điểm của Đảng Xã hội - Dân chủ Đức. Nhiều đảng xã hội - dân chủ khác trên thế giới đã góp phần tuyên truyền những quan điểm của Látzan và Bécxanh.

2. Lịch sử phát triển trào lưu xã hội - dân chủ

Trào lưu xã hội - dân chủ đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển, mỗi giai đoạn lại có những đặc điểm khác nhau nhất định.

a. Giai đoạn từ 1875 đến 1923

Đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới trong thời kỳ này là chủ nghĩa tư bản đang chuyển mạnh từ giai đoạn tự do cạnh

tranh sang độc quyền đế quốc chủ nghĩa. Đứng trước bối cảnh lịch sử ấy, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống chủ nghĩa tư bản ngày một dâng cao. Công xã Pari năm 1871 và cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) là những sự kiện chính trị nổi bật của thời kỳ lịch sử này. Trong bối cảnh lịch sử đó, lực lượng xã hội - dân chủ chia thành hai khuynh hướng tư tưởng chủ yếu: khuynh hướng cách mạng bạo lực và khuynh hướng tiến hoá cải lương, nghị trường.

Đối với trào lưu xã hội - dân chủ, đặc điểm cơ bản của thời kỳ này là từ chỗ xuất hiện đảng xã hội - dân chủ đầu tiên là Đảng Xã hội - Dân chủ Đức năm 1875 đến việc xuất hiện tổ chức quốc tế đầu tiên của trào lưu xã hội - dân chủ là Quốc tế công nhân xã hội chủ nghĩa năm 1923.

Các đảng xã hội - dân chủ ra đời là do nhu cầu của phong trào công nhân và nhân dân lao động đấu tranh chống xã hội tư bản. Bởi vậy, thời kỳ đầu, nhiều đảng xã hội - dân chủ có tinh thần đấu tranh cách mạng cao và có mối quan hệ gắn bó với chủ nghĩa Mác.

Sự phân liệt của Quốc tế II trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất làm cho những người cộng sản và những người xã hội - dân chủ tách ra thành hai trào lưu riêng rẽ và đối lập với nhau. Đa số các đảng xã hội - dân chủ ở châu Âu có lập trường dân tộc tư sản bày tỏ thái độ ủng hộ chính phủ tư bản nước mình theo đuổi cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất. Họ muốn nước mình chiến thắng trong cuộc chiến tranh này. Chính sự khác biệt sâu sắc ấy dẫn đến sự phâ sản của Quốc tế II.

Quốc tế công nhân xã hội chủ nghĩa đánh dấu bước chuyển mới về chất của trào lưu xã hội - dân chủ.

b. Giai đoạn từ 1923 đến 1970

Đặc điểm nổi bật về tình hình thế giới trong thời kỳ này là cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản từ năm 1929 đến năm 1933. Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra hết sức quyết liệt, phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động diễn ra rộng khắp. Điều đó dẫn đến cách mạng thắng lợi ở nhiều nơi, chủ nghĩa xã hội từ một nước trở thành một hệ thống thế giới hùng mạnh. Phong trào giải phóng dân tộc và phong trào công nhân ở các nước tư bản diễn ra hết sức mạnh mẽ đã hình thành ba dòng thác cách mạng của thời đại. Chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là Mỹ, đã phát động cuộc Chiến tranh lạnh gây ra bầu không khí căng thẳng trong đời sống quan hệ quốc tế. Hoàn cảnh lịch sử ấy đã tác động mạnh mẽ đến lập trường quan điểm, tư tưởng, con đường và phương pháp hoạt động của trào lưu xã hội - dân chủ.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ từ năm 1939 đến năm 1945, là thời kỳ rất khó khăn của các đảng xã hội - dân chủ. Quốc tế công nhân xã hội chủ nghĩa đã giải thể.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trào lưu xã hội - dân chủ được phục hồi và phát triển. Tháng 7-1951, tại Phrăngphuốc, phong trào xã hội dân chủ đã thành lập lại tổ chức Quốc tế của mình, lấy tên là Quốc tế xã hội chủ nghĩa. Với Cương lĩnh mới, trào lưu xã hội - dân chủ đã từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, tuyên bố trung lập về thế giới quan, đề xuất con đường thứ ba không phải là chủ nghĩa tư bản, cũng không phải là chủ nghĩa

xã hội. Đa số các đảng xã hội - dân chủ bày tỏ thái độ đối đầu gay gắt với trào lưu cộng sản. Chống Liên Xô, chống chủ nghĩa xã hội hiện thực, chống cộng sản là một nét đặc trưng trong thời kỳ này của trào lưu xã hội - dân chủ.

c. Giai đoạn từ năm 1970 đến nay

Đặc điểm tình hình thế giới trong giai đoạn này là cuộc cách mạng khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ, chủ nghĩa tư bản nắm và sử dụng được nhiều thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến nên đã có những bước điều chỉnh và phát triển cao. Xu thế khu vực hoá, quốc tế hoá đời sống quan hệ quốc tế ngày một tăng nhanh. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam có tiếng vang và ảnh hưởng quốc tế sâu rộng.

Các nước xã hội chủ nghĩa từng bước lâm vào khủng hoảng sâu sắc và tìm kiếm con đường khắc phục bằng cải cách mở cửa, cải tổ, đổi mới. Quá trình này đưa lại những kết quả ở các nước khác nhau. Sự kiện Liên Xô tan rã, Đông Âu xã hội chủ nghĩa sụp đổ, Chiến tranh lạnh kết thúc, cùng với những đặc điểm tình hình thế giới nêu trên đã tác động tới quan điểm, tư tưởng, chủ trương, phương pháp của tất cả các đảng phái chính trị trên thế giới, trong đó có trào lưu xã hội - dân chủ.

Giai đoạn này, trào lưu xã hội - dân chủ có bước phát triển mạnh mẽ. Nhiều đảng xã hội - dân chủ có uy tín cao trong đời sống chính trị. Tổ chức Quốc tế xã hội ngày càng được củng cố và mở rộng. Quốc tế xã hội là một tổ chức quốc tế của các đảng phái chính trị lớn nhất thế giới hiện nay. Phong trào xã hội - dân chủ mở rộng ra khắp các châu lục trên thế giới. Ngày

càng có nhiều đảng xã hội - dân chủ được thành lập và xin gia nhập Quốc tế xã hội.

Trào lưu xã hội - dân chủ quốc tế có những bước đi điều chỉnh đáng lưu ý như: từ chống chủ nghĩa Mác-Lênin sang nghiên cứu tìm hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin; từ chống chủ nghĩa xã hội hiện thực, chống cộng sản sang cải thiện quan hệ với các đảng cộng sản. Trào lưu xã hội - dân chủ đã có nhiều đóng góp vào cuộc đấu tranh giải quyết những vấn đề toàn cầu. Với uy tín của mình, nhiều đảng xã hội - dân chủ đã trở thành đảng cầm quyền hoặc tham gia chính phủ liên hiệp, hoặc là đảng đối lập lớn trong xã hội. Tất cả những điều đó nói lên bước phát triển mới của trào lưu xã hội - dân chủ quốc tế.

II. BẢN CHẤT CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DÂN CHỦ

1. Quan điểm lý luận chính trị

Các nhà lý luận xã hội - dân chủ thường đề cao những giá trị đạo đức tách khỏi những quan hệ kinh tế - xã hội cụ thể của con người. Họ cho rằng lịch sử không có quy luật mà chỉ có xu hướng chung, không có đột biến nhảy vọt mà chỉ có tiến hóa dần dần các giá trị đạo đức, văn hoá và pháp lý đã hình thành trong lịch sử. Theo Bécxtanh, dân chủ như là một hiện tượng duy lý, tiên nghiệm ngoài lịch sử và phi giai cấp. Đó như là một trạng thái của xã hội mà ở đó không có giai cấp nào có đặc quyền, đặc lợi cả.

Quan điểm cơ bản mang tính chất xuất phát và nền tảng của trào lưu xã hội - dân chủ là trong điều kiện của xã hội tư bản chủ nghĩa, có thể đấu tranh xây dựng được một nền dân

chủ vô hạn (thuần khiết) cho mọi người, mọi giai cấp và toàn xã hội. Quan niệm dân chủ chung chung phi giai cấp đã được tuyệt đối hoá và không phản ánh thực tế đời sống kinh tế, chính trị trong xã hội. Đây là quan điểm khác nhau rất căn bản giữa những người xã hội - dân chủ với những người cộng sản.

Từ quan điểm trên, các đảng xã hội - dân chủ đều ca ngợi và kiên định đường lối đa nguyên về chính trị. Họ tuyên bố không lấy một học thuyết nào làm hệ tư tưởng chính trị, trung lập về thế giới quan, đa đảng trong xã hội. Theo họ, như vậy mới bảo đảm dân chủ. Các đảng xã hội - dân chủ tuyên bố luôn đề ngò về quan điểm tư tưởng chính trị.

Hiện nay, các đảng xã hội - dân chủ cho rằng lý luận về giai cấp và đấu tranh giai cấp của chủ nghĩa Mác-Lênin đã trở nên lỗi thời và lạc hậu. Họ cho rằng, với sự vận động phát triển của chủ nghĩa tư bản, địa vị con người đã dần dần thay đổi, không nên đấu tranh xoá bỏ chủ nghĩa tư bản mà chỉ đấu tranh cải biến xã hội tư bản. Thực chất, những người xã hội - dân chủ từ bỏ đấu tranh giai cấp, cách mạng xã hội và đi vào tuyên truyền con đường nghị viện dân chủ (con đường dân chủ). Họ tuyên truyền tư tưởng: mọi người hãy nhìn nhận và đối xử với nhau một cách bình đẳng, là bạn đường xã hội, đồng công dân với nhau. Trong điều kiện xã hội tư bản mà hạ thấp và phủ nhận quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp là một sai lầm lớn của trào lưu xã hội - dân chủ. Với quan điểm tư tưởng lý luận ấy, các đảng xã hội - dân chủ đã phê phán chủ nghĩa tư bản và phê phán chủ

nghĩa xã hội của những người cộng sản. Họ tuyên bố xây dựng chủ nghĩa xã hội dân chủ.

Một trong những nét tiêu biểu về tư tưởng chính trị của trào lưu xã hội - dân chủ là tư tưởng cải lương. Phương hướng hoạt động chính trị của họ là đi vào cải biến chứ không xoá bỏ chủ nghĩa tư bản. Nhiều đảng xã hội - dân chủ đã cầm quyền, nhưng ở những nơi đó chủ nghĩa tư bản không mất đi. Điều này cho thấy, bản chất chính trị của trào lưu xã hội - dân chủ là cộng sinh với chủ nghĩa tư bản.

2. Quan điểm về kinh tế

Các đảng xã hội - dân chủ phê phán chế độ kinh tế công hữu về tư liệu sản xuất của những người cộng sản. Họ chủ trương xây dựng một nền kinh tế thị trường xã hội với hình thức sở hữu hỗn hợp. Tuy nhiên, thực chất họ đề cao và khuyến khích tự do phát triển kinh tế tư nhân.

Phương hướng hoạt động kinh tế của các đảng xã hội - dân chủ là đấu tranh cải biến quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trong đó họ chú ý cải biến công tác tổ chức quản lý điều hành kinh tế. Để khắc phục những mặt trái của nền kinh tế thị trường, những người xã hội - dân chủ đều cho rằng cần thiết phải tăng cường vai trò điều tiết can thiệp của nhà nước, khuyến khích cạnh tranh và chống độc quyền. Nhà nước sử dụng các chính sách kinh tế để điều tiết nền kinh tế xã hội.

Ngày nay, xu thế toàn cầu hoá về kinh tế phát triển mạnh mẽ, các đảng xã hội - dân chủ cho rằng cần thiết phải có một

cơ chế siêu quốc gia để điều hành. Họ đánh giá cao vai trò của Liên hợp quốc.

Trong điều kiện lịch sử hiện nay, những quan điểm về kinh tế của trào lưu xã hội - dân chủ có những yếu tố tích cực nhất định. Tuy nhiên, việc đề cao và tuyệt đối hoá hình thức sở hữu hỗn hợp, khuyến khích tự do phát triển kinh tế tư nhân sẽ tắt yếu không giải phóng được người lao động thoát khỏi bị áp bức bóc lột, không thực hiện được quyền bình đẳng và xoá bỏ hố ngăn cách giàu nghèo trong xã hội.

3. Quan điểm về văn hoá - xã hội

Trào lưu xã hội - dân chủ thường xuyên nói tới những giá trị chung của con người, của nhân loại như tự do, dân chủ, bình đẳng, bác ái. Họ coi đó là cái đích hướng tới của các đảng xã hội - dân chủ. Đại hội XVIII Quốc tế xã hội năm 1989 đã đưa thêm vào hệ thống giá trị của mình những nội dung: hòa bình, hoà hợp và sinh thái.

Theo các nhà xã hội - dân chủ, nguồn gốc các giá trị có từ lịch sử nhân loại, là khát vọng của con người qua nhiều thời đại, là kinh nghiệm mà trào lưu xã hội - dân chủ cần tiếp nhận và hướng tới. Các giá trị không phải là sản phẩm của một hệ thống tư tưởng nào, cũng không phải ra đời và tồn tại ở một thời kỳ lịch sử nhất định nào. Nó đã và sẽ tồn tại với nhân loại.

Trào lưu xã hội - dân chủ nhấn mạnh các giá trị văn hoá trên có quan hệ phụ thuộc làm tiền đề cho nhau. Nó được mở rộng ra ngoài khuôn khổ quan hệ của một quốc gia, một dân

tộc và trở thành các giá trị toàn cầu. Các giá trị sẽ là cơ sở cho một nền dân chủ vô hạn.

Trào lưu xã hội - dân chủ có nhiều quan điểm chủ trương giải quyết những vấn đề xã hội. Khi ở vị trí cầm quyền hoặc vị trí đảng đối lập trong xã hội tư bản, các đảng xã hội - dân chủ đã chú ý đến vấn đề điều tiết xã hội, thực hiện các chính sách lao động, tiền lương, bảo hiểm, trợ cấp thất nghiệp, tuổi già và các rủi ro khác. Chính những việc làm ấy góp phần cải thiện nhất định đời sống người lao động. Do vậy, họ được quần chúng tín nhiệm.

Nghị quyết Đại hội XX (1996) của Quốc tế xã hội đã chủ trương phải tìm cách sống mới bền vững về mặt xã hội. Họ nêu ra những phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Chống phân biệt đối xử với phụ nữ, những người mắc bệnh hiểm nghèo, xoá bỏ án tử hình.
- Phát triển văn hóa, giáo dục, xoá nạn mù chữ.
- Thực hiện quyền bình đẳng dân tộc thiểu số, chống phân biệt chủng tộc, chống chủ nghĩa phát xít.
- Xoá bỏ hố ngăn cách giàu - nghèo.
- Xoá bỏ tình trạng thất nghiệp, nghèo đói, bệnh tật và những bất công trong xã hội.

Những định hướng giải quyết các vấn đề xã hội như trên là có tính tích cực nhất định. Tuy nhiên, các quan điểm lý luận chính trị và quan điểm kinh tế của trào lưu xã hội - dân chủ đã hạn chế và không cho phép họ thực hiện được những vấn đề văn hóa - xã hội ấy. Thực chất những quan điểm về văn hóa -

xã hội của trào lưu xã hội - dân chủ là chịu ảnh hưởng của quan điểm tư sản và tiêu tư sản.

III. MỐI QUAN HỆ GIỮA NHỮNG NGƯỜI CỘNG SẢN VÀ XÃ HỘI - DÂN CHỦ

1. Xu hướng xích lại gần nhau giữa những người cộng sản và xã hội - dân chủ

Mặc dù có sự khác biệt và đối lập giữa hai trào lưu: phong trào xã hội - dân chủ và phong trào cộng sản, song vai trò ảnh hưởng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đối với tiến trình cách mạng thế giới vẫn không ngừng phát triển.

Thực tiễn cách mạng và sự đòi hỏi phải thống nhất phong trào công nhân và lao động chống chủ nghĩa tư bản đã quyết định xu hướng xích lại gần nhau giữa những người cộng sản và xã hội - dân chủ.

Những người cộng sản chủ trương quan hệ với các đảng xã hội - dân chủ nhằm tập hợp lực lượng chống chủ nghĩa đế quốc. Trong quá trình ấy, phải giữ vững nguyên tắc vừa hợp tác vừa đấu tranh, chống thoả hiệp vô nguyên tắc làm suy yếu đảng cộng sản.

Lịch sử đã chứng kiến quan hệ phức tạp giữa những người cộng sản và xã hội - dân chủ, có những lúc họ quan hệ được với nhau, có những lúc chống đối nhau, thậm chí còn coi nhau là kẻ thù phải đấu tranh tiêu diệt. Thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất và những năm 50, 60 của thế kỷ XX, trong bối cảnh Chiến tranh lạnh, quan hệ giữa những người cộng sản và xã hội - dân chủ là hết sức căng thẳng.

Từ những năm 70 của thế kỷ XX trở lại đây, quan hệ giữa những người cộng sản và xã hội - dân chủ được cải thiện và phát triển. Nguyên nhân cơ bản làm xuất hiện xu hướng xích lại gần nhau giữa hai trào lưu đó là:

- Giai cấp công nhân và nhân dân lao động vốn có nguyện vọng và lợi ích chung, không phân biệt dân tộc, chính kiến, mong muốn thống nhất lực lượng, đoàn kết đấu tranh giải phóng người lao động.

- Từ phía những người xã hội - dân chủ và những người cộng sản đều có sự xem xét điều chỉnh lại mình. Những tiếng nói và khẩu hiệu giống nhau ngày một tăng lên. Trong nội bộ các đảng xã hội - dân chủ xuất hiện quá trình đấu tranh và phân hoá thành lực lượng tả và hữu. Những lực lượng thiên tả thường có thái độ thiện chí hợp tác với các đảng cộng sản đấu tranh vì hòa bình, dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội. Các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản nhận rõ những sai lầm của mình, kiên quyết đi vào cải cách mở cửa, cải tổ và đổi mới. Các đảng cộng sản đã cố gắng cải thiện quan hệ tăng cường hiểu biết lẫn nhau, tìm kiếm những giải pháp hành động chung với những người xã hội - dân chủ.

- Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão, cùng với các yếu tố kinh tế, chính trị xã hội khác đã thúc đẩy quá trình khu vực hoá, quốc tế hoá đời sống quan hệ quốc tế. Nhiều vấn đề toàn cầu đang đặt ra một cách cấp bách trong đời sống chính trị thế giới. Nó đã đòi hỏi những người cộng sản và xã hội - dân chủ cùng phối hợp hành động với toàn nhân loại để giải quyết.

Để thúc đẩy quá trình phát triển quan hệ giữa những người cộng sản và xã hội - dân chủ, nhiệm vụ đặt ra đối với những người cộng sản là phải tiến hành nghiên cứu sâu sắc về các đảng xã hội - dân chủ và tổ chức quốc tế của nó, phải xác định được nội dung và hình thức cụ thể cho những mối quan hệ giữa các đảng.

Mỗi quan hệ giữa những người cộng sản và xã hội - dân chủ đã được cải thiện một bước rõ nét. Tuy nhiên, không thể không thấy rằng, giữa các đảng cộng sản và đảng xã hội - dân chủ vẫn còn nhiều vấn đề khác nhau về hệ tư tưởng, quan điểm lý luận chính trị, về phương pháp tiếp cận và con đường, biện pháp giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn.

2. Quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và trào lưu xã hội - dân chủ

Từ những năm 70 của thế kỷ XX trở về trước, trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể, Đảng Cộng sản Việt Nam chưa đặt quan hệ chính thức với một đảng xã hội - dân chủ nào. Tuy nhiên, khi chúng ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đã nhận được sự đồng tình ủng hộ về vật chất và tinh thần của nhiều đảng xã hội - dân chủ trên thế giới.

Tiến hành sự nghiệp đổi mới từ Đại hội VI của Đảng (1986), về mặt đối ngoại, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, theo tinh thần đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trên thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Chúng ta đã tích cực triển khai hoạt động đối ngoại về Đảng. Đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam có quan hệ với khoảng 200 đảng và tổ chức chính trị trên thế giới, trong đó có một số đảng xã hội - dân chủ.

Trong Văn kiện Đại hội VII, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tuyên bố “sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng xã hội - dân chủ, các phong trào dân chủ và tiến bộ trên thế giới”⁽¹⁾.

Về chính sách đối ngoại, tại Đại hội VIII, Đảng ta nêu rõ nhiệm vụ: “Phát triển quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, độc lập dân tộc và tiến bộ, mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền và các đảng khác”⁽²⁾.

Đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thiết lập quan hệ chính thức với một số đảng xã hội - dân chủ trên thế giới như Đảng Xã hội Pháp; Đảng Xã hội - Dân chủ Đức; Đảng Xã hội - Dân chủ Thụy Điển; Đảng Xã hội chủ nghĩa Thụy Sĩ; Đảng Xã hội chủ nghĩa Tây Ban Nha; Công Đảng Ôxtraysia; Công Đảng Niu Dilân v.v.. Nội dung hoạt động chủ yếu trong quan hệ giữa Đảng ta với các đảng xã hội - dân chủ là tổ chức trao đổi giữa các đoàn đại biểu cấp cao, tiếp xúc trao đổi những ý kiến mà hai bên cùng quan tâm. Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức nhiều đoàn đi thăm các đảng xã hội - dân chủ. Ngược lại, nhiều đảng xã hội - dân chủ đã cử các đoàn sang thăm và làm việc tại Việt Nam.

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, H. 1991, tr.89.

⁽²⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, H. 1996, tr.121.

Việc mở rộng quan hệ đối ngoại giữa Đảng ta với các đảng xã hội - dân chủ đã góp phần thực hiện chính sách đối ngoại đổi mới của Việt Nam trong thời gian vừa qua. Nó đã có tác động thúc đẩy phát triển quan hệ về nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Chương 10

PHONG TRÀO CỘNG SẢN QUỐC TẾ TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN NAY

I. QUÁ TRÌNH VẬN ĐỘNG CỦA PHONG TRÀO CỘNG SẢN QUỐC TẾ TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI ĐẾN CUỐI NĂM 1991

1. Phong trào cộng sản quốc tế - lực lượng chính trị tiên phong của cách mạng thế giới

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến khi Liên Xô tan rã, phong trào cộng sản quốc tế có những bước phát triển vượt bậc, trở thành một trong những lực lượng chính trị - tư tưởng có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất trên thế giới. Với tư cách một lực lượng chính trị, phong trào được cấu thành bởi ba đội ngũ: các quốc gia xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản ở các nước tư bản phát triển và các đảng cộng sản ở các nước đang phát triển Á - Phi - Mỹ Latinh. Nền tảng tư tưởng của phong trào là chủ nghĩa Mác-Lênin, một khoa học của cách mạng giải phóng giai cấp vô sản và kết tinh của trí tuệ loài người.

Tính đến đầu thập niên 60 của thế kỷ XX, toàn thế giới có 81 đảng cộng sản với 57 triệu đảng viên, trong đó có 13 đảng trực tiếp lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ

nghĩa. Đến cuối thập niên 80, phong trào cộng sản quốc tế có đội ngũ thực sự hùng hậu: hơn 130 đảng và 89 triệu đảng viên hoạt động ở 95 quốc gia, trong đó có 16 quốc gia xã hội chủ nghĩa.

Từ sau năm 1945 đến cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 là thời kỳ Chiến tranh lạnh và đối đầu Đông - Tây gay gắt, quyết liệt. Trong bối cảnh đó, phong trào cộng sản quốc tế có nhiều nỗ lực xây dựng và củng cố sức mạnh hệ thống, đã tồn tại và hoạt động theo đúng nghĩa là một phong trào hiện thực. Sự đoàn kết, thống nhất và sức mạnh hệ thống của phong trào được xác lập và phản ánh thông qua hoạt động của Cục Thông tin quốc tế (1947-1956); các hội nghị quốc tế và khu vực; và Tạp chí *Những vấn đề của hòa bình và chủ nghĩa xã hội* (1958-1989).

Sau khi Cục Thông tin quốc tế chấm dứt hoạt động (tháng 4-1956), phong trào cộng sản quốc tế đã xác lập được cơ chế, hình thức đoàn kết, thống nhất rộng lớn hơn. Đó là các hội nghị quốc tế các năm 1957, 1960, 1969. Hội nghị đại biểu của 64 đảng cộng sản và công nhân trên thế giới được tổ chức tại Mátxcơva từ ngày 16 đến ngày 19-11-1957. Hội nghị hoàn toàn tán thành Tuyên bố chung của Hội nghị đại biểu 12 đảng cộng sản và công nhân của các nước xã hội chủ nghĩa họp một tháng trước đó, coi đây là văn kiện chỉ đạo có tính cương lĩnh của toàn bộ phong trào cộng sản quốc tế. Đến tháng 11-1960, Hội nghị đại biểu 81 đảng cộng sản và công nhân lại được tổ chức tại Mátxcơva, vạch ra những luận điểm cơ bản về thời đại ngày nay, xác định những nhiệm vụ cấp bách của những người cộng sản và tổng kết các kinh nghiệm mang tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tháng 6-1969, Hội nghị đại biểu 75 đảng cộng sản và công nhân một lần nữa được tổ

chức tại Mátxcova. Hội nghị đã thông qua văn kiện: *Nhiệm vụ đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn hiện nay và sự thống nhất hành động của các đảng cộng sản, công nhân và tất cả các lực lượng chống đế quốc*. Những năm tiếp theo, các hội nghị khu vực và các hội nghị lý luận quốc tế của phong trào cộng sản liên tục được tiến hành: Hội nghị đảng cộng sản các nước Mỹ latin - Caribê (La Habana, tháng 6-1975), Hội nghị Béclin của các đảng cộng sản và công nhân châu Âu (tháng 6-1976), Hội nghị các đảng cộng sản châu Á (Ulan Bato, 1978), Hội nghị lý luận quốc tế “Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội cộng sản và sự phát triển thế giới” (Xôphia, 1978), Hội nghị khoa học quốc tế: “Các Mác và thời đại ngày nay - cuộc đấu tranh cho hòa bình và tiến bộ xã hội” (Béclin, 1983) v.v.. Thông qua các hội nghị quốc tế và các cuộc gặp gỡ nhiều bên, phong trào cộng sản quốc tế tự khẳng định là một lực lượng có tổ chức, quyết tâm phối hợp hành động, đoàn kết và thống nhất trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu trước mắt và lâu dài của giai cấp vô sản toàn thế giới.

Với sức mạnh của một lực lượng có tổ chức trên toàn thế giới, phong trào cộng sản quốc tế từ sau năm 1945 đến đầu thập niên 90 đã có công hiến lớn lao và vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng đối với tiến trình lịch sử. Trước hết, đó là sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới và chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Kết cục của Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945) tạo ra thời cơ cho hàng loạt các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa giành thắng lợi, khai sinh ra những quốc gia xã hội chủ nghĩa: Việt Nam tháng 9-1945, các nước Đông Âu, Trung Quốc, Bắc Triều Tiên từ năm 1947 đến năm 1949 và Cuba đầu năm 1959.

Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới là con đẻ và lực lượng nòng cốt nhất của phong trào cộng sản quốc tế, đã có vai trò mở rộng chủ nghĩa xã hội từ một nước thành lực lượng thế giới hùng hậu với 15 nước, chiếm 26% diện tích và 30% dân số toàn cầu, có thực lực quân sự, kinh tế đủ mạnh để đối trọng một cách hữu hiệu với chủ nghĩa tư bản đế quốc.

Các nước xã hội chủ nghĩa thực hiện mục tiêu chiến lược hàng đầu của giai cấp công nhân và đội ngũ cộng sản quốc tế là lật đổ chế độ bóc lột để xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới, khẳng định một lần nữa tính hiện thực của tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Hàng tỉ nhân dân lao động đã được giải phóng, trở thành những người làm chủ quá trình xây dựng chế độ xã hội không còn bóc lột lao động và nô dịch chính trị.

Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa đã chấm dứt thời đại và trật tự thế giới độc tôn của chủ nghĩa tư bản. Nếu cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 là sự kiện mở đầu thời đại mới, thì sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới khẳng định nội dung quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Lần đầu tiên sau hàng thế kỷ ra đời và phát triển, chủ nghĩa tư bản phải đổi mới với một thực thể đổi mới có quy mô thế giới: đó là hệ thống xã hội chủ nghĩa. Sự thành lập và hoạt động của Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV, 1949), của Tổ chức Hiệp ước Vácxava (1955) và thế cân bằng quân sự - chiến lược đạt được giữa thập niên 70 v.v. phản ánh sức mạnh hùng hậu của chủ nghĩa xã hội hiện thực, đã ngăn chặn hoặc làm thất bại nhiều cuộc phiêu lưu quân sự, chính trị, kinh tế của chủ nghĩa đế quốc. Ngày nay, khi đè cập đến những chuẩn

giá trị của nền văn hóa chính trị trong sinh hoạt quốc tế, cần phải khẳng định công lao đầu tiên thuộc về hệ thống xã hội chủ nghĩa, đã buộc thực dân đế quốc phải thừa nhận những nguyên tắc cơ bản là cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng chủ quyền quốc gia, bình đẳng, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Vai trò, vị trí và công hiến lịch sử to lớn thứ hai của phong trào cộng sản quốc tế sau năm 1945 là luôn luôn xung kích đi đầu, đồng thời là chỗ dựa vững chắc của phong trào giải phóng dân tộc.

Được sự chỉ đạo bởi tư tưởng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhiều đảng cộng sản ở các nước thuộc địa đã kịp thời chớp thời cơ để tập hợp, tổ chức và lãnh đạo quần chúng cách mạng nước mình vùng dậy lật đổ chính quyền thực dân phong kiến và thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa. Với các cuộc cách mạng điển hình như: Việt Nam tháng 8-1945, Trung Quốc tháng 10-1949, Cuba tháng 1-1959... phong trào cộng sản quốc tế đã tạo lập một xu hướng vận động của xã hội loài người trong thời đại ngày nay, đó là xu hướng kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội.

Phong trào giải phóng dân tộc là một trong những sự kiện chính trị trọng đại nhất thế kỷ XX, đặc biệt là từ năm 1945 trở đi. Ở nhiều nơi thuộc các châu lục Á, Phi và Mỹ Latinh, lá cờ đỏ của những người cộng sản đã hoặc là chiếm vị trí tiền phong lãnh đạo, hoặc là vị trí lực lượng nòng cốt của những quá trình cách mạng đánh đổ từng bộ phận để tiến tới đánh tan hoàn toàn các loại chủ nghĩa thực dân cũ và chủ nghĩa thực dân mới. Hàng trăm quốc gia độc lập có chủ quyền được thành

lập, tham gia vào đời sống quốc tế và góp phần làm thay đổi nền chính trị thế giới trong suốt thế kỷ XX vừa qua.

Vai trò, vị trí và công hiến lịch sử to lớn thứ ba của phong trào cộng sản quốc tế từ sau năm 1945 là đã góp phần quyết định vào cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới và cuộc đấu tranh vì tiến bộ xã hội nói chung.

Tình hình thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ hai đặt ra nhiều vấn đề mới và phức tạp cho cuộc đấu tranh bảo vệ hòa bình. Những người cộng sản đã kiên trì và chủ động tiến hành đấu tranh không chỉ nhằm đẩy lùi chiến tranh giữa hai hệ thống xã hội đối lập, hoặc để kéo dài thời gian cùng tồn tại hòa bình, mà còn nhằm loại bỏ hoàn toàn chiến tranh thế giới khỏi cuộc sống của xã hội loài người. Đây là sự phát triển quan trọng về nội dung của chính sách cùng tồn tại hòa bình đã từng được V.I. Lenin đưa ra từ những năm 1919-1920.

Nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình mà các nước xã hội chủ nghĩa và các đảng cộng sản trên thế giới kiên trì thực hiện từ sau năm 1945 đã thu được kết quả quan trọng vào đầu thập niên 70. Thế cân bằng quân sự - chiến lược đã được xác lập, các nước tư bản để quốc buộc phải áp dụng chính sách hoà dịu trong quan hệ quốc tế và các nước xã hội chủ nghĩa tích cực chủ động tiến thêm những bước mới trên con đường giải trừ vũ trang và xây dựng cơ chế an ninh quốc tế (Cương lĩnh hòa bình của Đại hội XXIV Đảng Cộng sản Liên Xô năm 1971, Hiệp ước phòng thủ chống tên lửa đạn đạo (1972), Định ước Henxinki tháng 8-1975, Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược SALT-2 tháng 6-1979). Những người cộng sản không chỉ sát cánh với các lực lượng hòa bình thế giới để ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, mà còn định hướng cho

phong trào hòa bình thế giới đấu tranh vì một nền hòa bình chân chính: hòa bình gắn với độc lập dân tộc; với dân chủ, công bằng và bình đẳng trong sinh hoạt quốc tế; với ổn định, hợp tác và phát triển của tất cả các nước.

Thế kỷ XX là thế kỷ của hàng loạt phong trào đấu tranh xã hội sôi động chống bóc lột lao động, chống tư bản lũng đoạn, chống chế độ độc tài, chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa Siôn, chủ nghĩa Apácthai. Phần lớn các đảng cộng sản ở các nước tư bản phát triển và các quốc gia đang phát triển đã nhạy bén điều chỉnh chiến lược, sách lược hướng cuộc đấu tranh của công nhân và các tầng lớp lao động khác vào các mục tiêu dân sinh, dân chủ, nhân phẩm, môi trường. Do vậy, chủ nghĩa tư bản đã bị lên án ngay ở các trung tâm, sào huyệt của chúng. Sự phản ứng điên cuồng của các chính quyền tư bản thông qua các đạo luật chống công nhân, công đoàn, chống cộng (Đạo luật Táp - Háclay, đạo luật Mắc Caran - Vút năm 1949, chủ nghĩa Mắc Cácthy năm 1950) và các chính sách khủng bố tàn khốc đối với các đảng cộng sản đã phản ánh sức công phá lợi hại của các cuộc đấu tranh xã hội do phong trào cộng sản lãnh đạo, định hướng. Dưới áp lực của các cuộc đấu tranh này và của một số nhân tố khác, chủ nghĩa tư bản hiện đại đã phải điều chỉnh nhiều chính sách kinh tế - xã hội, đem lại một số cải thiện đáng ghi nhận cho đời sống người lao động và cho bộ mặt xã hội tư bản nói chung.

Với ba cống hiến lịch sử rất to lớn nêu trên, phong trào cộng sản quốc tế trở thành lực lượng chính trị tiên phong của cách mạng thế giới, có ảnh hưởng sâu rộng, mạnh mẽ nhất và quyết định nhất đến xu hướng vận động của xã hội loài người từ sau năm 1945 đến cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX.

2. Một số mâu thuẫn và khủng hoảng của phong trào cộng sản quốc tế từ sau năm 1945 đến năm 1991

Trong thời gian gần nửa thế kỷ (1945-1991), phong trào cộng sản quốc tế cũng trải qua nhiều khó khăn, bị tổn thương bởi một số mâu thuẫn nội bộ phức tạp và các cuộc khủng hoảng.

Sự bất đồng quan điểm về các vấn đề quốc tế, về đường lối chiến lược, sách lược... đã làm cho một số đảng cộng sản mâu thuẫn với nhau ngay từ cuối thập niên 40 và ngày càng nghiêm trọng ở các thập niên tiếp theo. Tháng 2-1948, Đảng Cộng sản Nam Tư bị khai trừ khỏi Cục Thông tin quốc tế. Mâu thuẫn Liên Xô - Trung Quốc xuất hiện cuối thập niên 50 và bị đẩy tới xung đột quân sự năm 1969. Chủ nghĩa cơ hội (hữu khuynh và “tả” khuynh) và chủ nghĩa xét lại đã gây ra tổn thất nặng nề đến sự đoàn kết, thống nhất của phong trào cộng sản quốc tế.

Sự lục hậu về lý luận và đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội không phù hợp đã đẩy cách mạng xã hội chủ nghĩa và các đảng cộng sản ở một số nước vào khó khăn, khủng hoảng: Hungari năm 1956; Ba Lan năm 1956, 1970-1971; Tiệp Khắc năm 1968; Trung Quốc trong thời kỳ “Đại nhảy vọt” 1957-1960 và “Cách mạng văn hóa vô sản” 1966-1976; Liên Xô trong đường lối xây dựng chủ nghĩa cộng sản đầu thập niên 60 của Khorúttxốp và cuộc cải cách 1965-1969 của Côxơgin. Bên cạnh đó, phải kể đến sự sa sút về vai trò chính trị trong cách mạng giải phóng dân tộc của một số đảng cộng sản (như Đảng Tiền phong xã hội chủ nghĩa Angiêri) hoặc sự tan rã của phong trào cộng sản Nam Á, trong đó có Đảng Cộng sản Indônêxia với hơn 3 triệu đảng viên...

Ở các nước tư bản phát triển, nhiều đảng cộng sản không

năm bắt kịp thời những thay đổi trong xã hội dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, đồng thời không tính đến những biện pháp điều chỉnh, thích nghi của chủ nghĩa tư bản. Do vậy, họ không kịp thời chuyển hướng về đường lối chiến lược và sách lược đấu tranh; không thu hút được quần chúng và lúng túng trong hành động. Vào giữa thập niên 70, hàng chục đảng cộng sản ở Tây Âu, Bắc Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản, Ôxtrâylia... tuyên bố đi theo con đường “chủ nghĩa cộng sản châu Âu”: bác bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin, bài trừ mô hình Xôviết, đoạn tuyệt với con đường cách mạng bạo lực, chuyên chính vô sản...; đồng thời ủng hộ đa nguyên chính trị, đa nguyên kinh tế, tuyệt đối hoá con đường dân chủ, nghị trường, tiến hành liên minh chính trị vô nguyên tắc... Đời sống lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội nói riêng và của phong trào cộng sản quốc tế nói chung lâm vào tình trạng phân hoá, phân liệt đáng lo ngại.

Cuộc khủng hoảng nặng nề nhất của phong trào cộng sản quốc tế xảy ra vào cuối thập niên 80 của thế kỷ XX ngay ở bộ phận nòng cốt của phong trào là các nước xã hội chủ nghĩa. Do những sai lầm, hạn chế trong đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội chậm được phát hiện và chậm được sửa chữa, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, Liên Xô, châu Á và châu Mỹ đã rơi vào tình trạng trì trệ, suy thoái từ cuối thập niên 70, đầu thập niên 80, riêng Ba Lan thì bị khủng hoảng trầm trọng ngay từ đầu năm 1980. Đại hội XXVII Đảng Cộng sản Liên Xô năm 1986 vẫn thông qua cương lĩnh hoàn thiện chủ nghĩa xã hội phát triển và “chiến lược tăng tốc” nhằm đuổi kịp và vượt chủ nghĩa tư bản vào năm 2000. Đến Hội nghị Trung ương tháng 1-1987, Đảng Cộng sản Liên Xô mới chính thức tuyên bố đường lối cải tổ. Do chộp bu ban lãnh đạo Đảng

của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ngày càng trượt dài theo những sai lầm về chính trị, tư tưởng và tổ chức, công cuộc cải tổ bị biến thành quá trình tan rã, sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1989 đến cuối năm 1991, 10 quốc gia xã hội chủ nghĩa lần lượt chấm dứt sự tồn tại của mình sau trên dưới nửa thế kỷ hình thành và phát triển (Anh, Ba Lan, Bungari, Cộng hoà Dân chủ Đức, Rumani, Nam Tư, Tiệp Khắc, Hungari, Liên Xô và Mông Cổ). Với tồn tại vô cùng nặng nề này, toàn bộ phong trào cộng sản quốc tế bước vào những năm tháng khủng hoảng, khó khăn, thử thách khắc nghiệt nhất trong suốt lịch sử hàng thế kỷ của mình.

II. QUÁ TRÌNH PHỤC HỒI, CÙNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO CỘNG SẢN QUỐC TẾ TỪ ĐẦU THẬP NIÊN 90 ĐẾN NAY

1. Quá trình cải cách, đổi mới để bảo vệ, duy trì và phát triển chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa

Các nước xã hội chủ nghĩa (Trung Quốc, Việt Nam, Cuba, Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên và Lào trong những năm vừa qua đã kiên trì chủ nghĩa xã hội, cải cách và đổi mới đạt nhiều thành tựu quan trọng, góp phần hết sức quý báu vào cuộc đấu tranh nhằm bảo vệ, duy trì, củng cố và phát triển phong trào cộng sản, công nhân quốc tế trong thời điểm lịch sử mang tính bước ngoặt hiện nay.

Với tổng số xấp xỉ 64 triệu đảng viên, Đảng Cộng sản Trung Quốc duy trì và cải cách thành công chủ nghĩa xã hội ở quốc gia đứng đầu thế giới về dân số (1,2 tỷ người) và thứ ba về diện tích ($9,6$ triệu km 2). Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm, rút ra những bài học lịch sử, Đảng Cộng sản Trung Quốc tiếp

tục lãnh đạo toàn dân xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc. Đại hội XV (1997) khẳng định: Đảng Cộng sản Trung Quốc lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận Đặng Tiêu Bình làm kim chỉ nam cho hành động; đồng thời chi rõ Trung Quốc đang ở giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội. Công cuộc cải cách, mở cửa bắt đầu từ năm 1978 đã đem lại sức sống mới cho chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc trên cả hai bình diện lý luận và thực tiễn. Về mặt lý luận, hàng loạt vấn đề then chốt của chủ nghĩa Mác-Lênin đã được vận dụng sáng tạo, bổ sung, phát triển như kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa, thời đại và thời đại ngày nay, giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản và của chủ nghĩa xã hội v.v.. Về mặt thực tiễn, đất nước Trung Quốc ngày càng được khẳng định là cường quốc kinh tế, chính trị, quân sự trên thế giới, đời sống người lao động được cải thiện mọi mặt; xã hội ngày càng hiện đại; những ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa được đảm bảo ngày càng tốt hơn...; chủ nghĩa xã hội vẫn tiếp tục là một quá trình hiện thực đối với 1/5 dân số toàn cầu. Hơn nữa, Đảng và nhân dân Trung Quốc còn vạch ra mục tiêu xuyên thế kỷ XXI. Đó là: trong 10 năm đầu, phấn đấu tăng gấp đôi GDP so với năm 2000, làm cho đời sống nhân dân càng dư dật hơn, hình thành cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa tương đối hoàn thiện. Trong 10 năm tiếp theo, đến khi kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc (1920-2020), phấn đấu hoàn thiện thêm một bước nền kinh tế quốc dân và chế độ xã hội. Đến dịp kỷ niệm 100 năm Quốc khánh Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (1949-2049), cơ bản thực hiện hiện đại hóa xây dựng Trung Quốc thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới chủ nghĩa xã hội bắt đầu từ năm 1986. Giữa năm 1991, Đảng tổ chức Đại hội VII, thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược sử dụng và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000...* nhằm vượt qua khó khăn, thử thách, đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng. Sau Đại hội, xảy ra sự kiện Liên Xô tan rã (12-1991), sự khủng hoảng, thoái trào của phong trào cách mạng thế giới và chiến lược diễn biến hòa bình của chủ nghĩa đế quốc... Với bản lĩnh cộng sản và ý chí tiến công cách mạng, Đảng và nhân dân Việt Nam đã kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đã bảo vệ chủ nghĩa xã hội bằng phương thức hữu hiệu nhất là phát triển nó ngang tầm với đòi hỏi của dân tộc và của thời đại trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn. Công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII và Đại hội VIII đề ra đã được hoàn thành về cơ bản. Nước nhà đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn. Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Với tiền đề, cơ sở quý giá này, gần 3 triệu đảng viên và gần 80 triệu dân Việt Nam tích cực thực hiện thành công công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào năm 2020; kết hợp hai nhiệm vụ xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ

nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Thành tựu đổi mới chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam khẳng định tính hiện thực của chân lý độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay.

Cách mạng và chế độ xã hội chủ nghĩa của Cuba tiếp tục được bảo vệ, duy trì, củng cố và phát triển trong suốt gần một thập niên vô cùng khó khăn và đầy thử thách vừa qua. Lợi dụng tình thế do sự tan rã của Liên Xô gây ra, đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch khác ráo riết xiết chặt bao vây, cấm vận (Tôixenly năm 1993 và Hemxơ-Bócton năm 1996) hòng tiêu diệt chủ nghĩa xã hội ở hòn đảo anh hùng. Tháng 10-1991, Đại hội IV Đảng Cộng sản Cuba khẳng định mục tiêu cao cả nhất của sự nghiệp cách mạng là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cuba; đồng thời tuyên bố đất nước bước vào “thời kỳ đặc biệt” với hàng loạt chính sách, giải pháp kinh tế - xã hội cụ thể. Tuy Đảng có sự nhạy cảm chính trị và chủ động chiến lược cao, nhưng những khó khăn khách quan hết sức to lớn đã đẩy đất nước vào tình trạng khủng hoảng chậm cháy vào năm 1993. Cũng bắt đầu từ năm 1993 lịch sử, Đảng và Chính phủ Cuba tuyên bố chính sách cải cách đất nước. Từ đó đến nay, chủ nghĩa xã hội ở Cuba từng bước vượt qua nhiều thách thức lớn, kinh tế dần dần lấy lại đà tăng trưởng; ổn định chính trị và trật tự xã hội được đảm bảo; những ưu việt truyền thống (giáo dục, y tế, thể thao, khoa học - kỹ thuật...) được giữ vững; uy tín và ảnh hưởng của Cuba trên trường quốc tế được tăng cường. Tại Đại hội V (10-1997), 1.482 đại biểu thay mặt hơn 780.000 đảng viên cả nước khẳng định: “Ngày nay rõ ràng hơn bao giờ hết, cách mạng, Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội là một, là một thể thống nhất ở Cuba”. Sự trụ vững và phát triển của Cuba đã và

đang chứng minh cho toàn nhân loại giới hạn sức mạnh của chủ nghĩa đế quốc ngay ở thời kỳ hậu Liên Xô; đồng thời phản ánh sức sống của các giá trị chủ nghĩa xã hội trong bước vận động quanh co của lịch sử hiện nay.

Sự duy trì, củng cố và phát triển chủ nghĩa xã hội là thành tựu quan trọng hàng đầu của phong trào cộng sản quốc tế từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay. Thông qua cải cách, đổi mới, các đảng cộng sản và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa đã khẳng định chủ nghĩa Mác-Lênin là tư tưởng tiên bộ nhất của loài người trong thế giới hiện đại; đã năng động tìm kiếm nhiều con đường, mô hình chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của từng quốc gia; đã trở thành những chủ thể quan hệ quốc tế mà các lực lượng thù địch không thể bỏ qua; và đóng góp phần tích cực vào thực hiện những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

2. Quá trình phục hồi và củng cố của phong trào cộng sản ở khu vực Liên Xô trước đây và Đông Âu

Ở khu vực chịu nhiều tổn thất nặng nề nhất, phong trào cộng sản sớm bộc lộ những dấu hiệu phục hồi tương đối nhanh chóng về chính trị và tổ chức. Bộ phận những người cộng sản trung kiên ở từng nước tiếp tục hoạt động, bám sát cơ sở, vận động cán bộ, đảng viên khôi phục phong trào, khôi phục đảng cộng sản. Với tên gọi mới, nhiều đảng cộng sản đã tổ chức đại hội, thông qua cương lĩnh, điều lệ và đăng ký hoạt động hợp pháp.

Đảng Cộng sản Liên bang Nga (KPRF) được phục hồi tháng 2-1993 và tới nay đã tổ chức được 7 kỳ đại hội với

nhiều tiến bộ rõ rệt về mọi mặt. Từ 47/450 ghế tại Duma năm 1993, KPRF đã vươn lên thành đảng dẫn đầu với 158/450 ghế trong cuộc bầu cử năm 1995 và 142/450 ghế trong cuộc bầu cử năm 1999. Chủ tịch Đảng G. Duganôp giành được 30 triệu phiếu trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1996, chỉ đứng sau B. Enxin với sự cách biệt xít xao. Từ cuối năm 1996, nhiều đảng viên được bầu làm Tỉnh trưởng. Từ tháng 8-1998, KPRF được cử người tham gia Chính phủ của Thủ tướng Primacôp. Hiện nay, KPRF có 55 vạn đảng viên, trong đó 1/3 được kết nạp sau năm 1993 có cơ sở ở tất cả 89 tỉnh, thành, 2.000 huyện, thị và 24 nghìn cơ sở, trở thành đảng chính trị lớn nhất và cơ cấu chặt chẽ nhất trong tổng số 186 đảng phái chính trị ở Liên bang Nga. Với sự tham dự của 82 đoàn đại biểu quốc tế ở Đại hội IV (tháng 4-1997), KPRF khẳng định vị trí, vai trò và uy tín quốc tế cao của mình. Tháng 12-2000, KPRF tổ chức Đại hội VII thông qua văn kiện mang tính cương lĩnh - luận cương *Những nhiệm vụ mới của Đảng Cộng sản Liên bang Nga trong ba năm tới*. Cương lĩnh khẳng định mục tiêu chiến lược của Đảng vẫn là chính quyền nhân dân chân chính và chủ nghĩa xã hội.

Ngoài KPRF, phong trào cộng sản Nga còn có gần 10 đảng cộng sản khác như: Đảng Công nhân Cộng sản Nga với 5 vạn đảng viên; Đảng Xã hội chủ nghĩa của những người lao động, Đảng Cộng sản Bônsêvich Nga và một số tổ chức cộng sản khác. Nhìn chung, những người cộng sản Nga thống nhất với nhau trên những vấn đề cơ bản như trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin; cơ sở xã hội đều là các tầng lớp lao động, trước hết là công nhân, nông dân; thấy cần phải khôi phục

chính quyền Xôviết, xây dựng chủ nghĩa xã hội, phục hồi một nhà nước liên bang đổi mới và một đảng thống nhất.

Phong trào cộng sản Nga hiện nay đang gặp nhiều khó khăn, hạn chế. *Thứ nhất*, các đảng cộng sản hoạt động trong điều kiện không nắm chính quyền, chưa có đủ sự chủ động, linh hoạt trong đấu tranh chính trị. *Thứ hai*, các đảng chưa đi sâu vào quần chúng lao động, chưa nắm được giai cấp công nhân. Những cuộc đình công, bãi công lớn những năm vừa qua chủ yếu do các tổ chức công nhân độc lập tiến hành. Đảng chỉ có tổ chức ở các địa bàn cư trú, chưa được xác lập ở các nhà máy, xí nghiệp, cơ quan nhà nước... *Thứ ba*, các đảng chưa nắm được tầng lớp thanh niên, phần lớn đảng viên đều là những người cao tuổi, người nghỉ hưu, cựu chiến binh... *Thứ tư*, trong từng đảng và giữa các đảng chưa có sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và tổ chức, chưa hợp tác, phối hợp hành động, thậm chí còn phê phán lẫn nhau. *Thứ năm*, chính quyền, các lực lượng cánh hữu và các thế lực thù địch quốc tế thường xuyên chống phá một cách tinh vi, thâm độc.

Ở các nước khác thuộc Liên Xô trước đây và Đông Âu, phong trào cộng sản cũng được phục hồi và đạt một số tiến bộ. Đảng Cộng sản Tátdikítxtan đang nắm chính quyền. Đảng Cộng sản Ucraina được phục hồi tháng 6-1993, hiện có 14 vạn đảng viên sinh hoạt tại 670 tổ chức cơ sở đảng. Tại cuộc bầu cử Quốc hội tháng 4-1994, Đảng đã dẫn đầu với số ghế giành được là 91/404 ghế. Đến cuộc bầu cử Quốc hội cuối tháng 3-1998, Đảng được 123/450 ghế và giành thắng lợi ở 13/17 tỉnh trên toàn quốc. Đảng của những người cộng sản Bêlarút được phục hồi năm 1993, hiện có 16 vạn đảng viên và 59 đại biểu Quốc hội. Đến nay, Đảng đã tổ chức bốn kỳ đại hội và không

ngừng nâng cao uy tín trong đời sống chính trị đất nước. Đảng Xã hội chủ nghĩa Bungari có nguồn gốc từ Đảng Cộng sản Bungari trước kia, hiện có 25 vạn đảng viên sinh hoạt tại 10 nghìn tổ chức cơ sở đảng và là đảng chính trị lớn mạnh nhất trong cả nước. Từ năm 1990 đến nay, Đảng đã giành thắng lợi trong 2 kỳ bầu cử Quốc hội, đã cầm quyền trong 2 nhiệm kỳ và nay là đảng đối lập lớn nhất trong Quốc hội. Đảng Cộng sản Séc-Môrava được thành lập tháng 3-1990 từ nguồn gốc Đảng Cộng sản Tiệp Khắc trước đây. Hiện nay Đảng có 15 vạn đảng viên, có tổ chức chặt chẽ từ Trung ương tới địa phương với 7.500 tổ chức cơ sở. Trong các cuộc bầu cử Quốc hội tháng 6-1996 và tháng 6-1998, Đảng giành được số ghế lần lượt là 22/200 và 24/200, liên tục là đảng đối lập mạnh nhất trong Quốc hội. Liên đoàn các Đảng Cộng sản - Đảng Cộng sản Liên Xô với hơn 20 đảng thành viên đang hoạt động ở hầu khắp các quốc gia thuộc SNG.

3. Quá trình phục hồi và củng cố của phong trào cộng sản ở các nước tư bản phát triển

Sau thời gian phân liệt, phân hoá, phong trào cộng sản ở các nước tư bản phát triển đã bước vào quá trình phục hồi. Nhiều đảng kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, giữ vững lý tưởng cộng sản, điều chỉnh đường lối, chiến lược, sách lược và phương thức hoạt động, củng cố và mở rộng ảnh hưởng trong xã hội, tập hợp lực lượng đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc. Về đối nội, các đảng tập trung đấu tranh chống chính sách kinh tế - xã hội theo chủ nghĩa tự do mới, chống đại tư bản độc quyền... Về đối ngoại, các đảng ưu tiên đấu tranh chống chủ nghĩa cường quyền đế quốc trong sinh

hoạt quốc tế, chống nền ngoại giao “dân chủ, nhân quyền” của các nước phương Tây...; đồng thời tăng cường phối hợp với các lực lượng dân chủ, tiến bộ trên thế giới, đấu tranh thiết lập trật tự thế giới mới công bằng, bình đẳng, vì các mục tiêu của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Đảng Cộng sản Italia bị phân hoá nặng nề ngay từ đầu năm 1991: 2/3 số đảng viên muốn đổi tên Đảng, trong đó có nhiều người muốn Đảng biến thành một đảng cánh tả; 1/3 số đảng viên còn lại chủ trương giữ nguyên tên cũ, nhưng Đảng cần phải tiến hành một số điều chỉnh. Tại Đại hội XX (2-1991), Đảng Cộng sản Italia tuyên bố đổi tên thành Đảng Dân chủ cánh tả Italia. Một bộ phận tự tách ra khỏi Đảng và đến tháng 12-1991 tuyên bố thành lập Đảng Cộng sản Tái lập Italia (PCIR). Tháng 1-1994, PCIR tổ chức Đại hội II tại Rôma và bầu đồng chí A. Côxuta làm Chủ tịch Đảng. Trong cuộc bầu cử địa phương tháng 4-1995, PCIR giành được 8,4% số phiếu.

Đảng Cộng sản Pháp khẳng định tiếp tục đấu tranh cho “Một tương lai của chủ nghĩa xã hội”. Tại các đại hội vừa qua, Đảng luôn luôn nhấn mạnh kế thừa truyền thống liên minh với các lực lượng cánh tả để cõ lập giai cấp tư sản, đề cao “con đường dân chủ lên chủ nghĩa xã hội”; thay thế quan điểm “xoá bỏ chủ nghĩa tư bản” bằng quan điểm “vượt qua chủ nghĩa tư bản”... Trong cuộc bầu cử Tổng thống tháng 4-1995, Tổng Bí thư Rôbe Uy giành được 8,6% số phiếu, tức 2.600.000 cử tri, tăng 600.000 cử tri so với năm 1988. Vào dịp kỷ niệm 150 năm ngày ra đời *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (1848-1998), Đảng Cộng sản Pháp phối hợp với các nhà khoa học thuộc nhiều trường phái tư tưởng khác nhau đã thành lập Hiệp hội “toute quốc không gian Mác (ANEM) để kế tục công việc của

Viện Nghiên cứu mácxít (IRM). Đây không phải chỉ là sự thay đổi tên gọi, hoặc một sách lược có tính chất hình thức, mà là sự phản ánh nỗ lực đổi mới có ý thức của Đảng Cộng sản Pháp và các nhà khoa học mácxít ở Pháp trong quá trình khai thác và phát triển di sản lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin phục vụ sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Mọi hành động vì tương lai loài người đều là hành động trong không gian của Mác, của chủ nghĩa cộng sản.

Trong tổng số 12 nước Tây Bắc Âu, hiện nay có 10 đảng cộng sản có đại biểu tại Quốc hội, tức là giành được từ 5% số phiếu trở lên trong các cuộc bầu cử. Ở Thụy Điển, có ba đảng cộng sản, lớn nhất là Đảng cánh tả Thụy Điển, giành được 6% cử tri năm 1994. Đảng Cộng sản Phần Lan, với bề dày và uy tín chính trị suốt từ năm 1945 đến nay, đã giành được xấp xỉ 20% số phiếu trong các kỳ bầu cử Quốc hội trong những năm vừa qua.

Đảng Cộng sản Nhật Bản đã có lịch sử hơn 70 năm tồn tại và hoạt động. Sau những năm 1991-1994 của sự thoái trào, từ năm 1995 trở đi, Đảng bước vào quá trình hồi phục. Đại hội XX (1995) và Đại hội XXI (1997) đã vạch ra đường lối thực tế, kết hợp thực hiện ba nhiệm vụ là: mở rộng chính sách mặt trận, kiên trì chủ nghĩa cộng sản khoa học và tăng cường đấu tranh vì dân sinh, dân chủ. Tại cuộc bầu cử năm 1996, Đảng giành được 15 ghế (sau đó bầu bổ sung thành 26 ghế) trong tổng số 500 ghế Quốc hội, thu được 7,26 triệu cử tri (13,8%) và 95 ghế tại các hội đồng địa phương. Trong cuộc bầu cử Thượng viện tháng 7-1998, Đảng giành được 14/23 ghế, chiếm 2/6 chức chủ tịch các ủy ban của Thượng viện, có quyền đưa ra dự luật. Trong đợt bầu cử địa phương tháng 4-1999, Đảng giành thắng lợi lớn có tính bước ngoặt: 152 ghế ở các tỉnh

(tăng 54 ghế so với năm 1995) và 120 ghế ở các thành phố lớn (tăng 28 ghế so với năm 1995). Nguyên nhân hàng đầu dẫn đến thắng lợi này là do Đảng có đường lối đúng đắn phù hợp, biết tập trung đấu tranh chống các thế lực phản động, bảo vệ quyền lợi của nhân dân lao động, vì một nước Nhật Bản phát triển, biết đề xướng nhiều chính sách kinh tế - xã hội hợp lý, biết khai thác có hiệu quả nhiều yếu kém của các đảng cầm quyền... Với số lượng 360 nghìn đảng viên (1997) và cơ cấu tổ chức từ Trung ương xuống khắp 47 tỉnh cả nước, Đảng Cộng sản Nhật Bản đang tích cực tăng cường uy tín, đồng thời khắc phục những hạn chế và những vấn đề cơ bản, cấp bách trong công tác xây dựng Đảng. Đại hội XXII (tháng 11-2000) khẳng định tiếp tục đường lối do Đại hội XXI đã vạch ra, đồng thời nhấn mạnh Đảng Cộng sản Nhật Bản là chính đảng của giai cấp công nhân và nhân dân Nhật Bản, phấn đấu để có 500.000 đảng viên trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Những bước phục hồi và củng cố nền trên, tuy còn khiêm tốn và chưa đồng đều, nhưng đã duy trì phong trào cộng sản như một lực lượng chính trị - xã hội và tư tưởng quan trọng ngay ở các trung tâm tư bản chủ nghĩa. Nhiệm vụ chiến lược đặt ra cho phong trào hiện nay là mở một hướng đột phá đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản hiện đại và chủ nghĩa tư bản độc quyền toàn cầu để góp phần tạo động lực mới cho phong trào cách mạng thế giới.

4. Quá trình vận động, củng cố và phát triển của phong trào cộng sản ở các nước đang phát triển Á, Phi, Mỹ Latinh

Các đảng cộng sản ở các nước đang phát triển, tuy ra đời sớm và chiếm số lượng đông, nhưng ngay trong thời kỳ từ

năm 1945 đến cuối thập niên 80, phần lớn đều là các đảng không nắm chính quyền, nhiều đảng còn phải hoạt động bất hợp pháp và tất cả đều phải đối mặt với tình trạng kém phát triển về kinh tế - xã hội của đất nước. Khó khăn mang tính đặc thù này tăng theo cấp số nhân trong những năm đầu thập niên 90, khi phong trào cộng sản ở đó không còn Liên Xô làm chỗ dựa và hệ thống xã hội chủ nghĩa làm tấm gương hiện thực.

Ở nhiều nước Đông Nam Á, các đảng cộng sản bị đàn áp, phá hoại, hơn nữa lại bị tổn thương nặng nề bởi các căn bệnh cơ hội chủ nghĩa vừa hữu khuynh, vừa “tả” khuynh. Những năm đầu thập niên 90, nhiều đảng tự tan rã... Riêng Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, với hơn 92 nghìn đảng viên (1999), vẫn kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, lãnh đạo toàn dân cải cách kinh tế - xã hội, chuẩn bị tiền đề xây dựng chủ nghĩa xã hội. Qua các kỳ Đại hội V (1991) và Đại hội VI (1996), Đảng từng bước hoàn thiện đường lối kiến thiết tổ quốc trong điều kiện mới và đã đạt nhiều thành tựu có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình phục hồi, cung cấp và phát triển của phong trào cộng sản ở khu vực.

Ở khu vực Nam Á và Tây Nam Á, phong trào cộng sản được duy trì ở Ấn Độ và Nepal. Các Đảng Cộng sản Ấn Độ (CPI) và Đảng Cộng sản Ấn Độ Mácxit (CPI-M) vẫn là những đảng có uy tín trên chính trường và xã hội. Cả hai đảng đều tổ chức được các đại hội thường kỳ để đề ra đường lối, chủ trương, biện pháp, hình thức... đấu tranh cụ thể. Đảng Cộng sản Mácxit - Lêninist Thống nhất Nepal (UML) giành thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên ở vương quốc lâu đời này, tổ chức vào tháng 5-1994: được 90/205 ghế, so với 88 ghế của Đảng Quốc đại và 19 ghế của Đảng Dân tộc Dân chủ. Chính phủ cộng sản được thành lập, trong đó đồng chí Chủ

tịch UML làm Thủ tướng và đồng chí Tổng Bí thư làm Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng. Hơn 6 tháng cầm quyền của UML để lại hình ảnh tốt đẹp không thể phai mờ trong ý thức của cử tri Népan, đồng thời chứng minh sức sống sinh động của chủ nghĩa cộng sản trong thế giới thứ ba. Đến cuộc bầu cử hội đồng địa phương tháng 7-1997, UML lại giành kết quả cao; trong tổng số 190.000 đại biểu (xã, huyện, thị trấn, tỉnh, thành phố), UML chiếm 45%, số còn lại được chia cho các đảng khác. Thực tế đang khẳng định UML được cử tri Népan coi là người đại diện đầy uy tín và xứng đáng nhất cho lợi ích của những người lao động.

Ở khu vực Trung Đông - châu Phi, những đảo lộn ở Liên Xô - Đông Âu đã tác động mạnh đến tổng số 24 đảng cộng sản, công nhân. Đầu tháng 12-1991, Đảng Cộng sản Nam Phi tổ chức Đại hội VIII, đổi tên Đảng và tuyên bố mục tiêu mới của Đảng là chủ nghĩa xã hội dân chủ. Cùng thời gian đó, Đảng Tiền phong Xã hội chủ nghĩa Angieri tuyên bố tự giải tán; Đảng Cộng sản Palestina bị phân liệt nặng nề... Một số đảng cầm quyền theo định hướng xã hội chủ nghĩa bị mất vai trò lãnh đạo, có đảng bị tan rã như Đảng Lao động Etiopia, Đảng Lao động Cônggô, Đảng Xã hội chủ nghĩa Yêmen...

Sau cơn chấn động, hầu hết các đảng cộng sản ở Trung Đông - châu Phi được phục hồi và có sự tập hợp lực lượng mới. Họ đã tổ chức các kỳ đại hội, đánh giá tình hình, phát huy ý thức tập thể, độc lập tự chủ điều chỉnh đường lối và phương thức hoạt động... trên cơ sở kiên trì các mục tiêu cách mạng, bảo vệ các giá trị của chủ nghĩa xã hội, bảo vệ bản sắc cộng sản. Các đảng đã vạch ra chương trình hành động mới, có sức hấp dẫn tập hợp

quần chúng đồng đảo trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội. Ngoài ra, các đảng cộng sản còn tăng cường quan hệ với các chính đảng khác, kể cả các đảng dân tộc cầm quyền, các đảng xã hội - dân chủ nhằm mục tiêu chung là độc lập dân tộc, dân chủ và phồn vinh của đất nước.

Các đảng cộng sản lớn nhất ở Trung Đông - châu Phi hiện nay là Đảng Cộng sản Nam Phi, Đảng Cộng sản Ixraen, Đảng Cộng sản Xiry... Đảng Cộng sản Nam Phi kết nạp được 20 nghìn đảng viên mới trong vòng 2 năm (1990-1991), hiện có tổng số 75 nghìn đảng viên và chiếm 51/400 ghế trong Quốc hội. Đảng còn tham gia Chính phủ với 2 ghế bộ trưởng. Đảng Cộng sản Ixraen có 2 đại biểu trong Quốc hội, 15 người giữ chức chủ tịch các cấp chính quyền địa phương, tham gia lãnh đạo công đoàn, Ủy ban sinh viên và Phong trào Phụ nữ dân chủ Ixraen. Ở Xiry có 2 đảng cộng sản và đều có 2 đại biểu trong Chính phủ và 8 đại biểu trong Quốc hội.

Đồng thời với việc tập hợp lực lượng trong nước, các đảng cộng sản ở Trung Đông - châu Phi đã tổ chức các hoạt động phối hợp ở quy mô khu vực. Đảng Cộng sản Xiry tổ chức các hội thảo quốc tế: "Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản" và "Các phương tiện thông tin đại chúng của trật tự thế giới mới" vào tháng 9-1993. Ngoài ra, trong các dịp dự đại hội của các Đảng Cộng sản Nam Phi (3-1995), Xiry (8-1995), Ixraen (2-1997)..., đại biểu các đảng trong và ngoài khu vực cũng gặp gỡ và phối hợp hành động.

Phong trào cộng sản ở Mỹ Latinh và Caribê trải qua cuộc khủng hoảng nặng nề về tư tưởng và đường lối sau khi Liên Xô và Đông Âu xã hội chủ nghĩa sụp đổ. Một số lãnh đạo cao

cấp của các Đảng Cộng sản: Urugua, Áchentina, Bôlivia, Péru, Chilê, Vênêduêla... rời bỏ hàng ngũ. Tuy vậy, đã không xảy ra sự phân liệt về tổ chức trong phong trào như thời kỳ mâu thuẫn Xô - Trung đầu thập niên 60.

Nhờ các nỗ lực của các đảng nhằm thích nghi với hoàn cảnh mới, phong trào cộng sản Mỹ Latinh - Caribê từng bước được phục hồi. Hầu hết các đảng đã vạch ra được cương lĩnh tối thiểu đấu tranh vì dân sinh, dân chủ; đồng thời cũng đã xác định cương lĩnh cơ bản làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chống đế quốc, giành độc lập dân tộc về kinh tế, củng cố độc lập dân tộc về chính trị và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ngoài Đảng Cộng sản Cuba đang cầm quyền, ở khu vực còn có một số đảng cộng sản (En Xanvado, Guyana, Bôlivia, Braxin, Urugua...) đã và đang tham gia chính quyền từ năm 1990 đến nay.

Phong trào cộng sản Mỹ Latinh - Caribê đã đạt thành công lớn trong việc tập hợp và liên minh lực lượng những năm vừa qua. Chấp nhận sáng kiến của Đảng Lao động Braxin, đồng đảo các lực lượng cộng sản, công nhân, cánh tả, dân chủ - xã hội, tư sản cấp tiến... ở khu vực đã tập hợp gặp nhau tại Sao Paolô (Braxin) tháng 9-1990, thành lập diễn đàn Sao Paolô. Từ 41 đảng thành viên sáng lập, qua các hội nghị hàng năm đều đặn từ năm 1990 đến nay, diễn đàn Sao Paolô có hơn 130 đảng phái, tổ chức, phong trào... tham gia, trong đó có một số đảng cầm quyền, một số khác đã từng cầm quyền, nhiều đảng đang tham chính và không ít đảng có công lao lịch sử ở khu vực. Thông qua sự hoạt động tích cực trong Diễn đàn Sao Paolô, phong trào cộng sản Mỹ Latinh - Caribê mở rộng được mặt trận, mở rộng liên minh, tăng cường cơ hội bàn bạc, tham khảo ý kiến đa phương trước các vấn đề cơ bản của khu vực và thế giới.

Bên cạnh sự phục hồi đầy tính năng động, sáng tạo, phong trào cộng sản Mỹ Latinh - Caribê vẫn còn nhiều hạn chế. *Thứ nhất* là thiếu sự đoàn kết, thống nhất; một số nước có vài đảng cộng sản cùng tồn tại (Chilê, Cộng hoà Dominica, Brasil, Venezuela, Peru, Paraguay...). *Thứ hai* là chưa nắm được ngọn cờ dân tộc. *Thứ ba* là chưa có đường lối và phương án đấu tranh phù hợp đối với từng thời điểm và địa điểm. *Thứ tư* là chưa nắm được quần chúng lao động. *Thứ năm* là còn bị trào lưu xã hội - dân chủ tác động một cách tiêu cực.

Phong trào cộng sản quốc tế ở các nước đang phát triển từ đầu thập niên 90 đến nay đã vận động từng bước vượt qua những khó khăn, thử thách do cục diện chính trị thế giới đặt ra; đã phục hồi về mặt tổ chức; điều chỉnh đường lối chiến lược, sách lược và phương thức đấu tranh; bước đầu thích nghi khá linh hoạt với điều kiện lịch sử mới. Mặc dù còn nhiều hạn chế, yếu kém, nhưng thực trạng của phong trào vẫn chứng tỏ giai cấp công nhân và các tầng lớp lao động khác ở thế giới thứ ba là lực lượng chủ yếu trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, chống đói nghèo, bất công, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân sinh, dân chủ và phát triển.

Ra đời và trưởng thành trong thời đại ngày nay do Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 mở ra, phong trào cộng sản quốc tế là lực lượng chính trị lớn mạnh nhất, quyết định con đường phát triển của nhiều quốc gia dân tộc trong những thập niên vừa qua. Với vai trò, vị trí đại diện cho trào lưu giải phóng và tiến bộ xã hội, cho nội dung và tinh chất của thời đại, phong trào luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh chống sự thống trị, áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản; chống

chính sách hiếu chiến, phát xít, chạy đua vũ trang của chủ nghĩa đế quốc; chống chủ nghĩa thực dân, đoàn kết và ủng hộ các phong trào cách mạng giải phóng dân tộc; phấn đấu vì các mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Lịch sử vẻ vang này của phong trào cộng sản quốc tế được viết lên trong suốt quá trình đấu tranh gần một thế kỷ qua với những bước thăng trầm không tránh khỏi của bản thân phong trào.

Từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, phong trào cộng sản quốc tế đã có bước phục hồi, cung cấp và phát triển trên mọi lĩnh vực từ tư tưởng, chính trị đến tổ chức. Tuy vậy, phong trào vẫn chưa ra khỏi cuộc khủng hoảng bắt đầu từ cuối thập niên 80, đồng thời cũng đang đứng trước nhiều khó khăn, thử thách lớn. Trong những năm tới, phong trào cộng sản quốc tế cần phải vận động thông qua những bước đi, hình thức, cơ chế... phong phú, linh hoạt, từ mô hình chủ nghĩa xã hội, con đường đấu tranh cách mạng, chiến lược và sách lược... đến tập hợp lực lượng, liên minh giai cấp, phối hợp hành động... Sức sống và xu thế đi lên của phong trào là thực tế không thể phủ nhận. Thế kỷ XXI sẽ vận động một cách tất yếu trong “không gian của Mác” - của giải phóng và phát triển. Phong trào cộng sản quốc tế sẽ tiếp tục là một trong những lực lượng quyết định chiều hướng vận động của thế giới trong thời đại ngày nay.

Chương 11

CUỘC ĐÁU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI, XÉT LẠI TRONG PHONG TRÀO CỘNG SẢN, CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

I. SỰ XUẤT HIỆN CHỦ NGHĨA CƠ HỘI

1. Bản chất của chủ nghĩa cơ hội

Chủ nghĩa cơ hội là những trào lưu tư tưởng, chính trị đối địch với chủ nghĩa Mác-Lênin.

Nếu chủ nghĩa Mác-Lênin là lý luận của phong trào công nhân, đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, thì chủ nghĩa cơ hội là trào lưu tư tưởng tư sản, tiêu tư sản trong phong trào công nhân, hướng giai cấp công nhân vào con đường cải lương xã hội, đi ngược những giá trị của chủ nghĩa Mác.

Về lý luận cũng như thực tiễn, những người theo chủ nghĩa cơ hội đóng vai trò “đạo quân chính trị” của giai cấp tư sản. Dù ở lĩnh vực nào và trong hoàn cảnh nào, họ cũng là người bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản và chống lại giai cấp vô sản. Do vậy, nó là kẻ thù của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Trong tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại*,

V.I. Lenin đã chỉ rõ, khi mà chủ nghĩa xã hội trước Mác đã bị đánh bại, không còn tiếp tục đấu tranh trên mảnh đất riêng của nó nữa, thì buộc họ phải lấy tư cách chủ nghĩa Mác để tiếp tục đấu tranh trên mảnh đất chung của chủ nghĩa Mác.

Chủ nghĩa Mác càng phát huy ảnh hưởng của mình trong phong trào công nhân, thì chủ nghĩa cơ hội càng ra sức lợi dụng tên tuổi và học thuyết Mác để đấu tranh chống học lý luận Mác. Những kẻ vốn bài xích Mác, đã núp sau chủ nghĩa Mác để lừa dối giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Chủ nghĩa cơ hội tìm cách sửa chữa chủ nghĩa Mác bằng cách lấy từ chủ nghĩa Mác những điều mà giai cấp tư sản có thể chấp nhận được, nhưng vứt bỏ nguyên lý cách mạng, linh hồn sống của chủ nghĩa Mác. Thực chất của chủ nghĩa cơ hội như Lenin nói, họ “*ôm hôn chủ nghĩa Mác để bóp chết chủ nghĩa Mác*”.

Biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội là:

- Phản bội sự nghiệp của giai cấp công nhân, từ bỏ phương pháp cách mạng và mục tiêu cách mạng;
- Hy sinh lợi ích của giai cấp công nhân, đem lợi ích của giai cấp công nhân phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản;
- Từ chính sách cải lương xã hội đi đến hợp tác với giai cấp tư sản để chống lại giai cấp vô sản và đảng cộng sản.

V.I. Lenin viết: “*chủ nghĩa cơ hội là sự hy sinh lợi ích cẩn bản của quần chúng cho lợi ích tạm thời của một số hết sức ít công nhân, nói cách khác tức là sự liên minh giữa một bộ phận công nhân với giai cấp tư sản để chống lại quần chúng vô sản*”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Lenin: *Toàn tập*, Nxb. Tiền bộ, M. 1980, t.26, tr.307-308.

2. Nguồn gốc của chủ nghĩa cơ hội

a. Nguồn gốc giai cấp

Chủ nghĩa cơ hội xuất hiện trong cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản. Nhưng nguồn gốc sâu xa của nó bắt nguồn từ giai cấp tiểu tư sản.

Trong xã hội hiện đại, nguồn gốc giai cấp của chủ nghĩa cơ hội từ giai cấp chiếm số đông trong xã hội và đang tồn tại ở hầu hết các nước trên thế giới. Đó là giai cấp tiểu tư sản. Họ vừa là bạn đồng minh của giai cấp vô sản, vừa là người sẵn sàng tiếp tay cho giai cấp tư sản, chống lại giai cấp vô sản khi lợi ích của bản thân họ bị xâm phạm.

Về khách quan, vị trí xã hội của giai cấp tiểu tư sản là tầng lớp trung gian, là lực lượng đứng giữa, là giai cấp “đệm” giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản.

Về địa vị kinh tế, giai cấp tiểu tư sản là lực lượng của nền sản xuất nhỏ, nền sản xuất mà đang hàng ngày, hàng giờ có xu hướng tự phát theo khuynh hướng tư bản chủ nghĩa. Còn khi gặp “rủi ro”, đứng trước nguy cơ phá sản thì họ lại rơi vào hàng ngũ vô sản và trở thành “bạn đường của giai cấp vô sản”.

Thậm chí những người bạn đường này, do tính hiếu kỳ, họ còn trở thành những nhà “hàn lâm tiểu tư sản”, là những “trí thức” tiểu tư sản, đem tâm lý tiểu tư sản thâm nhập vào giai cấp công nhân và các đảng cộng sản.

Ngay cả khi giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp cầm quyền, ở các nước xã hội chủ nghĩa, tàn dư của nền kinh tế tiểu nông cũng còn rất lớn và đảng viên của đảng cộng sản ở đây, phần đông vẫn được kết nạp từ tầng lớp nông dân, tiểu tư

sản. Nhưng do nền kinh tế chưa được cải tạo căn bản nên đó chính là miếng đất khơi dậy các tâm lý, thói quen, tập quán của các tầng lớp đã được du nhập vào giai cấp vô sản và đảng cộng sản.

Đó là nguyên nhân sâu xa của sự xuất hiện những khuynh hướng, những trào lưu tư tưởng đối lập với tư tưởng vô sản và học thuyết khoa học - cách mạng của giai cấp vô sản là nguồn gốc xuất hiện chủ nghĩa cơ hội mà sự khắc phục nó không thể giải quyết được nếu đứng ngoài nhân tố kinh tế.

b. Nguồn gốc xã hội

Nguồn gốc xã hội dẫn đến sự xuất hiện chủ nghĩa cơ hội là do sự tồn tại của các tầng lớp trung gian trong xã hội tư bản.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa, cơ sở xã hội xuất hiện các tầng trung gian là do:

- Những thù đoạn, chính sách thống trị của giai cấp tư sản;
- Sự phồn vinh tạm thời của chủ nghĩa tư bản.

Nếu những hành động đàm áp khốc liệt của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản và nhân dân lao động đã làm cho một bộ phận dân cư trong xã hội có tâm lý dao động, cầu an, đề thủ thân, an phận, cam chịu là cơ sở xã hội cho khuynh hướng đầu hàng chủ nghĩa tư bản, thì những thù đoạn mị dân, mua chuộc của giai cấp tư sản đã tạo ra tầng lớp trung gian, những công nhân quý tộc, công nhân quan liêu xuất hiện ngay trong giai cấp công nhân.

Các tầng lớp trung gian, những công nhân quý tộc, công nhân quan liêu ấy được chủ nghĩa tư bản sử dụng như những

“con rắn độc” trong phong trào công nhân, để bảo vệ lợi ích, quyền lợi của giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Đó là những “sĩ quan công nhân của giai cấp tư sản” như Lenin đã nói.

Sự giống nhau giữa tầng lớp công nhân quý tộc, công nhân quan liêu với giai cấp công nhân là:

- Họ đều là đối tượng bị giai cấp tư sản bóc lột;
- Họ đều muốn đấu tranh để cải thiện điều kiện sống.

Sự khác nhau là ở chỗ :

- Tầng lớp công nhân quý tộc, công nhân quan liêu đấu tranh để cải thiện điều kiện sống, để có cuộc sống “tốt hơn” trong xã hội tư bản. Họ không muốn thủ tiêu giai cấp tư sản và chế độ tư bản chủ nghĩa.

- Giai cấp công nhân đấu tranh không chỉ để cải thiện điều kiện sống mà phải đạt mục đích thủ tiêu giai cấp tư sản và chế độ tư bản chủ nghĩa. Như Mác đã nói: mục đích của chủ nghĩa Mác không chỉ giải thích thế giới, mà là phải cải tạo thế giới.

Sự khác biệt ấy về lợi ích đã đẩy tầng lớp công nhân quan liêu, công nhân quý tộc liên minh với các tầng lớp trung gian và là lực lượng bảo vệ trung thành giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản. Do đó về lợi ích, họ đối lập với giai cấp công nhân.

Lenin đã chỉ rõ tầng lớp này là do khiếp nhược mà đầu hàng, do lợi ích kỷ mà phản bội giai cấp công nhân, để tìm cách thích ứng với giai cấp tư sản.

Về địa vị xã hội, họ là những người đứng về phía giai cấp tư sản, bảo vệ chính sách của giai cấp tư sản chống giai cấp công nhân và được chủ nghĩa tư bản nuôi dưỡng. Đó chính là

lực lượng bảo thủ, trung thành với chủ nghĩa tư bản, là lực lượng bảo vệ vòng ngoài tích cực đối với chủ nghĩa tư bản.

3. Đặc trưng của chủ nghĩa cơ hội

a. *Chủ nghĩa cơ hội thường thể hiện lập trường đứng giữa, dấu mặt. Những người theo chủ nghĩa cơ hội thường tránh thể hiện lập trường của mình trước công luận. Họ là những người trung dung, đứng giữa và rất khó hiểu*

V.I. Lênin từng gọi một cách hình ảnh những phần tử cơ hội là người “ngồi giữa hai chiếc ghế”, hoặc như “con rắn nước giữa hai dòng nước xoáy”.

Trong sự suôn sẻ của tình hình, rất khó phát hiện ra các khuynh hướng cơ hội và những người theo phái cơ hội. Biểu hiện của họ là tìm cách thích nghi với mọi phía và mong được các phái chấp nhận, dung nạp. Họ cố gắng làm vừa lòng tất cả các phe phái khi chưa đòi hỏi phải bộc lộ quan điểm.

V.I. Lênin cho rằng, khó có thể nhận biết các “anh chàng cơ hội” trong một cái bẫy của một công thức nào đó. Bởi vì, anh ta dễ dàng thừa nhận mọi công thức, nhưng cũng dễ dàng vứt bỏ mọi công thức.

Đặc biệt, những người theo chủ nghĩa cơ hội rất say sưa với thắng lợi, nhưng lại sợ sệt trước thất bại. Khi cuộc đấu tranh thắng lợi, họ sẵn sàng hạ mình, núp sau giai cấp giành được thắng lợi, để có vinh dự được nhận thành tích chiến thắng. Họ sẵn sàng đánh đổi bằng mọi giá, nếu có được danh tiếng đó. Có thể khái quát biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội là:

- Thiếu quan điểm dứt khoát trước những cuộc tấn công

sống mái và né tránh trước những quyết định có tính bước ngoặt của lịch sử.

- Sợ sệt trước sức mạnh của chủ nghĩa đế quốc, những kẻ mạnh.
- Thiếu lòng tin ở chính bản thân mình và ở quần chúng.

b. Khi buộc phải bộc lộ quan điểm, chủ nghĩa cơ hội thường biểu hiện ở hai loại:

- Chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh.
- Chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh.

Chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh thường biểu hiện sự run sợ trước sức mạnh của đối phương, không dám hành động, thiếu quyết đoán. Những người theo chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh thường rời vào bảo thủ, muốn giữ yên mọi thứ, không dám va chạm, không muốn có sự đảo lộn đồ vỡ, dù đó là những việc làm có lợi cho cách mạng. Hậu quả là làm cho cách mạng giảm chân tại chỗ, thậm chí thất bại.

Chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh thường biểu hiện ở sự nôn nóng, muốn đốt cháy giai đoạn, muốn hành động ngay để đạt mục đích mà không tính đến những điều kiện, hậu quả của nó.

Những người theo chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh thường dễ phạm sai lầm, làm cho lực lượng bị tiêu hao, tiêu diệt, làm cho cách mạng thất bại không đạt được mục đích, do không chớp được thời cơ, không sử dụng được tình thế cách mạng.

Cả hai biểu hiện, dù hữu hay “tả” cũng đều sai lầm. Thực tiễn cho thấy, hai quan điểm trên không bài trừ lẫn nhau, mà

sớm hay muộn họ cũng hợp nhất lại “dưới ngọn cờ của chủ nghĩa chống cộng”.

Chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa chống cộng là sự tuyên chiến công khai đối với chủ nghĩa Mác-Lênin, là công cụ của chủ nghĩa đế quốc trong cuộc đấu tranh nhằm thủ tiêu các đảng cộng sản.

Do vậy, từ chủ nghĩa cơ hội, xét lại đến chủ nghĩa chống cộng là không có ranh giới. Khi cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội giành thắng lợi sẽ gạt bỏ được “người bạn đồng hành”, một đồng minh của giai cấp tư sản là chủ nghĩa chống cộng sản. Đó chính là chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc.

II. CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG CHỦ NGHĨA CƠ HỘI TRONG PHONG TRÀO CỘNG SẢN, CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

1. Cuộc đấu tranh chống các trào lưu tư tưởng đối lập

Để bảo vệ và tuyên truyền những quan điểm của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* - cương lĩnh chính trị đầu tiên của giai cấp vô sản, đưa những quan điểm ấy thâm nhập vào phong trào công nhân, biến lý luận thành sức mạnh vật chất của giai cấp công nhân thế giới - công cụ đấu tranh chống giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã đấu tranh chống các trào lưu tư tưởng đối lập, một trở lực trong việc đưa lý luận cách mạng vào phong trào công nhân.

Cuộc đấu tranh đó đã diễn ra với bốn phái :

- Chủ nghĩa xã hội không tưởng tiêu tư sản của Prud'ong.
- Chủ nghĩa vô chính phủ của Bacunin.

- Phái kinh tế của Látxan.
- Chủ nghĩa công đoàn Anh.

Về lý luận, C. Mác và Ph. Ăngghen đã vạch trần quan điểm của các phái trên là sự triết trung chủ nghĩa gồm một số luận điểm của Hêgen, Phobách, kết hợp với những tư tưởng của các nhà không tưởng và tâm trạng tinh cảm của tôn giáo dưới danh nghĩa “chủ nghĩa xã hội chân chính”.

Quan điểm của họ là cơ sở cho các cương lĩnh có tính chất duy tâm của những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng tiêu tư sản, đối lập với học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân.

C. Mác đã vạch rõ quy luật phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, mối quan hệ qua lại giữa đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị, vai trò của đấu tranh bãi công và những hình thức đấu tranh để giai cấp vô sản tự tổ chức thành một giai cấp độc lập. Cuộc đấu tranh ấy tất yếu dẫn đến đấu tranh chính trị để giải phóng giai cấp và giải phóng xã hội.

Về thực tiễn, C. Mác và Ph. Ăngghen đã vạch trần tính chất tiêu tư sản của những người theo phái Prudông, tính chất vô chính phủ của Bacunin, tính phản động của phái kinh tế Látxan và tính phi chính trị của chủ nghĩa công đoàn Anh.

Cuộc đấu tranh đã diễn ra trong nội bộ Quốc tế I (1864-1876). Đến năm 1871 thì cuộc đấu tranh của C. Mác, Ph. Ăngghen giành thắng lợi, đánh bại được các phái về mặt tổ chức.

Năm 1871, Ph. Ăngghen nói, về cơ bản các quan điểm trái

ngược đã bị đánh bại. Chủ nghĩa Mác đã trở thành “cái mốt” trong phong trào công nhân.

Quốc tế I giải tán vào 1876, khi nó đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử, đánh bại các trào lưu tư tưởng đối lập, đưa chủ nghĩa Mác thâm nhập vào phong trào công nhân, tạo cơ sở cho chính đảng của giai cấp vô sản ra đời.

Sự xuất hiện các đảng xã hội chủ nghĩa trong những năm sau đó, là kết quả của cuộc đấu tranh của C. Mác và Ph. Ăngghen, là thắng lợi của hai ông trong cuộc đấu tranh chống các trào lưu đối lập, tạo điều kiện hình thành các chính đảng độc lập của giai cấp vô sản, đưa cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản sang một thời kỳ chuyển biến về chất.

2. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội hữu và “tả” khuynh

Vào những năm bằn lè giữa hai thế kỷ XIX, XX đã hình thành hai trào lưu trong phong trào công nhân: trào lưu cách mạng và trào lưu cải lương, cơ hội chủ nghĩa. Trong đó, trào lưu cải lương, cơ hội chủ nghĩa đã trở thành nguyên nhân thường xuyên kìm hãm sự phát triển của phong trào công nhân, thậm chí có lúc đưa phong trào công nhân đến những thất bại.

Vì thế, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc là nhiệm vụ thường xuyên của phong trào công nhân và các đảng cộng sản.

a. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh

- Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh Bécxanh.

E. Bécxtanh (1880-1932), thủ lĩnh chủ nghĩa cơ hội cực đoan của Đảng Dân chủ - Xã hội Đức và Quốc tế II, nhà lý luận của chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cải lương.

Từ lập trường cánh hữu, Bécxtanh đã trở thành kẻ xét lại những nguyên lý triết học, kinh tế và chính trị của chủ nghĩa Mác.

Bécxtanh đã tuyên bố nhiệm vụ cơ bản của phong trào công nhân là đấu tranh cho những cải cách nhằm cải thiện hoàn cảnh kinh tế của công nhân dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Công thức cơ hội chủ nghĩa của Bécxtanh nêu lên là “phong trào là tất cả, còn mục đích cuối cùng chẳng là gì cả”. Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất nổ ra, Bécxtanh đứng trên lập trường chủ nghĩa xã hội sôvanh.

Kết luận về lập trường của Bécxtanh trong Quốc tế II, V.I. Lê nin nói, đó là “kẻ cơ hội chủ nghĩa đã mất thói quen nghĩ theo lối cách mạng”⁽¹⁾.

V.I. Lê nin đã đấu tranh kiên quyết, vạch rõ lập trường cơ hội chủ nghĩa của Bécxtanh như sau:

- Phù nhận quá trình phát triển khách quan của lịch sử và bảo vệ sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản.
- Phù nhận vai trò cách mạng của giai cấp vô sản và cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản.
- Ca ngợi đấu tranh nghị trường và kêu gọi: chỉ cần 50% đại biểu công nhân trong nghị viện tư sản thì cách mạng vô sản nhất định thành công.

⁽¹⁾ V.I. Lê nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, M. 1976, t.33, tr.65.

Những quan điểm của Bécxtanh thực chất là thủ tiêu đấu tranh giai cấp, sùng bái giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản, phủ nhận cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

Lập trường xét lại chủ nghĩa Mác của Bécxtanh được giai cấp tư sản bơ đỡ. Bécxtanh đã trở thành kẻ bảo vệ tích cực cho giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản, lập trường cơ hội ấy đã trở thành cơ sở của chủ nghĩa chống cộng sản sau này.

Cuốn sách *Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và nhiệm vụ Đảng Dân chủ - Xã hội* của Bécxtanh xuất bản 1899, đòi sửa đổi chủ nghĩa Mác, mà thực chất là xét lại chủ nghĩa Mác. Các nội dung chủ yếu:

- Đòi mở rộng tự do dân chủ, mở rộng luật phổ thông đầu phiếu để phủ nhận đấu tranh giai cấp và bạo lực cách mạng.
- Bécxtanh coi cách mạng xã hội là một “tai biến chính trị”, cần xoá bỏ cách mạng xã hội để tránh “tai biến chính trị”.
- Bécxtanh xem chuyên chính vô sản - một hình thức chính quyền của giai cấp vô sản - là sự “thụt lùi về chính trị” và đòi xoá bỏ chuyên chính vô sản.

Cuộc đấu tranh chống quan điểm Bécxtanh diễn ra rất quyết liệt trong và sau Quốc tế II. Những quan điểm cơ hội của Bécxtanh đã bị đánh bại vào thời kỳ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã chứng minh các quan điểm của chủ nghĩa Mác về đấu tranh giai cấp, bạo lực cách mạng và chuyên chính vô sản, về trật tự tư sản không phải là “bất di bất dịch”. Những nguyên lý mácxít của chủ nghĩa Mác-Lênin được Cách mạng Tháng Mười Nga làm sáng tỏ và đã trở thành chân lý của thời đại.

Tuy vậy, những quan điểm của Bécxanh vẫn còn ảnh hưởng và tác động đến các đảng và phong trào công nhân trong những năm sau này. V.I. Lênin đã xác định rõ lập trường của phái cải cách. Người chỉ rõ: Không nghi ngờ gì cả, khái niệm cải cách đối lập với khái niệm cách mạng. Nếu quên sự đối lập đó, quên cái ranh giới phân biệt ấy thì sẽ mắc sai lầm nghiêm trọng cả trong những lập luận về lịch sử.

- Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội giữa Cauxki.

C. Cauxki (1854-1938), là một trong những lãnh tụ của Đảng Dân chủ - Xã hội Đức và Quốc tế II. Lúc đầu Cauxki là một nhà mácxít, sau phản bội chủ nghĩa Mác, theo lập trường phái giữa, một biến tướng độc hại nhất của chủ nghĩa cơ hội.

V.I. Lênin đã nói về Cauxki: lập trường thiếu bản lĩnh, thái độ bợ đỡ đối với chủ nghĩa cơ hội và sự tầm thường hoá đối với chủ nghĩa Mác một cách chưa từng thấy trên lĩnh vực lý luận.

Quan điểm của Cauxki là sự hỗn hợp giữa chủ nghĩa kinh tế của Látzan và chủ nghĩa vô chính phủ.

V.I. Lênin đã phê phán biểu hiện giấu mặt - phái giữa của Cauxki. Bề ngoài ca ngợi dân chủ, đề cao cái gọi là “dân chủ thuần túy” nhưng thực chất là phủ nhận dân chủ, phủ nhận, cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

V.I. Lênin đã vạch trần “lý luận siêu đế quốc” của Cauxki, thực chất là đề xướng thuyết phản động “chủ nghĩa siêu đế quốc”, là sự sùng bái chủ nghĩa đế quốc. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, Cauxki đứng trên lập trường xã hội sôvanh và được che đậm bằng những lời nói suông về chủ nghĩa quốc tế. Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, Cauxki đã công khai

chống lại cách mạng vô sản, nền chuyên chính của giai cấp công nhân, chống lại chính quyền Xôviết, và bộc lộ đầy đủ khuynh hướng của chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh.

Tư tưởng dân chủ của Cauxki và Bécxtanh đã bị Lênin phê phán, sau này đã trở thành cơ sở tư tưởng cho chủ nghĩa xã hội - dân chủ.

b. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh

Trong lịch sử phong trào công nhân, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội đã trở thành quy luật. Lúc chống hữu, lúc chống “tả”.

Chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh thường nấp sau những lời nói mỉ mièu với “tinh thần cách mạng” để bảo vệ cho quan điểm, hành động của mình.

Một trong những đại biểu cho khuynh hướng đó là Torótxki.

Torótxki (1879-1940) - kẻ thù độc ác nhất của chủ nghĩa Lênin. Trong những năm thế lực phản động thống trị ở Nga, Torótxki nấp dưới chiêu bài “không bè phái”, nhưng thực chất là đứng trên lập trường của phái thủ tiêu.

Khi ở trong Đảng Bônsêvich, Torótxki đứng trên lập trường của phái “tả” để chống Lênin, chống Đảng và đòi thay thế học thuyết Lênin bằng học thuyết Torótxki. V.I. Lênin đã vạch trần chủ nghĩa Torótxki, một thiên hướng tiểu tư sản trong Đảng trên các vấn đề như:

- Chiến tranh, hòa bình và cách mạng;
- Về “tinh thần cách mạng triệt để” và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở một nước.

Cuộc đấu tranh với chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh Torótxki

và phái Mensêvich ở Nga để bảo vệ tính độc lập của Đảng Bônsêvich, đã đập tan khuynh hướng cơ hội của Torôtxki cả về tư tưởng và tổ chức.

Thắng lợi của Đảng Bônsêvich trong cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, đã chứng minh những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh, hòa bình và cách mạng, về sự thắng lợi của cách mạng ở một nước. Thực tiễn lớn lao đó đã đánh dấu thắng lợi của chủ nghĩa Mác đối với chủ nghĩa Torôtxki và góp phần củng cố phong trào công nhân về tư tưởng và chính trị.

Trong bài *Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại*, Lênin khẳng định: Chủ nghĩa Mác sau mỗi lần bị khoa học của bọn thống trị phê bình một cách gay gắt, thì lại càng vững mạnh và càng sinh động hơn bao giờ hết. Song, lịch sử đã chứng minh tính vô căn cứ của chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh, điều đó không có nghĩa là tính chất nguy hiểm của chúng về mặt chính trị đã bị xoá bỏ, không có nghĩa là việc đấu tranh với chúng không còn cấp thiết nữa. Những sự khác nhau về trình độ phát triển của giai cấp công nhân, về quan hệ và ảnh hưởng tư tưởng v.v. là cơ sở khách quan của sự tồn tại trong phong trào công nhân những trào lưu khác nhau phản ánh quá khứ cũng như hiện tại của phong trào công nhân.

3. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại hiện đại

Khi các khuynh hướng cơ hội đã bị phê phán, thì những kẻ chống chủ nghĩa Mác không còn đứng chung trong mảnh đất của

của chủ nghĩa Mác nữa, mà họ đứng hẳn về một chiến tuyến, công khai đòi xét lại những nguyên lý của chủ nghĩa Mác.

Những nguyên nhân trực tiếp phát sinh chủ nghĩa xét lại là:

- Lợi dụng nguyên vọng hòa bình chân chính của nhân dân thế giới, nhất là những nước đã chịu đựng hy sinh, mất mát nhiều trong chiến tranh, nên họ đã dùng sức mạnh của ưu thế hạt nhân để đe dọa hòa bình và an ninh thế giới - nhưng đó là hòa bình trong nô lệ, hòa bình kiêu đế quốc.

- Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại ở các nước tư bản đã đem lại những thành tựu cho một số nước tư bản chủ nghĩa. Từ đó họ phê phán các nước xã hội chủ nghĩa đòi xét lại tính định hướng của chủ nghĩa xã hội và tuyên truyền cho quan điểm “chủ nghĩa tư bản nhân dân”, “nhà nước phúc lợi chung”...

- Lợi dụng những thiếu sót, sai lầm của các đảng cộng sản trong công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa, họ lên án và đòi xét lại vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản.

- Do công tác tổng kết lý luận của các đảng cộng sản chậm hơn sự phát triển và đòi hỏi của thực tiễn, nên họ đưa ra các lý thuyết phản động hòng thay thế học thuyết Mác, để định hướng tư tưởng và hành động cho quần chúng nhân dân.

Biểu hiện của chủ nghĩa xét lại được tập trung trên các vấn đề như:

- Đánh giá quá cao lực lượng đế quốc, đặc biệt sức mạnh vũ khí hạt nhân, thổi phồng nguy cơ chiến tranh, gây tâm lý sợ chiến tranh.

- Đề cao chung sống hòa bình, hoà hoãn về nguyên tắc với chủ nghĩa đế quốc, từ bỏ quan điểm giai cấp và đấu tranh giai cấp.

- Lợi dụng tâm lý dân tộc, đề cao chủ nghĩa dân tộc, công kích đảng cộng sản, gây chia rẽ nội bộ các đảng và phong trào cộng sản.

- Phù định nguyên tắc tập trung dân chủ, đòi tự do tư sản, đòi xét lại những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin và vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản.

Cuộc đấu tranh đã diễn ra trong nội bộ các đảng cộng sản như Đảng Cộng sản Liên Xô (trước đây), Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Lao động Anh và một số đảng cộng sản khác.

Trong các năm 1957, 1960 và 1969 đã diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa hai quan điểm cách mạng và cơ hội, xét lại trên các vấn đề như ý nghĩa quốc tế của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917; nội dung, tính chất, đặc điểm của thời đại; các quan điểm về chiến tranh, hòa bình và cách mạng.

Cuộc đấu tranh ấy đã dẫn đến sự rạn nứt trong phong trào cộng sản, đặc biệt là giữa hai đảng ở hai nước lớn là Liên Xô và Trung Quốc.

Sau đó, cuộc đấu tranh còn diễn ra gay gắt giữa những người mácxít và những người theo quan điểm của “chủ nghĩa cộng sản châu Âu”, đồng thời còn diễn ra cả trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa giáo điều.

Sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông

Âu, cuộc đấu tranh tập trung vào các vấn đề như vai trò là kim chi nam, nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin; tính định hướng chính trị của chủ nghĩa xã hội và vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản v.v. đã và đang là những vấn đề nóng bỏng trong cuộc đấu tranh giữa những người mácxit và các thế lực thù địch. Thực chất đó là cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa hệ tư tưởng tư sản và hệ tư tưởng vô sản.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu lên phương pháp đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, xét lại, thể hiện bằng hai cách:

“Một là, tiến hành đấu tranh công khai về lý luận và tư tưởng, phân rõ đúng sai, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Hai là, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế của từng nước, đi đến kết luận có tính chất lý luận, thông qua công tác đó mà phê phán những quan điểm sai lầm, đồng thời phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin một cách sáng tạo”⁽¹⁾.

Ngày nay, việc các đảng cộng sản, công nhân tiến hành gặp gỡ hai bên, nhiều bên, hoặc các hội nghị khu vực nhằm tổng kết các vấn đề lý luận và thực tiễn, nhằm thống nhất hành động, là một trong những hình thức đấu tranh nhằm củng cố, thống nhất trong phong trào cộng sản quốc tế.

Chủ nghĩa cơ hội, xét lại thực chất đang tiếp tay cho chủ

⁽¹⁾ Xem bài phát biểu của Đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị phổ biến Nghị quyết Trung ương 9 (khoá 3).

nghĩa đế quốc và là lực lượng bảo vệ chủ nghĩa đế quốc một cách tích cực nhất.

Vì vậy, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại không tách rời cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa chống cộng cũng như các loại chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa giáo điều. Cuộc đấu tranh ấy là quy luật của các đảng cộng sản và phong trào cộng sản quốc tế, để bảo vệ những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, bảo vệ chủ nghĩa xã hội hiện thực.

GIÁO TRÌNH
LỊCH SỬ PHONG TRÀO CỘNG SẢN VÀ CÔNG NHÂN QUỐC TẾ
Hệ cử nhân chính trị

Chịu trách nhiệm xuất bản
PGS, TS Vũ Đình Hòe

Chịu trách nhiệm nội dung
TS Đường Vinh Sường

Biên tập nội dung:	Phòng Biên tập
Biên tập kỹ - mỹ thuật:	Lưu Quang Đà
Đọc soát bản in:	Đỗ Tuân Đông
Trình bày bìa:	Lưu Quang Đà

In 500 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Xí nghiệp In - Nhà xuất bản
Lý luận chính trị. Giấy phép xuất bản số: 57-1885/XB-QLXB,
cấp ngày 28-12-2004. In xong và nộp lưu chiểu tháng 11-2005.

TÌM ĐỌC

- Viện Quan hệ quốc tế

Giáo trình Quan hệ quốc tế

- PGS, TS Trịnh Mưu - TS Nguyễn Thế Lực - TS Nguyễn Hoàng Giáp
(Đồng chủ biên)

Quá trình triển khai thực hiện chính sách đối ngoại
của Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Địa chỉ: 56B Quốc Tử Giám - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.7472542 - 7472543 - 7472941

Fax: 04.7472544 - E-mail: nxbllyuan@vnn.vn



Giá: 25.000đ